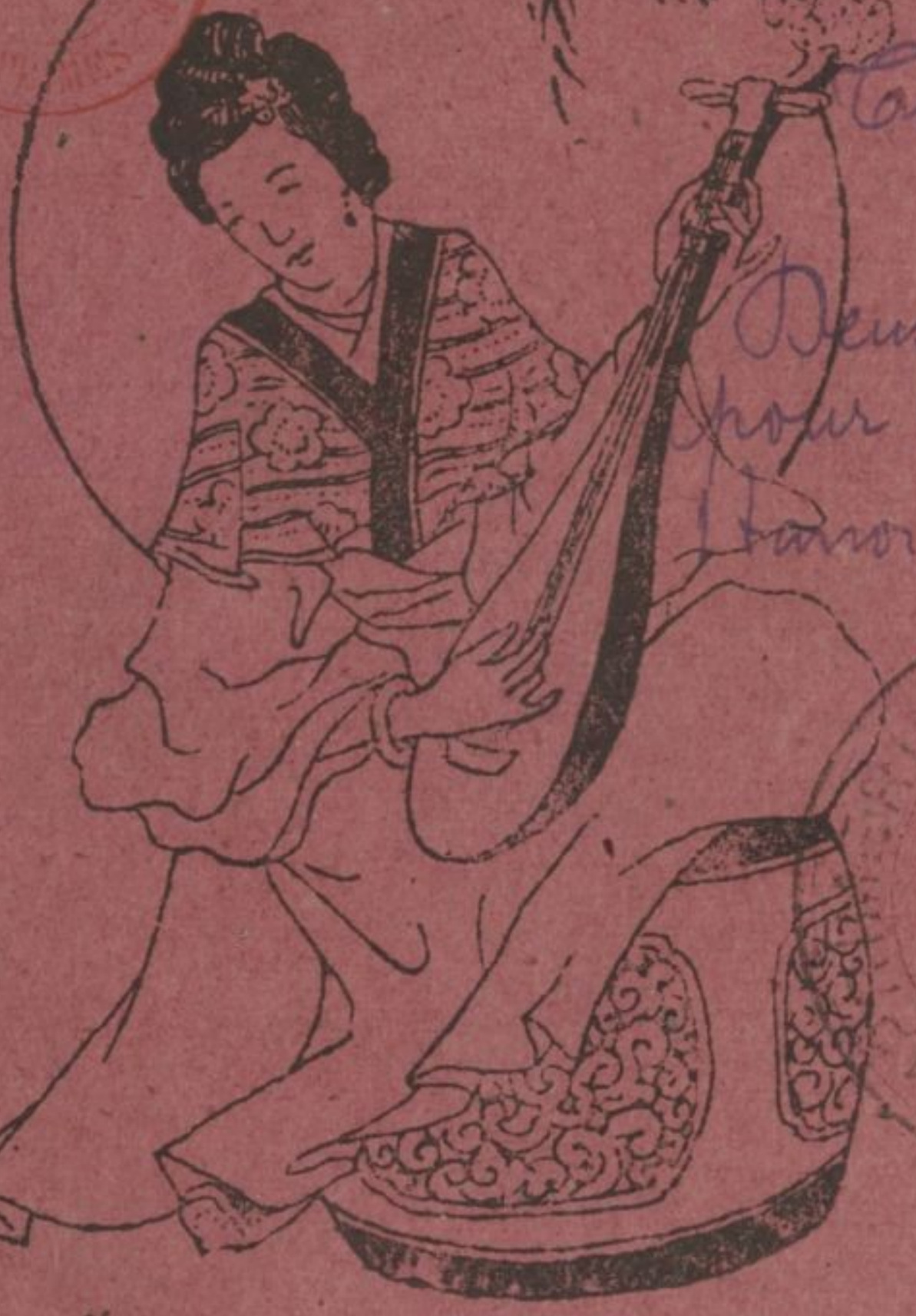
8°
INDO-CHINOIS
2051

TRUYỆN THÚY-KIỀU

翠翹傳

19183



Tirage 2000

Deux exemplaires pour Dépôt Légal fait à Hanoi le 11-12-33.

NGO-TU-HA
HANOI

NGÔ - TỬ - CỐNG
Dịch Thuật

In lần thứ Hai

Giá : 0$30

1933

Nhà in Ngô-tử-Hạ
HANOI

2051

NÊN ĐỌC BÁO ĐÔNG THANH

Đông-thanh-tạp-chí là nên đọc nhất, vì *Đông-thanh* đứng đắn nhất, bổ ích nhất.

Đông-thanh không thiên cổ, không thiên kim, không tâng bốc không công-kích, nhất là không vì lợi mà nịnh đời, lừa dối độc giả.

Giúp việc *Đông-thanh* toàn là người học-thức, ngòi bút có lương-tâm, bao giờ cũng noi theo công-ích và chân-lý.

Trong *Đông-thanh* có đủ luận-thuyết, đoản bình, truyện thế-giới, lịch-sử khoa học, văn học, tiểu-thuyết, thời-sự, lại có những bài thuốc gia-truyền rất hay.

Muốn đọc báo lấy bổ ích tri thức, nên đọc *Đông-thanh*.

Giá báo : { **Một năm . . 3$60**
Nửa năm . . 2,00
Mỗi số . . . 0,16

Thơ từ xin gửi cho
M. Ngô-tử-Hạ chủ nhiệm
Đông-Thanh Tạp-Chí
24 — 46 phố Nhà-thờ Hanoi

TỰA

Quốc-văn như truyện Thúy-Kiều, văn-chương rất tài tình, trước kia chưa từng có, sau này cũng chưa từng thấy.

DÉPOT LÉGAL INDOCHINE
N° 19183

Tiếc vì xưa nay sao chép ngày càng sai nhầm làm cho nhiều người đọc truyện Thúy-Kiều không lấy đâu làm chuẩn đích.

Nay tôi tìm được một bản Kiều rất cổ xin dịch ra quốc-ngữ và gia công nghiên-cứu, chú thích rõ ràng, và nhờ một nhà danh họa theo sự tích trong truyện, vẽ ra từng cảnh ; độc-giả trong khi ngâm vịnh lại xem ảnh vẽ tỏ ra cái hiện tượng thật của nàng Kiều vậy.

Hanoi, Octobre 1925.

NGÔ-TỬ-CỐNG

8° Indoch,
2051

TRUYỆN KIM VÂN KIỀU

Trăm năm trong cõi người ta, (1)
Chữ tài chữ mạnh khéo là ghét nhau!
Trải qua một cuộc bể-giàu,
Những điều trông thấy mà đau đớn lòng.
Lạ gì Bỉ sắc, tư phong,
Giời xanh quen với má hồng đánh ghen.
Cảo thơm, lần giở trước đèn, (2)
Phong tình cổ-lục còn truyền sử-xanh.
Rằng: Năm Gia-tĩnh triều Minh,
Bốn phương phẳng lặng hai kinh vững vàng.
Có nhà Viên-ngoại họ Vương (3)
Gia-tư nghĩ cũng thường thường bậc trung.
Một giai con thứ rốt lòng,
Vương-Quan là chữ, nối dòng nho gia.
Đầu lòng hai ả tố-nga,
Thúy-Kiều là chị, em là Thúy-Vân.

---

(1) Sách Khúc-lễ nói rằng: người sinh trăm tuổi làm hẹn.

(2) Người đời xưa thường lấy cỏ thơm để vào trong sách cho khỏi mối mọt.

3 Truyện Thanh-tâm-tài-tử có nói rằng: Vợ ông Viên-Ngoại là bà Hà-thị có nằm mơ thấy một ông lão cho ba cành đào, một cành đã kết quả, một cành mới nở hoa, một cành hoa đã nửa héo.

Mai cốt-cách, tuyết tinh-thần : (1)
Mỗi người một vẻ mười phân vẹn mười.
Vân xem trang-trọng khác vời,
Khuôn giăng đầy-đặn, nét ngài nở-nang.
Hoa cười, ngọc thuyết đoan trang,
Mây thua nước tóc, tuyết nhường mầu da,
Kiều càng sắc-sảo mặn-mà,
So bề tài sắc lại là phần hơn.
Làn thu-thủy, nét xuân-sơn, (2)
Hoa ghen thua thắm, liễn hờn kém xanh.
Một hai nghiêng nước nghiêng thành (3)
Sắc đành đòi một, tài đành hòa hai.
Thông minh vốn sẵn tư giời,
Pha nghề thi họa đủ mùi ca ngâm.
Cung, thương lầu bực ngũ-âm
Nghề riêng ăn đứt Hồ-cầm một trương,
Khúc nhà tay lựa nên xoang,
Một thiên Bạc-mệnh lại càng não nhân!
Phong-lưu rất mực hồng-quần,
Xuân-xanh xấp xỉ tới tuần cập-kê (4)

---

(1) Thơ Đường-thi: Mai có tuyết thì mới có tinh-thần, mai không điem tuyết thì không đẹp.

(2) Mắt lóng lánh như nước mùa thu, lông mày xanh ngắt như núi mùa xuân.

(3) Lý Diên-niên nói rằng: ở phương bắc có một người gái đẹp, cười một tiếng đổ thành người, cười một tiếng nữa đổ nước người.

(4) Khúc-lễ: con gái 15 tuổi là đến tuần cài trâm, gọi là Cập-kê.

Êm đềm trướng dủ màn che,
Tường-đông ong bướm đi về mặc ai,
Ngày xuân con én đưa thoi, (1)
Thiều-quang chín chục đã ngoài sáu mươi.
Cỏ non xanh tận chân giời,
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa.
Thanh-minh trong tiết tháng ba,
Lễ là Tảo-mộ, hội là Đạp-thanh.
Gần xa nô nức yến anh,
Chị em sắm sửa bộ hành chơi xuân.
Dập dìu tài-tử giai-nhân,
Ngựa xe như nước, áo quần như nêm.
Ngổn ngang gò đống kéo lên,
Thoi vàng-bó rắc, gio tiền giấy bay.
Tà tà bóng ngả về tây,
Chị em thơ thẩn dang tay ra về.
Bước lần theo ngọn tiểu-khê,
Nhìn xem phong-cảnh có bề thanh thanh.
Nao nao dòng nước cuốn quanh,
Dịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang.
Sè sè nấm đất bên đường,
Rầu rầu ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh.
Rằng: sao trong tiết Thanh-minh,
Mà đây hương khói vắng tanh thế này?

---

(1) **Nghĩa là ngày tháng nhanh chóng như thoi đưa.**

Vương-Quan mới dẫn gần xa :
Đạm-Tiên nàng ấy xưa là ca-nhi ;
Nổi danh tài sắc một thì,
Xôn xao ngoài cửa thiếu gì yến anh.
Kiếp hồng-nhan có mong-manh,
Nửa chừng xuân thoắt gẫy cành thiên-hương.
Có người khách ở viễn-phương
Xa nghe cũng nức tiếng nàng tìm chơi.
Thuyền tình vừa ghé tới nơi,
Thì đà trâm gẫy bình rơi bao giờ ! (1)
Buồng không lặng ngắt như tờ.
Dấu xe ngựa đã rêu lờ mờ xanh.
Khóc than khôn xiết sự tình :
Khéo vô duyên mấy là mình với ta !
Đã không duyên trước chăng là,
Thì chi chút đỉnh gọi là duyên sau.
Sắm xanh nếp tử xe trâu, (2)
Vùi nông một nấm, mặc dầu cỏ hoa.
Trải bao thỏ lặn, ác tà, (3)
Ấy mồ vô chủ ai mà viếng thăm !

---

(1) Thơ Cổ-huống : mài trâm ngọc trên đá, chưa thành trâm đã gẫy. Kéo bình bạc dưới giếng, chưa lên giây đã đứt. Lại sách Tây-xương có nói : bình trụy trâm chiết nghĩa là người đã chết rồi.

(2) Người đời xưa lấy gỗ tử làm quan tài, dùng xe trâu tống táng.

(3) Thỏ là mặt giăng, ác là mặt giời.

Lòng đâu sẵn mối thương tâm,
Thoắt nghe Kiều đã đầm đầm châu sa :
Đau đớn thay phận đàn bà !
Nhời rằng bạc-mệnh cũng là nhời chung !
Phũ phàng chi mấy Hóa-công ! (1)
Ngày xanh mòn mỏi má hồng phôi pha.
Sống làm vợ khắp người ta !
Hại thay ! thác xuống làm ma không chồng !
Nào người phượng chạ loan chung.
Nào người tiếc lục tham hồng là ai ?
Đã không kẻ đoái người hoài,
Sẵn đây ta thắp một vài nén hương.
Gọi là gặp gỡ giữa đường,
Họa là người dưới suối-vàng (2) biết cho.
Lâm râm khấn vái nhỏ to,
Thụp ngồi vài gật trước mồ bước ra.
Một vùng cỏ áy bóng tà,
Gió hiu-hiu thổi một và bông lau.
Rút trâm sẵn giắt mái đầu,
Vạch da cây, vịnh bốn câu ba vần.
Lại càng mê mẩn tâm thần,
Lại càng đứng lặng tần ngần chẳng ra.
Lại càng ủ dột nét hoa,
Sầu tuôn đứt nối, châu sa vắn dài.

---

(1) Hóa-công là ông giời.
(2) Suối-vàng là cửu-tuyền.

Vân rằng: chị cũng nực cười!
Khéo dư nước mắt, khóc người đời xưa!
Rằng: Hồng-nhan tự thủa xưa,
Cái điều bạc-mệnh có chừa ai đâu!
Nỗi niềm tưởng đến mà đau!
Thấy người nằm đó biết sau thế nào?
Quan rằng: chị nói hay sao!
Một nhời là một vận vào khó nghe!
Ở đây âm-khí nặng nề,
Bóng chiều đã ngả dặm hòe còn xa! (1)
Kiều rằng: những đấng tài-hoa,
Thác là thể-phách, còn là tinh-anh.
Dễ hay tình lại gặp tình,
Chờ xem, ắt thấy hiển-linh bây giờ!
Một nhời nói chửa kịp thưa,
Phút đâu trận gió cuốn cờ đến ngay;
Ào ào đổ lộc rung cây,
Ở trong dường có hương bay ít nhiều.
Đèo chừng ngọn gió lần theo,
Dấu giầy (2) từng bước in rêu rành rành.
Mặt nhìn ai nấy đều kinh,
Nàng rằng: Này thực tinh thành chẳng xa.

---

(1) Ngươi Hiếu-Khoan làm quan Thứ-sử, bắt dân giồng hòe bên đường, để người ta đi mát.

(2) Thấy dấu giầy đi trên rêu xanh, đến mộ Đạm-tiên thì mất.



Người quốc-sắc, kẻ thiên-tài,
Tình trong như đã, mặt ngoài còn e. (Xem trang 10-11)

Hữu tình ta lại gặp ta,
Chẳng nề u hiển mới là chị em.
Đã lòng hiển-hiện cho xem,
Tạ lòng, nàng lại nối thêm vài nhời:
Lòng thơ lai láng bồi bồi,
Gốc cây lại vạch một bài cổ-thi.
Giùng giằng nửa ở nửa về,
Nhạc vàng đâu đã tiếng nghe gần gần.
Tròng chừng thấy một văn-nhân,
Lỏng buông tay khấu, bước lần dặm băng;
Đề huề lưng túi gió giăng,
Sau chân theo một vài thằng con-con.
Tuyết in sắc ngựa câu giòn, (1)
Cỏ pha mùi áo nhuộm non da giời. (2)
Nẻo xa mới tỏ mặt người,
Khách đà xuống ngựa, tới nơi tự tình.
Hài văn lần bước dặm xanh,
Một vùng như thể cây Quỳnh cành Giao, (3)
Chàng Vương, quen mặt ra chào,
Hai Kiều e-lệ nép vào dưới hoa.
Nguyên người quanh-quất đâu xa,
Họ Kim tên Trọng vốn nhà trâm-anh.

---

(1) Kinh thi nói: có khách có khách, cưỡi con ngựa bạch.

(2 Thơ Vệ-phong: học trò mặc áo xanh là bậc người phong nhã,

(3 Quỳnh Giao là tên ngọc, nói ý người văn nhân tiên cách.

Nền phú-quí, bực tài danh,
Văn-chương nết đất, thông-minh tính giời.
Phong-tư tài-mạo tuyệt vời,
Vào trong phong-nhã ra ngoài hào-hoa.
Chung quanh vẫn đất nước nhà,
Với Vương-Quan trước vẫn là đồng-thân.
Trộm nghe thơm nức hương-lân,
Một nền Đồng-tước, khóa xuân hai kiều (1)
Nước non cách mấy buồng điều,
Những là trộm dấu thầm yêu chốc mòng.
May thay giải cấu tương phùng,
Gặp tuần đua lả, thỏa lòng tìm hoa. (2)
Bóng hồng nhác thấy nẻo xa,
Xuân-lan, thu-cúc mặn-mà cả hai.
Người quốc-sắc, kẻ thiên-tài,
Tình trong như đã, mặt ngoài còn e.
Chập-chờn cơn tỉnh cơn mê,
Rốn ngồi chẳng tiện, dứt về chẳng khôn.
Bóng tà như giục cơn buồn,
Khách đà lên ngựa, người còn nghé theo.
Dưới cầu nước chảy trong veo,
Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt tha.
Kiều từ giở gót trướng hoa,
Mặt giời gác núi, chiêng đà thu không.

---

(1) Đền Đồng-tước là của Tào-Tháo xây. Sau ông Đỗ-Phủ có câu thơ: Đồng-tước xuân thâm tỏa nhị kiều.

(2) Tục lệ nhà Đường, có hội đấu trăm thức hoa lá.

Gương nga chênh-chếch dòm song. (1)
Vàng gieo ngấn nước, cây lồng bóng sân.
Hải-đường (2) lả ngọn đông-lân,
Giọt sương gieo nặng cành xuân là-đà.
Một mình lặng ngắm bóng nga,
Rộn đường gần với nỗi xa bời bời:
Người mà đến thế thời thôi,
Đời phồn-hoa cũng là đời bỏ đi!
Người đâu gặp gỡ làm chi?
Trăm năm biết có duyên gì hay không?
Ngổn ngang trăm mối bên lòng.
Nên câu tuyệt-diệu ngụ trong tình tình.
Chênh-chênh bóng nguyệt xế mành,
Tựa lan bên triện (3) một mình thiu thiu.
Thoắt đâu thấy một tiểu-kiều,
Có chiều phong-vận, có chiều thanh-tân.
Sương in mặt, tuyết pha chân,
Sen vàng lững thững như gần như xa.
Chào mừng đón hỏi dò la:
Đào-nguyên lạc lối đâu mà đến đây?
Thưa rằng: Thanh-khí xưa nay;
Mới cùng nhau lúc ban ngày đã quên?

---

(1) Nga là mặt giăng, song là cửa sổ.

(2) Thơ của Lý-thương-Ẩn nói: Giăng nhạt soi giữa sân, Hoa hải-đường rã dụng.

(3) Triện là cái ghế.

Hàn-gia ở mái tây hiên,
Dưới dòng nước chảy bên trên có cầu.
Mấy lòng hạ-cố đến nhau,
Mấy nhời hạ-tứ ném châu gieo vàng! (1)
Vâng trình hội-chủ xem tường,
Mà xem trong sổ đoạn-trường có tên.
Âu đành quả-kiếp nhân-duyên,
Cùng người một hội một thuyền đâu xa!
Này mười bài mới, mới ra,
Câu thần lại mượn bút hoa vẽ vời.
Kiều vâng lĩnh ý đề bài,
Tay tiên một vẩy đủ mười khúc ngâm.
Xem thơ nắc-nỏm khen thầm:
Giá đành tú-khẩu cẩm-tâm (2) khác thường!
Vì đem vào tập đoạn-trường,
Thì treo giải nhất, chi nhường cho ai!
Thềm hoa, khách đã giở hài,
Nàng còn cầm lại một hai tự tình.
Gió đâu sịch bức mành-mành,
Tỉnh ra mới biết rằng mình chiêm-bao.
Trông theo nào thấy đâu nào!
Hương thừa dường hãy ra vào đâu đây

---

(1) Thơ ông Đỗ-Phủ khen nhời văn của ông Đạo-Châu, tay cầm như cầm hạt châu ngoài bể nhớn, bụng nghĩ như là hòn ngọc núi Côn-sơn.

(2) Ông Liễu-tôn-Nguyên làm văn hay, đáng khen rằng: dạ như gấm mà miệng như vóc.

Một mình lưỡng-lự canh chầy,
Đường xa, nghĩ nỗi sau này mà kinh:
Hoa trôi bèo giạt đã đành,
Biết duyên mình, biết phận mình thế thôi!
Nỗi riêng lớp lớp sóng giồi,
Nghĩ đòi cơn lại xụt xùi đòi cơn.
Giọng Kiều rền-rĩ trướng loan,
Nhà-huyên chợt tỉnh hỏi: Con-ớ gì?
Cớ sao giấn giọc canh khuya?
Mầu hoa-lê hãy đầm đìa giọt mưa!
Thưa rằng: Chút phận ngây thơ.
Dưỡng sinh đôi nợ tóc tơ chưa đền.
Buổi ngày chơi mả Đạm-Tiên,
Nhắp đi, phút thấy ứng liền chiêm-bao.
Đoạn-trường là số thế nào?
Bài ra thế ấy, vịnh vào thế kia!
Cứ trong mộng-triệu mà suy,
Phận con, thôi có ra gì mai sau!
Dạy rằng: Mộng-ảo cứ đâu?
Bỗng không mua não chác sầu, nghĩ nao!
Vâng nhời khuyên giải thấp cao;
Chưa xong điều nghĩ, đã dào mạch Tương. (1)
Ngoài song thỏ-thẻ oanh vàng, (2)
Nách tường bông liễu bay ngang trước mành (3)

(1 Mạch-Tương là nước mắt.

(2 Thơ Đường: Thức dậy, con oanh nói trước sân.

(3) Vua Lương-vũ vịnh bông liễu, có câu: đới nhật giao liêm ảnh, nghĩa là: bóng mặt giời lồng bóng bông liễu và bức mành.

Hiên tà gác bóng chênh-chênh,
Nỗi riêng, riêng trạnh tấc riêng một mình.
Cho hay là thói hữu-tình,
Đố ai gỡ mối tơ mành cho xong!
Chàng Kim từ lại thư-song,
Nỗi nàng canh cánh bên lòng biếng khuây.
Sầu đong càng lắc càng đầy,
Ba thu giọn lại một ngày dài ghê!
Mây Tần (1) khóa kín song the,
Bụi hồng lẽo-đẽo đi về chiêm-bao.
Tuần giăng khuyết, đĩa dầu hao,
Mặt mơ tưởng mặt, lòng ngao-ngán lòng.
Phòng văn hơi giá như đồng,
Trúc se ngọn thỏ, tơ trùng phím loan. (2)
Mành Tương phất-phất gió đàn,
Hương gây mùi nhớ, trà khan giọng tình:
Ví chăng duyên nợ ba sinh,
Làm chi đem thói khuynh-thành trêu ngươi?
Bâng-khuâng nhớ cảnh nhớ người,
Nhớ nơi kỳ ngộ, vội rời chân đi.
Một vùng cỏ mọc xanh-rì,
Nước ngâm trong vắt, thấy gì nữa đâu!

---

(1) Sách Tấn: Tần vân như mĩ-nhân, nghĩa là mây Tần như con gái đẹp.

(2) Sử ký: lấy lông thỏ làm bút; phép gẩy đàn như hai con loan đứng múa.

Thoa này bắt được hư không,
Biết đâu Hợp-phố (1) mà mong châu về.
Tiếng Kiều nghe lọt bên kia:
Ơn lòng quân-tử sá gì của rơi?
Chiếc thoa là của mấy mươi,
Mà lòng trọng nghĩa khinh tài xiết bao!
Sinh rằng: Lân-lý ra vào,
Gần đây, nào phải người nào xa xôi!
Được rầy nhờ chút thơm rơi,
Kể đà thiều não lòng người bấy nay!
Bấy lâu mới được một ngày,
Dừng chân, gạn chút niềm tây gọi là.
Vội về thêm lấy của nhà,
Xuyến vàng đôi chiếc, khăn là một vuông.
Thang mây rón bước ngọn tường,
Phải người hôm nọ rỡ-ràng, chẳng nhe?
Sượng-sùng giữ ý rụt rè,
Kẻ nhìn tỏ mặt, người e cúi đầu.
Rằng: Từ ngẫu nhĩ gặp nhau,
Thầm trông trộm nhớ, bấy lâu đã chồn!
Sương mai, tính đã gầy mòn,
Lần lừa ai biết hãy còn hôm nay.

---

(1) Đất quận Hợp-phố có lắm ngọc châu, phải quan Thái-thú tham-tàn, hạt châu đi hết. Đến sau được quan Thái-thú có chính sự tốt đến thay thì hạt châu lại về.

Nắm tròn như cuội cung mây
Trần-trần một phận ấp cây (1) đã liều!
Tiện đây xin một hai điều,
Đài gương soi đến dấu bèo cho chăng?
Ngần-ngừ nàng mới thưa rằng:
Thói nhà băng-tuyết chất hằng phi-phong.
Dù khi lá thắm, chỉ hồng, (2)
Nên chăng thì cũng tại lòng mẹ cha.
Nặng lòng xót liễu vì hoa, (3)
Trẻ thơ, đã biết đâu mà giám thưa.
Sinh rằng: Rầy gió mai mưa,
Ngày xuân đã dễ tình cờ mấy khi?
Dù chăng xét tấm tình-si,
Thiệt đây mà có ích gì đến ai?
Chút chi gắn bó một hai,
Cho đành, rồi sẽ liệu bài mối manh.
Khuôn thiêng dù phụ tấc thành,
Cũng liều bỏ quá xuân xanh một đời.
Lượng xuân dù quyết hẹp hòi,
Công đeo đuổi chẳng thiệt thòi lắm du!

---

(1) Ngươi Vỹ-Sinh hẹn với người yêu đợi dưới gậm cầu, người yêu không đến, khi nước lên, ôm cột cầu mà chết.

(2) Chỉ hồng là dây buộc vợ chồng.

(3) Giao-Tiên rằng: việc hôn nhân đã có cha mẹ định. Con gái nhẽ đâu giám nói ra.

Lặng nghe nhời nói nhu du,
Chiều xuân dễ khiến, nét thu ngại-ngùng;
Rằng: Trong buổi mới lạ lùng,
Nề lòng có nhẽ cầm lòng cho đang.
Đã lòng quân-tử đa mang,
Một nhời vâng tạc đá vàng (1) thủy chung.
Được nhời như cởi tấm lòng,
Giở kim-thoa với khăn hồng (2) trao tay
Rằng: Trăm năm cũng từ đây,
Của tin, gọi một chút này làm ghi.
Sẵn tay khăn gấm quạt quì, (3)
Với cành thoa ấy tức thì đổi trao.
Một nhời gắn bó tấc giao.
Mái sau nhường có xôn-xao tiếng người.
Vội vàng lá rụng, hoa rơi,
Chàng về thư viện, nàng rời lầu trang.
Từ phen đá biết tuổi vàng,
Tình càng thấm thía, dạ càng ngẫn ngơ.
Sông Tương một giải nông trờ,
Bên trông đầu nọ, bên chờ cuối kia. (4)

---

(1) Thơ Đường, chỉ duy có người đồng tâm với mình nên lấy câu đá vàng mà thí dụ.

(2) Họ Phan và họ Trần tặng trâm cho nhau để định ước hôn nhân.

(3) Quạt hoa qui là của người làng ông Tạ-an làm.

(4) Cuối đời nhà Chu, nàng Lương-ý, với Lý-sinh gặp nhau sau ly-biệt, có thơ rằng: Chàng ở đầu sông Tương, thiếp ở cuối sông Tương, nhớ nhau chẳng thấy nhau, cùng uống nước sông Tương.

Một tường tuyết trở sương che,
Tin xuân đâu dễ đi về cho năng!
Lần lần ngày gió đêm giăng,
Thưa hồng rậm lục đã chừng xuân qua.
Ngày vừa sinh-nhật ngoại-gia,
Trên hai đường, dưới nữa là hai em.
Tưng bừng sắm sửa áo xiêm,
Biện dâng một lễ, xa đem tấc thành.
Nhà lan thanh vắng một mình,
Ngẫm cơ hội-ngộ đã đành hôm nay.
Thời-trân thức thức sẵn bày,
Gót sen thoăn-thoắt dạo ngay mé tường.
Cách hoa, sẽ dặng tiếng vàng,
Dưới hoa đã thấy có chàng đứng trông:
Trách lòng hờ hững với lòng,
Lửa hương chốc để lạnh lùng bấy lâu!
Những là đắp nhớ đổi sầu,
Tuyết sương nhuốm nửa mái đầu hoa dâm! (1)
Nàng rằng: Gió bắt, mưa cầm,
Đã cam tệ với tri-âm bấy chầy!
Vắng nhà được buổi hôm nay,
Lấy lòng, gọi chút ra đây tạ lòng.
Lần theo núi-giả đi vòng,
Cuối tường nhường có nẻo thông mới rào.
Sắn tay mở khóa động Đào,
Rẽ mây trông tỏ lối vào Thiên-thai.

---

(1) Cổ-thi nói: tương tư đến bạc đầu.

Mặt nhìn mặt, càng thêm tươi,
Bên nhời vạn-phúc, (1) bên nhời hàn-huyên (2)
Sánh vai về chốn thư-hiên,
Góp nhời phong nguyệt (3) nặng nguyền non
Trên án, bút-giá thư-đồng, (5) [sông (4)
Đạm-thanh (6) một bức tranh tùng treo trên.
Phong sương được vẻ thiên-nhiên,
Mặn mà nét bút càng nhìn càng tươi.
Sinh rằng: Phác-họa vừa rồi.
Phạm đề, xin một vài nhời thêm hoa.
Tay tiên gió táp mưa sa,
Khoảng trên, dừng bút thảo và bốn câu.
Khen: Tài nhả ngọc phun châu,
Nàng Ban, ả Tạ, cũng đâu thế này!
Kiếp tu xưa ví chưa dầy,
Phúc nào đọ được giá này cho ngang!
Nàng rằng: Trộm liếc dung quang,
Chẳng sân ngọc-bội, cũng phường kim-môn. (7)

---

(1) Vạn-phúc là nhời chúc nhau.

(2) Hàn-huyên là nhời tự-tình về việc gia-đình.

(3) Nàng Dao-tiên là một người tuyệt sắc, lúc còn bé thường hay khoe mình là đứng-đắn, lúc đến tuổi thì lại hóa ra con người rất phong tình.

(4) Non sông là thề nguyền cùng nhau.

(5) Xưa gọi bút, giấy, nghiên, mực là tứ bảo văn-phòng, giá bút, thư đồng cũng thuộc về tứ bảo ấy.

(6) Là tranh thủy mạc.

(7) Ngọc-bội là người làm quan, kim-môn là cửa nhà quan.



Vầng giăng vằng vặc giữa giời,
Đinh-ninh hai mặt một nhời song song. (Xem trang 24 25)

Nghĩ mình phận mỏng cánh chuồn,
Khuôn xanh biết có vuông tròn mà hay ?
Nhớ từ năm hãy thơ ngây,
Có người tướng-sĩ đoán ngay một nhời :
Anh-hoa phát tiết ra ngoài,
Nghìn thu bạc-mệnh, một đời tài-hoa !
Trông người lại ngẫm đến ta,
Một dầy một mỏng biết là có nên ?
Sinh rằng : Giải-cấu là duyên,
Xưa nay nhân định thắng thiên cũng nhiều.
Ví dù giải-kết đến điều.
Thì đem vàng đá mà liều với thân.
Đủ điều trung-khúc ân-cần,
Lòng xuân phơi phới chén xuân tàng tàng.
Ngày vui ngắn chẳng đầy gang,
Trông ra ác đã ngậm gương non đoài. (1)
Vắng nhà chẳng tiện ngồi dai,
Giã chàng, nàng mới kíp dơi song sa. (2)
Đến nhà vừa thấy tin nhà,
Hai thân còn giở tiệc hoa chưa về.
Cửa ngoài vội rủ rèm the,
Xăm xăm đè lối vườn khuya một mình,
Nhặt thưa, gương rọi đầu cành (3)
Ngọn đèn trông suốt trướng huỳnh (4) hắt hiu.

---

(1) Nghĩa là : Mặt giời đã sắp lặn.

(2) Thơ đường : song sa là chỗ cửa sổ mới bằng the.

(3) Thấp thoáng như bóng giăng mới mọc trên đầu cành liễu.

(4) Trướng là màn, huỳnh là con đom đóm.

Sinh vừa tựa án thiu thiu,
Giở chiều như tỉnh, giở chiều như mê.
Tiếng sen xầy động giấc hòe,
Bóng giăng đã xế hoa lê lại gần.
Bâng khuâng đỉnh Giáp non Thần,
Còn ngờ giấc mộng đêm xuân mơ màng.
Nàng rằng: Khoảng vắng đêm trường,
Vì hoa nên phải dò đường tìm hoa.
Bây giờ tỏ mặt đôi ta,
Biết đâu rồi nữa chẳng là chiêm-bao?
Vội mừng làm lễ rước vào,
Đài-sen (1) nối sáp, song-đào thêm hương.
Tiên thề cùng thảo một chương,
Tóc mây một mớn giao vàng chia hai.
Vầng giăng vẳng vặc giữa giời,
Đinh-ninh hai mặt, một nhời song-song;
Tóc tơ căn vặn tấc lòng,
Trăm năm tạc một chữ đồng (2) đến xương.
Chén-hà sánh giọng quỳnh-tương, (3)
Dải là gương lộn, bình hương bóng lồng.

---

(1) Đài sen: Đời nhà Đường làm đế cắm nến bằng vàng hình lá sen.

(2) Chữ đồng là: (Đạo vợ chồng) Đồng tịch, đồng sàng, đồng sinh, đồng tử.

(3) Chén Hà là chén tiên. Quỳnh-tương là nống chén rượu ngọt sinh ra trăm sự cảm giác.

Sinh rằng: Gió mát giăng trong,
Bấy lâu nay một chút lòng chưa cam!
Chầy sương chưa nện cầu Lam, (1)
Sợ lần khân quá ra sờm-sỡ chăng!
Nàng rằng: Hồng-diệp xích-thằng,
Một nhời cũng đã tiếng rằng tương-tri.
Đừng điều nguyệt nọ hoa kia,
Ngoài ra, ai lại tiếc gì với ai!
Rằng: Nghe nồi tiếng cầm-đài,
Nước non luống những lắng tai Chung-kỳ. (2)
Thưa rằng: Tiện-kỹ sá chi?
Đã lòng dạy đến, dạy thì phải vâng.
Hiên sau treo sẵn cầm-giăng,
Vội vàng, sinh đã tay nâng ngang mày.
Nàng rằng: nghề mọn riêng tay,
Làm chi cho bận lòng này lắm thân?
So dần dây vũ dây văn,
Bốn dây to nhỏ theo vần cung, thương.
Khúc đâu Hán, Sở chiến-trường,
Nghe ra tiếng sắt tiếng vàng (3) chen nhau!

---

(1) Ngươi Bùi-Hàng nhà Đường được chầy ngọc đem đến Lam-kiều lấy nàng Vân-Anh.

(2) Chung-tử-Kỳ ở đời Xuân-thu biết tiếng đàn Bá-nha, khúc như non cao, khúc như nước chẩy.

(3) Lúc Hán và Sở đánh nhau có con ngựa sắt cái trán vàng.

Khúc đâu Tư-mã Phượng-cầu, (1)
Nghe ra như oán như sầu phải chăng!
Kê-khang này khúc Quảng-lăng.
Một rằng Lưu-thủy, hai rằng Hành-vân
Quá quan này khúc Chiêu-quân, (2)
Nửa phần luyến chúa nửa phần tư gia.
Trong như tiếng hạc bay qua,
Đục như nước suối mới sa nửa vời.
Tiếng khoan như gió thoảng ngoài,
Tiếng mau sầm sập như giời đổ mưa.
Ngọn đèn khi tỏ khi mờ,
Khiến người ngồi đấy mà ngơ ngẩn sầu.
Khi tựa gối khi cúi đầu,
Khi vò chín khúc khi chau đôi mày. (3)
Rằng: Hay thì thật là hay,
Nghe ra ngậm đắng nuốt cay thế nào!
Lựa chi những khúc tiêu-tao,
Thiệt lòng mình, cũng nao nao lòng người!
Rằng: Quen mất nết đi rồi,
Tẻ vui, thôi cũng tính giời biết sao!
Nhời vàng, vâng lĩnh ý cao,
Họa dần dần bớt chút nào được không!

---

(1) Ngươi Tư-mã-tương-như gẩy khúc đàn Phượng-cầu-hoàng ghẹo nàng Chác-văn-quân, sau hai người lấy nhau.

(2) Khi bà Chiêu-quân bị vua Hán đem cống Hồ. Bà ấy có gẩy khúc đàn quá-quan.

(3) Chín khúc là ruột. Đôi mày là hai lông mày.

Hoa đèn càng tỏ thức hồng,
Đầu mày cuối mắt càng nồng tấm yêu.
Sóng tình dường đã xiêu xiêu,
Xem trong âu yếm có chiều lả lơi.
Thưa rằng: Đừng lấy làm chơi,
Rẽ cho thưa hết một nhời đã nao!
Vẻ chi một đóa yêu-đào,
Vườn hồng chi dám ngăn rào chim xanh?
Đã cho vào bậc bố-kinh (1)
Đạo tòng phu lấy chữ trinh làm đầu!
Ra tuồng trên Bộc, trong giâu, (2)
Thì con người ấy ai cầu làm chi?
Phải điều ăn xổi ở thì,
Tiết trăm năm nỡ bỏ đi một ngày!
Ngẫm duyên kỳ ngộ xưa nay,
Lứa đôi ai lại đẹp tầy Thôi, Trương? (3)
Mây mưa đánh đổ đá vàng,
Quá chiều nên đã chán chường yến-anh.
Trong khi chắp cánh liền cành,
Mà lòng rẻ rúng đã đành một bên!

---

(1) Kinh-thoa bố quần, nghĩa là vợ chồng lấy nhau từ lúc còn đeo cái thoa gai, còn mặc cái quần vải.

(2) Nước Trịnh giai gái thường hay có thói xấu hẹn nhau đến trong cụm giâu và trên sông Bộc.

(3) Đời Đường người Trương-quân-thụy gặp Thôi oanh-oanh ở chùa Phổ-cứu, trước rất yêu mến nhau, sau đến nỗi ly biệt.

Mái tây để lạnh hương nguyền,
Cho duyên đằm thắm, ra duyên bẽ bàng! (1)
Gieo thoi (2) trước chẳng giữ giàng,
Để sau nên thẹn cùng chàng bởi ai?
Vội chi liễu ép hoa nài?
Còn thân ắt cũng đền bồi có khi!
Thấy nhời đoan-chính dễ nghe,
Chàng càng thêm nể thêm vì mười phân.
Bóng tầu vừa nhạt vẻ ngân, (3)
Tin đâu đã thấy cửa ngăn gọi vào.
Nàng thì vội giở buồng thêu,
Sinh thì giảo bước sản đào vội ra.
Cửa sài vừa ngỏ then hoa,
Gia-đồng vào gửi thư nhà mới sang.
Đem tin thúc-phụ từ-đường,
Bơ vơ lữ-thấn tha-hương đề-huề. (4)
Liêu-dương cách trở sơn khê,
Xuân-đường kíp gọi sinh về hộ tang.
Mảng tin xiết nỗi kinh hoàng,
Băng mình lên trước đài-trang tự-tình.

---

(1) Xấu hổ.

(2) Đời Tấn ngươi Tạ-Côn bỡn người con gái diệt cửi, người con gái lấy thoi ném Côn gãy hai cái răng.

(3) Bóng tầu là mái nhà, vẻ ngân là mặt giăng, thơ cổ có câu : Nguyệt sắc như ngân, (Giăng sáng như bạc).

(4) Lữ-thấn là quàn, (chưa chôn). Tha-hương là nơi đất khách, quê-người. Đề-huề là đem về quê-hương.

Gót đầu mọi nỗi đinh ninh,
Nỗi nhà tang tóc, (1) nỗi mình xa xôi.
Sự đâu chưa kịp đôi-hồi!
Duyên đâu chưa kịp một nhời trao tơ!
Giăng thề còn đó trơ trơ,
Dám xa xôi mặt, mà thơ thớt lòng!
Ngoài nghìn dặm chốc ba đông, (2)
Mối sầu khi gỡ cho xong còn chầy!
Gìn vàng giữ ngọc cho hay,
Cho đành lòng kẻ chân mây cuối giời! (3)
Tai nghe ruột rối bời bời,
Ngập ngừng, nàng mới giãi nhời trước sau:
Ông tơ ghét bỏ chi nhau?
Chưa vui xum họp đã sầu chia-phôi!
Cùng nhau trót đã nặng nhời,
Dẫu thay mái tóc, dám dời lòng tơ!
Quản bao tháng đợi năm chờ,
Nghĩ người ăn gió nằm mưa xót thầm!
Đã nguyền đôi chữ đồng-tâm,
Trăm năm thề chẳng ôm cầm thuyền ai! (4)
Còn non, còn nước, còn dài,
Còn về còn nhớ đến người hôm nay!

---

(1) Đời cồ ai để trọng tang thì không chải gội vuốt ve.
(2 Để tang ba năm.
(3 Xa xôi.
(4) Nàng Kiều-oanh nói rằng: dẫu nát ngọc chìm châu cũng chẳng ôm đàn tì-bà sang thuyền khác.



Ngại ngùng một bước một xa,
Một nhời trân-trọng châu sa mấy hàng. (Xem trang 30-32)

Dùng dằng chưa nỡ rời tay,
Vừng đông (1) trông đã đứng ngay nóc nhà.
Ngại ngùng một bước một xa,
Một nhời trân trọng, châu sa mấy hàng.
Buộc yên, quẩy gánh vội vàng,
Mối sầu xẻ nửa bước đường chia hai.
Buồn trông phong cảnh quê người,
Đầu cành quyên nhặt, cuối giời nhạn thưa.
Não người trải gió giầm mưa,
Một ngày nặng gánh tương-tư một ngày.
Nàng còn đứng tựa hiên tây,
Chín hồi vấn vít như vầy mối tơ.
Trông chừng khói ngất song thưa,
Hoa trôi giạt thắm, liễu xơ xác vàng.
Tần ngần dạo gót lầu trang,
Một đoàn mừng thọ ngoại-hương mới về.
Hàn-huyên chưa kịp giãi-giề,
Sai-nha bỗng thấy bốn bề xôn-xao.
Người nách thước, kẻ tay dao,
Đầu trâu, mặt ngựa, (2) ào ào như sôi.
Già-giang một lão, một giai,
Một dây vô-loại, (3) buộc hai thâm-tình.

---

(1) Mặt giời mọc.
(2) Những quân đầu trâu mặt ngựa như lính vua Diêm-
(3) Vô-loại : Việc tự-nhiên không ngờ. [Vương.

Đầy nhà vang tiếng ruồi xanh, (1)
Rụng rời khung dệt, tan tành gói may. (2)
Đồ tế-nhuyễn, (3) của riêng tây,
Sạch sành sanh vét cho đầy túi tham. (4)
Điều đâu bay buộc ai làm?
Vì ai đan giậm, giật giàm bỗng dưng?
Hỏi ra sau mới biết rằng:
Phải tên xưng xuất là thằng bán tơ.
Một nhà hoảng hốt ngẩn ngơ,
Tiếng oan rậy đất, án ngờ lòa mây.
Hạ-từ, van-vỉ suốt ngày,
Điếc tai lân tuất, (5) phũ tay tối tàn. (6)
Rường cao, rút ngược dây oan,
Dẫu rằng đá cũng nát gan, lọ người!
Mặt trông đau đớn rụng rời,
Oan này, chỉ có kêu giời, nhưng xa!
Một ngày lạ thói sai-nha, (7)
Làm cho khốc-hại chẳng qua vì tiền.

---

(1) Ruồi xanh: Tiếng nhặng xanh, ý nói thương người phải nỗi oan-uổng.

(2) Tìm tòi, lục cho đến cả chỗ khung-cửi, chỗ thúng đựng quần áo may.

(3) Đồ nữ-trang.

(4) Vơ vét cho hết.

(5) Láng-diềng.

(6) Khảo-kẹp.

(7) Sai-nha: Người quan sai, tức là nha-lệ, mà phần nhiều thường hay có thói tham-tàn, nhũng nhiễu dân.

Sao cho cốt nhục vẹn tuyền,
Trong khi ngộ biến tòng quyền, biết sao?
Duyên hội-ngộ, đức cù-lao,
Chữ tình, chữ hiếu, bên nào nặng hơn?
Để nhời thệ-hải minh-sơn,
Làm con, trước phải đền ơn sinh-thành.
Quyết tình, nàng mới hạ tình: (1)
Rẽ cho để thiếp bán mình chuộc cha!
Họ Chung có kẻ lại-già,
Cũng trong nha-dịch, lại là từ-tâm.
Thấy nàng hiếu trọng tình thâm,
Vì nàng, nghĩ cũng thương thầm xót vay!
Tính bài lót đó luồn đây,
Có ba trăm lạng việc này mới xuôi.
Hãy về tạm phó giam ngoài,
Nhủ nàng qui liệu trong đôi ba ngày.
Thương lòng con trẻ thơ ngây,
Gặp cơn vạ gió, tai bay bất kỳ!
Đau lòng tử biệt sinh li,
Thân còn chẳng tiếc, tiếc gì đến duyên!
Hạt mưa sá nghĩ phận hèn,
Liều đem tấc cỏ, quyết đền ba xuân! (2)
Sự lòng ngỏ với băng-nhân, (3)
Tin sương đồn đại xa gần xôn xao.

---

(1) Gác tình lấy hiếu.
(2) Tấc cỏ ba xuân, nghĩa là con đền ơn
(3) Băng-nhân nghĩa là người làm mối.

Gần miền có một mụ nào,
Đưa người viễn-khách tìm vào vấn-danh. (1)
Hỏi tên rằng: Mã-dám-Sinh,
Hỏi quê, rằng: Huyện Lâm-thanh cũng gần.
Quá niên trạc ngoại tứ tuần,
Mày râu nhẵn nhụi, áo quần bảnh bao.
Trước thầy, sau tớ lao xao,
Nhà băng đưa mối, rước vào lầu trang.
Ghế trên ngồi tót sỗ sàng,
Buồng trong mối đã giục nàng kíp ra.
Nỗi mình thêm tức nỗi nhà,
Thềm hoa một bước, lệ hoa mấy hàng!
Ngại ngùng dạn gió e sương.
Xem hoa bóng thẹn, trông gương mặt dầy.
Mối càng vén tóc bắt tay,
Nét buồn như cúc, điệu gầy như mai!
Đắn đo cân sắc cân tài,
Ép cung cầm nguyệt, thử bài . ạt thơ.
Mặn nồng một vẻ một ưa,
Bằng lòng, khách mới tùy cơ dặt dìu.
Rằng: mua ngọc đến Lam-kiều, (2)
Sinh-nghi xin dạy bao nhiêu cho tường?

---

(1) Sách lễ-nghi: cưới vợ có sáu lễ là: nói chạm mặt, hỏi tên tuổi, bói được ngày, nộp lụa và tiền, xin ngày cưới, ngày đón dâu.

(2) Đời nhà Đường có gươi Bùi-Hàng được cái cối, cái chầy bằng ngọc, đến Lam-kiều lấy nàng Vân-Anh rồi cùng lên tiên.

Mối rằng: Đáng giá nghìn vàng,
Rớp nhà, nhờ lượng người thương dám nài!
Cò kè bớt một thêm hai,
Giờ lâu ngã giá vâng ngoài bốn trăm.
Một nhời thuyền đã êm giầm,
Hẫy đưa canh-thiếp, trước cầm làm ghi.
Định ngày nạp-thái vu-quy, (1)
Tiền lưng đã sẵn, việc gì chẳng xong!
Một nhời cậy với Chung-công,
Khất tờ tạm lĩnh Vương-ông về nhà.
Thương tình con trẻ cha già,
Nhìn nàng ông những máu sa ruột rầu:
Nuôi con những ước về sau,
Trao tơ (2) phải lứa, gieo cầu (3) đáng nơi!
Giời làm chi cực mấy giời!
Này ai vu thác, cho người hợp tan!
Búa dìu bao quản thân tàn,
Nỡ đầy đọa trẻ, càng oan thác già!

---

(1) Nạp-thái, vu-quy là lễ sêu, cưới.

(2) Đời nhà Đường, người Trương-gia-Trinh có năm con gái, muốn gả cho Nguyên-Trấn một người, cho năm người cầm 5 sợi chỉ, bảo Nguyên-Trấn rút được sợi của người nào thì gả người ấy cho.

(3) Tiểu-thuyết: con gái nhà giầu nhiều người hỏi, gián các tên trên ghế, rồi ném quả cầu trúng vào tên nào, thì gả cho tên ấy.

Một lần sau trước cũng là,
Thôi thì mặt khuất chẳng thà lòng đau!
Theo nhời như chẩy dòng châu,
Liều mình ông rắp gieo đầu tường vôi!
Vội vàng kẻ giữ, người coi,
Nhỏ to, nàng lại tìm nhời khuyên can:
Vẻ chi một mảnh hồng-nhan!
Tóc-tơ chưa chút đền ơn sinh-thành!
Dâng thơ đã thẹn nàng Oanh! (1)
Lại thua ả Lý (2) bán mình hay sao?
Cỗi xuân tuổi hạc càng cao,
Một cây gánh vác biết bao nhiêu cành!
Lượng trên dù chẳng dứt tình,
Gió mưa âu hẳn tan-tành nước non!
Thà rằng liều một thân con!
Hoa dù rã cánh, lá còn xanh cây.
Phận sao, đành vậy cũng vầy,
Cầm như chẳng đỗ (3) những ngày còn xanh.
Cũng đừng tính quẩn lo quanh,
Tan nhà là một, thiệt mình là hai!

---

(1) Nàng Đề-oanh dâng thơ lên vua Văn-đế khiếu oan cho cha.

(2) Nàng Lý-ký đời nhà Đường bán mình để lấy tiền nuôi cha mẹ.

(3) Chẳng đỗ, nghĩa là cũng xem như lúc thơ ấu không nuôi được.

Phải nhời ông cũng êm tai,
Nhìn nhau giọt ngắn giọt dài ngồn ngang.
Mái ngoài họ Mã vừa sang,
Tờ hoa đã ký, cân vàng mới trao.
Giăng già độc địa làm sao?
Cầm dây chẳng lựa buộc vào tự nhiên!
Trong tay đã sẵn đồng tiền,
Dầu lòng đổi trắng thay đen khó gì. (1)
Họ Chung ra sức giúp vì,
Lễ tâm đã đặt tụng kỳ cũng xong.
Việc nhà đã tạm thong dong,
Tinh kì giục giã đã mong độ về.
Một mình nương ngọn đèn khuya,
Áo đầm giọt lệ, tóc xe mái sầu.
Phận rầu, rầu vậy cũng rầu,
Xót lòng đeo đẳng bấy lâu một nhời!
Công trình kể biết mấy mươi!
Vì ta khăng khít, cho người giở-giang!
Thề hoa chưa ráo chén vàng,
Lỗi thề thôi đã phũ phàng với hoa!
Giời Liêu (2) non nước bao xa!
Nghĩ đâu rẽ cửa, chia nhà từ tôi!
Biết bao duyên nợ thề bồi!
Kiếp này thôi thế thì thôi còn gì?

---

(1) Đổi trắng thay đen, nghĩa là phải làm ra trái, trái làm ra phải, nói chê những kẻ tham lạm.

(2) Đất Liêu-Dương.

Tái sinh chưa dứt hương thề,
Làm thân trâu ngựa, (1) đền nghì trúc mai!
Nợ tình chưa giả cho ai,
Khối tình (2) mang xuống tuyền-đài chưa tan!
Niềm riêng, riêng những bàn-hoàn,
Dầu trong trắng đĩa, lệ tràn thấm khăn.
Thúy-Vân chợt tỉnh giấc xuân,
Dưới đèn ghé lại ân cần thở than:
Cơ giời dâu bể đa đoan,
Một nhà để chị riêng oan một mình!
Cớ chi ngồi nhẫn tàn canh?
Nỗi riêng còn mắc mối tình chi đây?
Rằng: Lòng đương thổn thức đầy,
Tơ duyên còn vướng mối này chưa xong.
Hở môi ra cũng thẹn thùng,
Để lòng thì phụ tấm lòng với ai!
Cậy em em có chịu nhời,
Ngồi lên cho chị lạy rồi sẽ thưa.
Giữa đường đứt gánh tương-tư,
Giao loan chắp mối tơ thừa mặc em.

---

(1) Tục ngạn: nợ không giả được, sau chết phải làm kiếp trâu ngựa.

(2) Ngày xưa có người con gái phải lòng một người lái buôn, sau vì người lái buôn không đến, mà người con gái ấy tương-tư đến nỗi chết. Lúc cải táng thấy có một khối đập không vỡ, sau người lái buôn đến cầm xem rỏ nước mắt vào thì tan ra máu.

Kể từ khi gặp chàng Kim,
Khi ngày quạt ước khi đêm chén thề.
Sự đâu sóng gió bất kì!
Hiếu tình có dễ hai bề vẹn hai!
Ngày xuân em hãy còn dài,
Xót tình máu mủ, thay nhời nước non:
Chị dù thịt nát, xương mòn,
Ngậm cười chín suối hãy còn thơm lây!
Chiếc thoa với bức tờ mây,
Duyên này thì giữ vật này của chung.
Dù em nên vợ nên chồng,
Xót người mệnh bạc, ắt lòng chẳng quên.
Mất người còn chút của tin,
Phim đàn với mảnh hương nguyền ngày xưa.
Mai sau, dù có bao giờ,
Đốt lò hương ấy xe tơ phím này.
Trông ra ngọn cỏ lá cây,
Thấy hiu hiu gió, thì hay chị về.
Hồn còn mang nặng nhời thề,
Nát thân bồ-liễu đền nghì trúc-mai. (1)
Dạ-đài (2) cách mặt khuất nhời,
Giầy xin chén nước cho người thác oan.
Bây giờ trâm gẫy gương tan,
Kể làm sao xiết muôn vàn ái ân! (2)

---

(1) Bồ-liễu: Phận con gái. Trúc-mai: Vợ chồng.
(2) Dạ-Đài là ý nói dưới âm-phủ.

Trăm nghìn gửi lạy tình-quân,
Tơ duyên ngắn ngủi có ngần ấy thôi.
Phận sao phận bạc như vôi?
Đã đành nước chảy hoa trôi nhỡ nhàng,
Ối Kim lang! hỡi Kim lang!
Thôi thôi! thiếp đã phụ chàng từ đây!
Cạn nhời, hồn tán phách bay, (1)
Một hơi lặng ngắt đôi tay giá đồng.
Xuân, huyên chợt tỉnh giấc nồng,
Một nhà tấp nập kẻ trong người ngoài.
Kẻ thang người thuốc bời bời,
Mới nguôi cơn vựng, chưa phai giọt hồng. (2)
Hỏi: Sao ra sự lạ lùng?
Kiều càng nức nở nói không ra nhời.
Nỗi nàng, Vân mới rỉ tai:
Chiếc thoa này với tờ bồi ở đây!
Vì cha làm lỗi duyên mày,
Thôi thì việc ấy sau này đã em!
Vì ai rụng cải rơi kim?
Để con bèo nổi, mây chìm vì ai?
Nhời con dặn lại một hai,
Dẫu mòn bia đá, dám sai tấc vàng!

---

(1) Hoa-tiên: phách tán hồn phi tình tự loạn, nghĩa là: phách tán hồn bay lòng bối rối.

(2) Vựng là chết hấp hối, cơn vựng mới nguôi, mà nước mắt hãy còn chan chứa.

Lạy rồi nàng lại thưa trình :
Nhờ cha giả được nghĩa chàng cho xuôi.
Sá chi thân phận tôi đòi !
Dẫu rằng xương trắng quê người quản đâu ?
Xiết bao kể nỗi thảm sầu !
Khắc canh dã giục nam lâu mấy hồi
Kiệu hoa đâu đã đến ngoài.
Quản, huyền đâu đã giục người sinh li. (1)
Đau lòng kẻ ở người đi,
Lệ rơi thấm đá, tơ chia rũ tằm.
Giời hôm, mây kéo tối dầm,
Rầu rầu ngọn cỏ, đầm đầm cành sương.
Rước nàng về đến trú-phường, (2)
Bốn bề xuân tỏa, một nàng ở trong.
Ngập ngừng thẹn lục e hồng
Nghĩ lòng, lại xót xa lòng đòi phen :
Phẩm tiên rơi đến tay hèn,
Hoài công nắng giữ, mưa gìn với ai !
Biết thân đến bước lạc loài.
Nhị đào thà bẻ cho người tình-chung ! (3)
Vì ai ngăn đón gió đông,
Thiệt lòng khi ở, đau lòng khi đi !

---

(1) Quản là cái sáo, huyền là cái đàn, đồ đưa đến rước dâu.

(2) Trú-phường là nhà trọ.

(3) Tình-chung là Kim-Trọng.

Trùng phùng dù họa có khi,
Thân này thôi có còn gì mà mong!
Đã sinh ra số long đong,
Còn mang lấy kiếp má-hồng được sao?
Trên án sẵn có con dao,
Giấu cầm nàng đã gói vào chéo khăn:
Phòng khi nước đã đến chân,
Dao này thì liệu mấy thân sau này.
Đêm sầu một khắc một chầy,
Bâng khuâng như tỉnh, như say một mình.
Chẳng ngờ gã Mã-giám-Sinh,
Vẫn là một đứa phong-tình (1) đã quen.
Quá chơi lại gặp hồi đen,
Quen mùi lại kiếm ăn miền nguyệt hoa.
Lầu xanh (2) có mụ Tú bà,
Làng chơi đã giở về già hết duyên.
Tình cờ chẳng hẹn mà nên,
Mạt cưa, mướp đắng, đôi bên một phường. (3)

---

(1) Phong-tình: Kay trêu hoa ghẹo nguyệt.

(2) Những nhà thổ hay sơn xanh cho nên quen gọi là lầu xanh (thanh-lâu).

3) Tục truyền có anh gian giảo đem mạt cưa giả làm cám để đi lừa người, chẳng may lại gặp một anh, cũng là phường đi lừa, đem dưa chuột giả làm mướp đắng đến đổi; anh kia tưởng được lời, thích lắm, bèn đổi ngay, về sau hóa ra hai anh đều phải lừa lẫn nhau. Mạt cưa, mướp đắng là ý nói những quân chỉ chuyên về việc đi lừa người mà kiếm ăn.

Chung lưng mở một ngôi hàng,
Quanh năm buôn phấn bán hương đã lề.
Dạo tìm khắp chợ thì quê,
Giả danh hầu hạ, dạy nghề ăn chơi.
Rủi may, âu cũng sự giời,
Đoạn-trường lại chọn mặt người vô-duyên!
Xót nàng chút phận thuyền-quyên!
Cành hoa đem bán vào thuyền lái buôn.
Mẹo lừa đã mắc vào khuôn,
Sinh-nghi rẻ giá, nghinh-hôn sẵn ngày.
Mừng thầm: Cờ đã đến tay,
Càng nhìn vẻ ngọc, càng say khúc vàng. (1)
Đã nên quốc-sắc thiên-hương, (2)
Một cười này, hẳn nghìn vàng chẳng ngoa.
Về đây, nước trước bẻ hoa,
Vương-tôn, quý-khách ắt là đua nhau!
Hẳn ba trăm lạng kém đâu?
Cũng là vừa vốn, còn sau thì lời!
Miếng ngon kề đến tận nơi,
Vốn nhà cũng tiếc của giời cũng tham.
Đào tiên đã bén tay phàm,
Thì vin cành quít cho cam sự đời!
Dưới trần mấy mặt làng chơi,
Chơi hoa đã dễ mấy người biết hoa!

---

(1) Vẻ ngọc là mặt, khúc vàng là lòng.

(2) Quốc-sắc, thiên-hương, nghĩa là: Sắc nước, hương giời, Kiều ví như người con gái đẹp nhất thời bấy giờ.



Đau lòng kẻ ở người đi,
Lệ rơi thấm đá, tơ chia rủ tằm. (Xem trang 41-42)

Nước vỏ lựu máu mào gà, (1)
Mượn màu chiêu tập lại là còn nguyên!
Mập mờ đánh lận con đen (2)
Bao nhiêu cũng bấy nhiêu tiền, mất chi!
Mụ già hoặc có điều gì,
Liều công mất một buổi qui mà thôi.
Đến đây đường sá xa xôi,
Mà ta bất động, nữa người sinh nghi.
Tiếc thay một đóa trà-mi, (3)
Con ong (4) đã tỏ đường đi lối về! (5)
Một cơn mưa gió nặng nề,
Thương gì đến ngọc, tiếc gì đến hương!
Đêm xuân một giấc mơ màng,
Đuốc hoa để đó, mặc nàng nằm trơ.
Nỗi riêng tầm tã tuôn mưa,
Phần căm nỗi khách, phần dơ nỗi mình.
Tuồng chi là giống hôi tanh?
Thân nghìn vàng để ô danh má-hồng!
Thôi còn chi nữa mà mong!
Đời người đến thế là xong một đời!

---

(1) Những con gái thanh-lâu, mỗi lần tiếp khách xong rồi, thì lấy vỏ cây thừu-lựu nấu nước để rửa, rồi lấy máu mào gà bôi vào để giả làm gái tân.

(2) Con đen là những người còn trẻ tuổi.

(3) Hoa trà-mi là một thứ hoa rất thanh-lịch, ví như người con gái còn thanh-tân.

(4) Con ong là chỉ Mã-giám-Sinh.

(5) Khi ấy Mã đã ăn ở với Kiều rồi.

Giận duyên tủi phận bời bời,
Cầm dao, nàng đã toan bài quyên-sinh.
Nghĩ đi nghĩ lại một mình:
Một tình thì chớ hai tình (1) thì sao?
Sau dù sinh sự thế nào,
Chuy-nguyên, chẳng kẻo lụy vào song-thân!
Nỗi mình âu cũng giãn dần,
Kịp chầy, thôi cũng một lần mà thôi!
Những là đo đắn ngược xuôi,
Tiếng gà nghe đã gáy sôi mái tường.
Lầu mai vừa rúc còi sương, (2)
Mã-sinh giục giã vội vàng ra đi.
Đoạn trường thay, lúc phân kỳ! (3)
Vó câu khấp khểnh bánh xe gập ghềnh.
Bề ngoài mười dặm tràng-đình, (4)
Vương ông bày tiệc tiễn-hành đưa theo.
Ngoài thì chủ khách dập dìu,
Một nhà huyên với một Kiều ở trong.

---

(1) Hai tình là cha mẹ.

(2) Lầu mai là cái điếm của tuần canh ban đêm. Còi sương là cái còi thổi lúc tan canh.

(3) Kẻ ở người đi.

(4) Những đường đi bên Tầu, cứ cách mười dặm lại làm một cái quán trạm để cho khách bộ-hành trú chân.

Nhìn nhau càng ứa giọt hồng, (1)
Rỉ tai nàng mới giãi lòng thấp cao:
Hồ sinh ra phận thơ-đào,
Công cha nghĩa mẹ, kiếp nào giả xong?
Nhỡ nhàng nước đục bụi trong,
Trăm năm để một tấm lòng từ đây.
Xem gương trong bấy nhiêu ngày,
Thân con chẳng kẻo mắc tay bợm già.
Khi về bỏ vắng trong nhà,
Khi vào dùng dắng khi ra vội vàng.
Khi ăn, khi nói nhỡ nhàng,
Khi thầy khi tớ, xem thường xem khinh.
Khác mầu kẻ quí người thanh,
Ngẫm ra cho kỹ như hình con buôn. (2)
Thôi! con còn nói chi con,
Sống nhờ đất khách, thác chôn quê người.
Vương-bà nghe bấy nhiêu nhời,
Tiếng oan đã muốn vạch giời kêu lên.
Vài tuần chưa cạn chén khuyên,
Mái ngoài, nghe đã giục liền ruổi xe.

---

(1) Nàng Tùy-tiết-linh-Chi đời nhà Ngụy khi từ biệt cha mẹ vào làm cung-phi, khóc nước mắt chảy ra đỏ như máu.

(2) Kiều thấy những cách ăn nói, cư xử, đối đãi của Mã-giám-Sinh thì chắc là phường giao lá chị đây chứ không phải con người tử tế.

Xót con lòng nặng chề chề.
Trước yên ông đã nắn nì thấp cao :
Chút thân, liễu yếu thơ đào,
Rớp nhà đến nỗi mắc vào tôi ngươi.
Từ đây góc bể bên giời,
Nắng mưa thui thủi quê người một thân.
Nghìn tầm nhờ bóng tùng quân, (1)
Tuyết sương che chở cho thân cát-đằng. (2)
Cạn nhời khách mới thưa rằng :
Buộc chân, thôi cũng xích-thằng (3) nhiệm trao.
Mai sau dù có thế nào,
Kia gương nhật nguyệt nọ dao quỉ thần !
Đùng đùng gió giục mây vần,
Một xe trong cõi hồng trần (4) như bay.
Trông vời, gạt lệ phân tay,
Góc giời thăm thẳm ngày ngày đăm đăm.
Nàng thì cõi khách xa xăm,
Bạc phau cầu giá, (5) đen rầm ngàn mây.

---

(1) Câu này ý nói xin phó-thác con mình cho người đại-lượng quân-tử.

(2) Cát đằng là giây sắn, phải bám vào cây nào thì mấy leo lên được, ý nói là phó thác Kiều cho Mã-giám-Sinn.

(3) Xích-thằng là giây đỏ, khi đã buộc lấy người nào thì dù thế nào cũng không tránh khỏi được.

(4) Hồng trần là bụi đỏ.

(5) Tuyết sương trắng đầy đường.

Vì-lau xan xát hơi may,
Một giời thu để riêng ai một người ? (1)
Dậm khuya, ngất tạnh mù khơi,
Thấy giăng mà thẹn những nhời non sông!
Rừng thu lá bích chen hồng,
Nghe chim như nhắc tấm lòng thần hôn!
Những là lạ nước lạ non,
Lâm-tri vừa một tháng tròn tới nơi.
Xe châu dừng bánh cửa ngoài,
Rèm trong đã thấy một người bước ra.
Thoát trông nhờn nhợt màu da,
Ăn gì cao nhớn, đẫy đà làm sao?
Trước xe, lơi lả han chào,
Vâng nhời nàng mới bước vào tận nơi.
Bên thì mấy ả mày ngài, (2)
Bên thì ngồi bốn năm người làng chơi. (3)
Giữa thì hương-án hẳn hoi,
Trên treo một tượng trắng đôi lông mày. (4)
Lầu xanh quen lối xưa nay,
Nghề này thì lấy ông này tiên-sư.

(1 Đường thi: Thu tiêu chỉ vị nhất nhân trường. Nghĩa là: Đêm thu chỉ dài cho một người, (người nào hay tư tưởng).

(2) Những gái thanh-lâu.

(3) Khách đến chơi.

(4) Những nhà thanh-lâu thường hay treo bức tranh điểm lông mày trắng để thờ.

Hương hôm, hoa sớm phụng thờ, (1)
Cô nào xấu vía có thưa mối hàng.
Cồi xiêm lột áo sỗ sàng,
Trước thần, sẽ nguyện mảnh hương lầm rầm.
Đổi hoa lót xuống chiếu nằm, (2)
Bướm ong bay lại ầm ầm tứ vi!
Kiều còn ngơ ngẩn biết gì,
Cứ nhời lạy xuống, mụ thì khấn ngay:
Cửa hàng buôn bán cho may,
Đêm đêm hàn-thực, (3) ngày ngày nguyên-
Muôn nghìn người thấy cũng yêu, [tiêu (4)
Xôn xao anh-yến, dập dìu trúc-mai!
Tin nhạn vẩn, lá thơ bài,
Đưa người cửa trước rước người cửa sau!
Lạ tai, nghe chửa biết đâu,
Xem tình ra cũng những mầu giở giang.
Lễ xong hương-hỏa gia-đường,
Tú-bà vắt nóc lên giường ngồi ngay.
Dậy rằng: con lạy mẹ đây,
Lạy rồi thì lạy cậu mày bên kia.

---

(1) Tối thắp hương, sớm dưng hoa.

(2) Nghĩa là: lấy hoa thải ra đem lót xuống chiếu nằm để cầu may.

(3) Hàn-thực là tết mồng ba tháng ba.

(4) Nguyên-tiêu là tết rằm tháng giêng.

Nàng rằng: Phải bước lưu-li, (1)
Phận hèn vâng đã cam bề tiểu-tinh. (2)
Điều đâu lấy yến làm anh!
Ngây thơ chẳng biết là danh-phận gì?
Đủ điều nạp-thái vu-qui,
Đã khi chung chạ, lại khi đứng ngồi.
Giờ ra thay bậc đổi ngôi,
Dám xin gửi lại một nhời cho minh.
Mụ nghe nàng nói hay tình,
Bấy giờ mới nổi tam bành (3) mụ lên:
Này này sự đã quả nhiên!
Thôi đà cướp sống chồng min (4) đi rồi!
Bảo rằng: đi giạo lấy người,
Đem về rước khách kiếm lời mà ăn.
Tuồng vô-nghĩa ở bất-nhân,
Buồn mình trước đã tần-mần thử chơi!
Mầu hồ đã mất đi rồi,
Thôi thôi vốn liếng đi đời nhà ma!

---

(1) Kiều nói: Phận tôi nhỏ mọn đã xiêu dạt đến đây.

(2) Tiểu tinh là nàng hầu.

(3) Tam bành là Bành Cư, Bành Kiều, Bành Chất. Ba thần này hay xui người ta làm điều ác, rồi đến ngày canh-thân thì lại đem những tội ác ấy lên tâu thiên-tào. (Trích ở trong sách nhà phật).

(4) Min là tiếng Nghệ cũng như tiếng Ta ngoài Bắc.

Con kia đã bán cho ta,
Nhập gia, (1) phải cứ phép nhà tao đây!
Lão kia có giở bài bây, (2)
Chẳng văng vào mặt mà mày lại nghe!
Cớ sao chịu ép một bề,
Gái tơ mà đã ngứa nghề sớm sao?
Phải làm cho biết phép tao,
Trập bì-tiên, (3) rắp sấn vào ra tay.
Nàng rằng: Giời thẳm đất dầy!
Thân này đã bỏ những ngày ra đi!
Thôi thì thôi, có tiếc gì!
Sẵn dao tay áo, tức thì rở ra.
Sợ gan nát ngọc liều hoa,
Mụ còn trông mặt, nàng đà quá tay.
Thương ôi, tài sắc bậc này!
Một dao oan-nghiệp, dứt dây phong-trần!
Nỗi oan vỡ lở xa gần,
Trong nhà người chật một lần như nêm.
Nàng thì bẵn bặt giấc tiên,
Mụ thì ngăn-ngắt, mắt nhìn hồn bay.
Vực nàng vào chốn hiên tây,
Cắt người xem sóc, rước thày thuốc thang.

---

(1) Tục-ngữ: Nhập giang tùy khúc, nhập gia tùy tục. Nghĩa là: Vào sông theo khúc, vào nhà theo tục.

(2) Lần khần.

(3) Bì tiên là roi da.

Nào hay chưa hết trần-duyên,
Trong mê đã thấy Đạm-Tiên rõ ràng.
Nhủ rằng : nhân (1) quả (2) giở giang.
Đã toan trốn nợ đoạn-tràng được sao !
Số còn nặng nghiệp má đào,
Người dù muốn quyết, giời nào đã cho !
Hãy xin hết kiếp liễu-bồ, (3)
Sông Tiền-đường sẽ hẹn hò về sau !
Thuốc thang suốt một ngày thâu,
Giấc mê nghe đã rầu rầu vừa tan.
Tú-bà chực sẵn bên màn,
Lựa nhời khuyên giải mơn-man gỡ dần :
Một người rễ có mấy thân !
Hoa xuân đương nhị ngày xuân còn dài.
Cũng là nhỡ một nhầm hai,
Đá vàng sao nỡ ép nài mưa mây ! (4)
Nhỡ chân trót đã vào đây,
Khóa buồng xuân, để đợi ngày đào non. (5)
Người còn thì của hãy còn,
Tìm nơi xứng đáng làm con cái nhà ! (6)

---

(1) Nhân là tiền nhân.
(2) Quả là hậu quả.
(3) Phận đàn bà yếu đuối như cây liễu, cây bồ.
(4) Mưa mây là giai gái chơi bời.
(5) Nghĩa là: Đóng cửa để đợi ngày đi lấy chồng,
(6) Ngày xưa họ Vương và họ Tạ kết thân với nhau, hai bên cùng xứng đáng.

Làm chi tội báo oan gia,
Thiệt mình mà hại đến ta hay gì?
Kề tai mấy nỗi nằn nì,
Nàng nghe nhường cũng thị phi rạch ròi.
Vả trong thần mộng mấy nhời, (1)
Túc-nhân thì cũng có giời ở trong.
Kiếp này nợ giả chưa xong,
Làm chi thêm một nợ chồng (2) kiếp sau?
Lặng nghe, ngẫm nghĩ gót đầu,
Thưa rằng: Ai có muốn đâu thế này!
Được như nhời thế là may!
Hẳn rằng mai có như rầy cho chăng?
Sợ khi ong bướm đãi đằng,
Đến điều sống đục sao bằng thác trong!
Mụ rằng: Con hãy thong dong,
Phải điều lòng lại dối lòng mà chơi?
Mai sau ở chẳng như nhời,
Trên đầu có bóng mặt giời rạng soi! (3)
Thấy nhời quyết đoán hẳn hoi,
Đành lòng, nàng cũng sẽ nguôi nguôi dần.

---

(1) Mộng Đạm-Tiên báo khi trước.

(2) Chồng là chồng chất lên chứ không phải chồng là vợ chồng.

(3) Tú-Bà thề với Kiều câu này mà không trọn được, về sau lại chết về tay Kiều thì ngẫm ra giời thật là gần vậy.

Trước lầu Ngưng-bích (1) khóa xuân,
Vẻ non xa, tấm giăng gần ở chung.
Bốn bề bát ngát xa trông,
Cát vàng còn nọ, bụi hồng dặm kia.
Bẽ-bàng mây sớm đèn khuya,
Nửa tình, nửa cảnh như chia tấm lòng.
Tưởng người dưới nguyệt chén đồng,
Tin sương luống những rầy mong mai chờ.
Bên giời góc bể bơ-vơ,
Tấm son gột rửa bao giờ cho phai!
Xót người tựa cửa (2) hôm mai,
Quạt nồng ấp lạnh, (3) những ai đó giờ?
Sân Lai (4) cách mấy nắng mưa,
Có khi gốc tử đã vừa người ôm! (5)
Buồn trông cửa bể chiều hôm,
Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa?

---

(1) Ngưng-Bích là lầu Ngưng-Bích, chỗ nàng Kiều ở.

(2) Kiều ngồi buồn nhớ đến cha mẹ, nghĩ không biết có ai thay mình mà chu cấp phụng dưỡng cho không?

(3) Đạo làm con thờ cha mẹ phải quạt khi nóng bức và đắp ấm khi lạnh rét.

(4) Ông Lão-Lai đã già, đầu bạc phơ phơ mà còn lấy áo đỏ mặc nhảy múa để làm vui lòng cha mẹ.

(5) Gốc tử là cây tử-lý, giồng ở nhà bây giờ có khi đã to bằng một ôm vậy. Ý nói là cha mẹ đã già cả rồi mà mình còn đang trơ vơ như sóng giữa rỏng.

Buồn trông ngọn nước mới sa.
Hoa trôi man-mác biết là về đâu?
Buồn trông nội cỏ rầu-rầu,
Chân mây mặt đất một mầu xanh xanh.
Buồn trông gió cuốn mặt ghềnh,
Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi.
Chung quanh những nước non người,
Đau lòng lưu-lạc, nên vài bốn câu.
Ngậm ngùi rủ bức rèm châu, (1)
Cách tường, nghe có tiếng đâu họa vần.
Một chàng vừa trạc thanh-xuân,
Hình dong chải chuốt, áo khăn gọn-gàng.
Nghĩ rằng cũng mạch thư-hương, (2)
Hỏi ra mới biết rằng chàng Sở-Khanh.
Bóng nga thấp thoáng dưới mành,
Trông nàng, chàng cũng ra tình đeo đai:
Than ôi! sắc nước hương giời,
Tiếc cho đâu bỗng lạc loài đến đây!
Giá đành trong nguyệt trên mây,
Hoa sao hoa khéo đọa đầy mấy hoa?
Tức gan riêng giận giời già,
Lòng này ai tỏ cho ta, hỡi lòng?
Thuyền quyên ví biết anh-hùng,
Ra tay tháo cũi sổ lồng như chơi!

---

(1) Rèm châu là cái mành mành làm bằng hạt châu
(2) Thư-hương là người học trò.

Song thu đã khép cánh ngoài,
Tai còn đồng vọng mấy nhời sắt đanh. (1)
Nghĩ người thôi lại nghĩ mình,
Cam lòng chua xót, nhạt tình bơ-vơ,
Những là lần lữa nắng mưa,
Kiếp phong-trần biết bao giờ là thôi?
Đánh liều nhắn một hai nhời,
Nhờ tay tế-độ (2) vớt người trầm-luân! (3)
Mảnh tiên kể hết xa gần,
Nỗi nhà báo đáp, nỗi thân lạc loài.
Tan sương vừa rạng ngày mai,
Tiện-hồng nàng mới nhắn nhời gửi sang.
Giời tây lững thững bóng vàng, (4)
Phục thư đã thấy tin chàng tới nơi.
Mở xem một bức tiên-mai,
Rành rành «tích-việt» có hai chữ đề. (5)
Lấy trong ý tứ mà suy:
Ngày hai mươi mốt, tuất thì phải chăng?
Chim hôm nhao-nhác về rừng. (6)
Đóa trà-mi đã ngậm giăng nửa vành. (7)

---

(1) Tai còn nghe văng vẳng những nhời gắn bó chắc chắn như đanh đóng vào cột.

(2) Tế-độ là thuyền của thần phật.

(3) Trầm-luân là phải sa xuống bể khổ.

(4) Mặt giời xế về chiều (sắp lặn).

(5) Lấy chữ tích-việt chia ra từng nét một thì thành nghĩa là: ngày hai mươi mốt, giờ tuất thì chạy.

(6 Nghĩa là: Giời đã tối rồi. [thôi.

(7) Đêm hôm hai mươi mốt giăng mọc có một nửa



Một đoàn đưa đến trước sau,
Vuốt đầu xuống đất, oánh đầu lên giời. (Xem trang 61-62)

Tường đông lay động bóng cành,
Đầy song đã thấy Sở-Khanh lén vào.
Sượng-sùng đánh rạn ra chào,
Lạy thôi nàng mới rỉ trao ân-cần.
Rằng: Tôi bèo bọt chút thân,
Lạc đàn mang lấy nợ nần yến-anh.
Dám nhờ cốt nhục tử sinh, (1)
Còn nhiều kết-cỏ (2) ngậm-vành (3) về sau
Lặng nghe, lầm nhầm gật đầu:
Ta đây nào phải ai đâu mà rằng!
Nàng đà biết đến ta chăng?
Bề trầm-luân lấp cho bằng mới thôi!

---

(1) Cốt nhục tử sinh nghĩa là: Đạo vợ chồng sống gửi thịt, chết gửi xương.

(2) Tích kết cỏ ở Đông-Chu-Liệt-Quốc. Ngươi Ngụy-Thù đời nhà Tấn có người vợ lẽ rất nhan sắc, yêu đương như hòn ngọc trong tay. Lúc anh ta gần chết, giặn con là Ngụy-Khỏa phải đem người vợ lẽ ấy chôn chung vào một áo quan với mình. Khỏa không nghe, cho nàng về đi lấy chồng. Sau Khỏa đánh giặc với tướng nhà Tần là Đỗ-Hồi, lúc gần thua, tự nhiên thấy tướng giặc vướng cỏ ngã, Khỏa giết được. Đêm hôm ấy Khỏa nằm mộng thấy bố người đàn bà ấy đến nói rằng: Tôi cảm ơn ông không chôn sống con tôi cho nên kết cỏ quấn vào chân giặc cho ngã để báo ơn ông.

(3) Tích ngậm vành về đời Đông-Hán. Ngươi Dương-Bảo cứu sống được con chim sẻ vàng bị chim cắt đánh gần chết. Về sau con chim ấy hiện ra một đứa trẻ đem vành ngọc đến báo ơn.

Nàng rằng: muôn sự ơn người.
Thế nào xin quyết một bài cho xong?
Rằng: Ta có ngựa chuy-phong, (1)
Có tên dưới trướng, vốn dòng kiện-nhi. (2)
Thừa cơ lẻn bước ra đi,
Ba mươi sáu chước, chước gì là hơn, (3)
Dù khi gió kép mưa đơn,
Có ta đây cũng chẳng cơn cớ gì!
Nghe nhời, nàng đã sinh nghi.
Song đà quá đỗi, quản gì được thân!
Cũng liều nhắm mắt đưa chân,
Mà xem con Tạo (4) xoay vần đến đâu!
Cùng nhau lẻn bước xuống lầu,
Song-song ngựa trước ngựa sau một đoàn.
Đêm thâu khắc vợi canh tàn,
Gió cây trút lá, (5) giăng ngàn ngậm gương. (6)
Lối mòn, cỏ nhạt mầu sương,
Lòng quê đi một bước đường một đau.
Tiếng gà xao xác gáy mau,
Tiếng người đâu đã mái sau dậy-dàng.

---

(1) Ngựa chuy-phong là ngựa chạy nhanh như gió.
(2) Kiện-nhi là đứa đầy tớ mạnh mẽ.
(3) Ở sách Tiểu-thuyết nói: Ba mươi sáu chước, chước chạy là hơn.
(4) Con tạo (Tạo-Hóa) là ông giời.
(5) Cảnh mùa thu.
(6) Về gần sáng.

Nàng càng thổn thức gan vàng,
Sở-Khanh đã rẽ giây-cương lối nào?
Một mình khôn biết làm sao?
Dặm rừng bước thấp bước cao hãi-hùng.
Hóa-nhi thật có nỡ lòng,
Làm chi giầy tia, vò hồng lắm nao!
Một đoàn đưa đến trước sau,
Vuốt đâu xuống đất, cánh đâu lên giời! (1)
Tú-bà tốc thẳng đến nơi,
Hầm hầm áp điệu một hơi lại nhà.
Hung-hăng chẳng hỏi chẳng tra,
Đang tay vùi liễu, giập hoa tơi bời!
Thịt da ai cũng là người,
Lòng nào hồng rụng thắm rời, chẳng đau!
Hết nhời thú-phục khẩn-cầu,
Uốn lưng thịt đổ cất đầu máu sa.
Rằng: Tôi chút phận đàn bà,
Nước non lìa cửa lìa nhà đến đây.
Bây giờ sống thác ở tay,
Thân này đã đến thế này thì thôi!
Nhưng tôi có sá chi tôi!
Phận tôi đành vậy, vốn người để đâu?

---

(1) Cổ thi: Quật địa vô nha trảo, thăng thiên khiếm vũ mao. Nghĩa là: Muốn xuống đất nhưng không có nanh vuốt mà đào, muốn lên giời nhưng không có cánh mà bay.

Thân lươn bao quản lấm đầu,
Chút lòng trinh bạch từ sau xin chừa! (1)
Được nhời mụ mới tùy cơ,
Bắt người bảo-lĩnh làm tờ cung-chiêu.
Bầy vai có ả Mã-kiều,
Xót nàng, ra mới đánh liều chịu đoan.
Mụ càng kể nhặt, kể khoan,
Gạn-gùng đến mực, nồng-nàn mới tha.
Vực nàng vào nghỉ trong nhà,
Mã-kiều lại ngỏ ý ra giặn nhời:
Thôi đà mắc lận thì thôi!
Đi đâu chẳng biết con người Sở-Khanh?
Phụ-tình nổi tiếng lầu-xanh!
Một tay chôn biết mấy cành phù-dung! (2)
Đà-đao (3) sắp sẵn chước dùng,
Lạ gì một cốt, một đồng (4) xưa nay.
Có ba mươi lạng trao tay, (5)
Không dưng chi có truyện này trò kia!

---

(1) Xưa nay chỉ có chừa những thói hư nết xấu mà chưa có ai lại chừa trinh bạch bao giờ!

(2) Cây phù dung rất yểu điệu, ý nói ví như người con gái đẹp.

(3) Đà-đao là kế lừa giặc của Tào-Hồng về đời Tam-Quốc, chạy cho người ta đuổi rồi quay lại chém.

(4) Một cốt một đồng là Tú-Bà với Sở-Khanh.

(5) Tú-Bà thuê Sở-Khanh 30 lạng bạc để bầy kế đem Kiều đi trốn, rồi đi nã tróc về bắt ở lầu xanh tiếp khách.

Rồi ra giở mặt tức thì,
Liệu nằn-nì, chớ sân-si, thiệt đời.
Nàng rằng: thề thốt nặng nhời,
Có đâu mà lại ra người hiểm sâu!
Còn đương suy trước nghĩ sau,
Mặt mo (1) đã thấy ở đâu dẫn vào.
Sở-Khanh lên tiếng rêu rao,
Rằng nghe: mới có con nào ở đây?
Phao cho quyến gió đủ mây,
Hãy xem có biết mặt này là ai?
Nàng rằng: Thôi thế thì thôi!
Rằng không, thì cũng vâng nhời rằng không!
Sở-Khanh thét mắng đùng-đùng.
Bước vào vừa rắp thị hùng ra tay.
Nàng rằng: Giời nhễ có hay!
Quyến anh rủ yến sự này tại ai?
Đem người giấy xuống giếng khơi, (2)
Nói rồi, rồi lại ăn nhời được ngay!
Còn tiên « tích-việt » ở tay,
Rõ ràng mặt ấy, mặt này chứ ai?
Nhời ngay, đông mặt trong ngoài,
Kẻ chê bất-nghĩa người cười vô-lương!

---

(1) Mặt mo là mặt dày. (Ý trỏ vào Sở-Khanh).
(2) Giếng khơi là giếng người ta đào nhỏ mà sâu, để lấy nước mạch trong.

Phụ-tình án đã rõ ràng,
Rơ tuồng, nghĩ mới kiếm đường tháo lui.
Buồng riêng, riêng những xụt xùi,
Nghĩ thân mà lại ngậm-ngùi cho thân!
Tiếc thay trong giá trắng ngần, (1)
Đến phong-trần cũng phong-trần (2) như ai!
Tẻ vui cũng một kiếp người,
Hồng-nhan phải giống ở đời mãi ru!
Kiếp xưa đã vụng đường tu,
Kiếp này chẳng kẻo đền bù mới xuôi.
Dẫu sao, bình đã vỡ rồi,
Lấy thân mà giả nợ đời cho xong!
Vừa tuần nguyệt sáng, gương trong,
Tú-bà ghé lại thong-dong giặn giò:
Nghề chơi cũng lắm công phu,
Làng chơi ta phải biết cho đủ điều.
Nàng rằng: Mưa gió dập dìu,
Liều thân, thì cũng phải liều thế thôi!
Mụ rằng: ai cũng như ai,
Người ta ai mất tiền hoài đến đây?
Ở trong còn lắm điều hay,
Nỗi đêm khép mở, nỗi ngày riêng chung.

---

(1) Cổ-thi: Thanh như băng tuyết bạch như ngân.
Thơ-cổ: Trong như vầng tuyết trắng như bạc.

(2) Phong trần là gió bụi, nghĩa là phải bước cực khổ.

Này còn thuộc lấy làm lòng,
Vành ngoài bảy chữ (1), vành trong tám nghề (2)
Chơi cho liễu chán hoa chê,
Cho lăn lóc đá cho mê mẩn đời.
Khi khóe hạnh, lúc nét ngài, (3)
Khi ngâm ngợi nguyệt khi cười cợt hoa.
Đều là nghề nghiệp trong nhà,
Đủ ngần ấy nết mấy là làng soi!
Gót đầu vâng giậy mấy nhời,
Dường chau nét nguyệt, dường phai vẻ hồng.

---

(1) Bảy chữ là:

1. — KHỐC là tỉ tê khóc lóc cho người ta mê mình.
2. — TIỄN là kết tóc buộc vào cánh tay người khách.
3. — THÍCH là lấy cái trâm thích hai chữ *thân-phu* vào cánh tay mình.
4. — THIÊU là đốt hương thề nguyền.
5. — GIÁ là nói giả cách đi lấy chồng.
6. — TẨU là rủ người ta cùng đi trốn rồi bóc lột.
7. — TỬ là làm ra cách sống chết có nhau.

(2) Tám nghề là:

1. — Kích-cổ-thôi-hoa.
2. — Kim-liên-song-tỏa.
3. — Đại-xiển-kì-cổ.
4. — Man-đả-khinh-khao.
5. — Khẩn-thuyên-tam-trật.
6. — Tả-chi-hữu-chi.
7. — Tỏa-tâm-truy-hồi.
8. — Nhiếp-thần-nhiệm-tỏa.

là những cách chơi của nhà nghề, trong bản Kiều chữ có giải nghĩa rõ ràng nhưng thô tục lắm cho nên không tiện dịch ra đây.

(3) Khóe hạnh là con mắt. Nét ngài là lông mày, mái tóc.

Những nghe nói, đã thẹn thùng,
Nước đời lắm nỗi lạ lùng khắt khe!
Xót mình cửa các, buồng khuê, (1)
Vỡ lòng học lấy những nghề nghiệp hay!
Khéo là mặt dạn mày dầy,
Kiếp người đã đến thế này thì thôi!
Thương thay! thân phận lạc loài,
Dẫu sao cũng ở tay người biết sao?
Lầu xanh mới rủ trướng đào,
Càng treo giá ngọc, càng cao phẩm người!
Biết bao bướm lả ong lơi,
Cuộc say đầy tháng, trận cười suốt đêm.
Dập dìu lá gió cành chim, (2)
Sớm đưa Tống-ngọc, tối tìm Tràng-khanh. (3)
Khi tỉnh rượu, lúc tàn canh,
Giật mình, mình lại thương mình xót xa.
Khi sao phong gấm rủ là?
Giờ sao tan tác như hoa giữa đường?

(1 Kiều nghĩ xưa kia mình là con nhà tử tế mà nay phải đến nỗi mặt dạn mày dầy thế này.

(2) Nàng Tiết-Đào đời nhà Đường lúc mới nhớn lên có làm bài thơ rằng: Chi nghênh nam bắc điểu, diệp tống vãng lai phong, nghĩa là cành đón chim nam chim bắc, lá đưa gió đi gió lại. Về sau nàng không ra gì phải sa vào cảnh giang hồ.

(3) Tống Ngọc là người nước Sở đời Chiến-Quốc. Tràng-Khanh là Tư-Mã-Tương-Như về đời nhà Hán. Hai người này rất là phong-tình.

Mặt sao dầy gió dạn sương?
Thân sao bướm chán, ong chường mấy thân?
Mặc người mưa Sở mây Tần,
Những mình, nào biết có xuân là gì!
Đòi phen gió tựa hoa kề,
Nửa rèm tuyết ngậm, bốn bề giăng thâu. (1)
Cảnh nào, cảnh chẳng đeo sầu?
Người buồn, cảnh có vui đâu bao giờ!
Đòi phen nét vẽ câu thơ,
Cung cầm trong nguyệt, nước cờ dưới hoa. (2)
Vui là vui gượng kẻo mà,
Ai tri-âm đó, mặn-mà với ai?
Thờ-ơ (3) gió trúc mưa mai,
Ngẩn-ngơ trăm nỗi, giùi mài một thân.
Ôm lòng đòi đoạn xa gần,
Chẳng vò mà rối, chẳng dần mà đau!

---

(1) Nghĩa là qua mùa này sang mùa khác mà không thoát được bước giang hồ. (Tả cảnh sầu).

(2) Lúc thì gảy đàn trong bóng giăng, lúc thì đánh cờ dưới bóng hoa nở.

(3) Thờ-ơ là hững hờ nhạt nhẽo.

Nhớ ơn chín chữ cao sâu, (1)
Một ngày một ngả bóng dâu tà-tà.
Dặm nghìn nước thẳm non xa,
Nghĩ đâu thân phận con ra thế này!
Sân hòe, (2) đôi chút thơ ngây, (3)
Trân cam (4), ai kẻ đỡ thay việc mình?
Nhớ nhời nguyện ước ba-sinh,
Xa-xôi, ai có biết tình chăng ai?

---

(1) Chín chữ là cửu tự cù-lao ở Kinh-thi, về thiên Tiểu-nhã, thơ Lục-nga:

1. — (Sinh), phụ hề sinh ngã là cha sinh ra ta.
2. — (Cúc), mẫu hề cúc ngã là mẹ cho ta bú.
3. — (Phủ), phủ ngã là ãm ta.
4. — (Súc), súc ngã là nuôi ta.
5. — (Trưởng), trưởng ngã là mong che ta nhớn.
6. — (Dục), dục ngã là nuôi ta.
7. — (Cố), cố ngã là trông nom ta.
8. — (Phục), phục ngã là săn sóc ta.
9. — (Phúc), xuất nhập phúc ngã là ra vào nâng niu ta.

Những công đức ấy, thăm thẳm như giời cao không cùng.

(2) Tích sân hòe về đời nhà Tống. — Ông Vương-Dựu giồng ba cây hòe ở sân, đến đời con được vinh-hiển làm đến tam-công.

(3) Đôi chút thơ ngây là ý nhắc đến hai em là Vương-Quan và Thúy-Vân hãy còn thơ ngây.

(4) Trân cam là của ngon vật lạ.

Khi về hỏi liễu Chương-đài, (1)
Cành xuân đã bẻ cho người chuyên tay!
Tình sâu, mong giả nghĩa dầy,
Hoa kia đã chắp cành này cho chưa? (2)
Mối tình đòi đoạn vò tơ,
Giấc hương-quan (3) luống mẩn-mơ canh dài!
Song sa vò-võ phương giời,
Nay hoàng-hôn đã, lại mai hôn-hoàng! (4)
Lần lần thỏ (5) bạc ác (6) vàng,
Xót người trong hội đoạn-tràng (7) đòi cơn!
Đã cho lấy chữ hồng-nhan,
Làm cho, cho hại, cho tàn, cho cân!

---

(1) Chương-đài là cây liễu ở chốn Chương-đài. Ngày xưa ngươi Hàn-Hoành hỏi nàng Liễu-thị làm vợ, nhưng phải đi làm việc quan xa, chưa kịp cưới, có gửi cho nàng một bài thơ, có câu rằng: Chương-đài-liễu, tích nhật thanh thanh kim tại phủ, dã ứng phan triết tha nhân thủ. Nghĩa là: Cây liễu ở chốn Chương đài, xưa xanh xanh tốt thế, nay có còn nguyên không hay người khác đã bẻ mất rồi.

(2) Kiều nghĩ không biết em Vân mình ở nhà đã thay mình mà kết duyên với Kim-Trọng hay chưa?

(3) Giấc hương-quan là ngủ chiêm bao thấy quê nhà.

(4) Ngày qua tháng lại ở đất người.

(5) Thỏ là mặt giăng.

(6) Ác là mặt giời.

(7) Kiều nhớ đến Đạm-Tiên.



Mụ càng tô lục chuốt hồng,
Máu tham hễ thấy hơi động thì mê,

(Xem trang 72-73)

Đã đầy vào kiếp phong-trần,
Sao cho sỉ-nhục một lần mới thôi!
Khách du bỗng có một người,
Kì-tâm họ Thúc cũng nòi thư-hương.
Vốn người huyện Tích châu Thường.
Theo nghiêm-đường mở ngôi hàng Lâm-tri.
Hoa-khôi (1) mộ tiếng Kiều-nhi,
Thiếp-hồng tìm đến hương-khuê gửi vào.
Trướng tô giáp mặt hoa đào,
Vẻ nào chẳng mặn, nét nào chẳng ưa!
Hải-đường mơn mởn cành tơ,
Ngày xuân càng gió, càng mưa, càng nồng!
Nguyệt hoa, hoa nguyệt não nùng,
Đêm xuân ai dễ cầm lòng được chăng!
Lạ gì thanh khí nhẽ hằng, (2)
Một giây một buộc, ai giằng cho ra?
Sớm đào tối mận lân la,
Trước còn giăng gió, sau ra đá vàng.
Dịp đâu may-mắn lạ dường!
Lại vừa gặp khoảng xuân-đường lại quê.
Sinh càng một tỉnh, mười mê,
Ngày xuân lắm lúc quên về với xuân.
Khi gió gác, khi giăng sân,
Bầu tiên chuốc rượu, câu thần nối thơ.

---

(1) Hoa-khôi là người con gái đẹp.
(2) Nhẽ hằng là nhẽ tự nhiên xưa nay.

Khi hương-sớm, lúc trà trưa,
Bàn vây điểm nước, đường tơ họa đàn,
Miệt-mài trong cuộc chuy-hoan, (1)
Càng quen-thuộc nết càng dan-díu tình.
Lạ cho cái sóng khuynh-thành, (2)
Làm cho đổ quán xiêu đình như chơi !
Thúc-sinh quen thói bốc rời, (3)
Trăm nghìn đổ một trận cười như không !
Mụ càng tô lục chuốt hồng,
Máu tham hễ thấy hơi đồng thì mê,
Dưới giăng, quyên (4) đã gọi hè,
Đầu tường lửa lựu lập lòe đâm bông, (5)
Buồng the phải buổi thong-dong,
Thang lan rủ bức trướng hồng tầm hoa. (6)
Rõ ràng trong ngọc trắng ngà,
Dầy dầy sẵn đúc một tòa thiên nhiên. (7)

---

(1) Truy-hoan là nhớ đến sự vui vẻ ngày xưa.

(2) Là cái nhan sắc không phải là sóng gió mà dễ làm đắm đuối được người ta.

(3) Bốc rời là bốc tiền rời mà ném đi không tiếc. (Là ý nói người hoang phí).

(4) Quyên là con quốc.

(5) Câu này ý nói là đã qua mùa này sang mùa khác, tiết giời đã thay đổi.

(6) Thang lan là nước hoa lan nấu lên.

(7) Cái dáng điệu tự-nhiên tự giời đúc nên cho Kiều thật là đẹp.

Sinh càng tỏ nết càng khen,
Ngụ tình tay thảo một thiên luật Đường. (1)
Nàng rằng : Vâng biết ý chàng,
Nhời-nhời châu ngọc, hàng hàng gấm thêu!
Hay hèn nhẽ cũng nối điêu, (2)
Nỗi quê nghĩ một hai điều ngang ngang!
Lòng còn gửi đám mây hàng, (3)
Họa vần xin hãy chịu chàng hôm nay.
Rằng : Sao nói lạ lùng thay !
Cành kia chẳng phải cỗi này mà ra? (4)
Nàng càng ủ-giột thu ba, (5)
Đoạn-trường lúc ấy nghĩ mà buồn tênh :
Thiếp như hoa đã lìa cành,
Chàng như con bướm liệng vành mà chơi!
Chúa xuân đành đã có nơi,
Ngắn ngày thôi chớ dài nhời làm chi!
Sinh rằng : Từ thủa tương-tri,
Tấm riêng, riêng những nặng vì nước non!

---

(1) Thơ bảy chữ (thất ngôn) có từ đời nhà Đường.

(2) Nối điêu là họa thơ lại.

(3) Ngươi Địch-Nhân-Kiệt nhà Đường phải đi xa, trông thấy đám mây ở trên núi Thái-hàng liền nhớ đến cha mẹ mà than rằng: Cha mẹ ta ở dưới đám mây kia. (Ý nói là bụng dạ còn đương bối rối nghĩ về cha mẹ).

(4) Thúc-Sinh hỏi Kiều rằng: nàng không phải là con gái Tú-Bà hay sao?

(5) Thu ba là sóng mùa thu, ý nói là nước mắt

Trăm năm tính cuộc vuông tròn,
Phải dò cho đến ngọn nguồn lạch sông ! (1
Nàng rằng muôn đội ơn lòng,
Chút e bên thú bên tòng, (2) dễ đâu !
Bình-khang (3) nấn-ná bấy lâu,
Yêu hoa yêu được một mầu điểm trang.
Rồi ra nhạt phấn phai hương,
Lòng kia giữ được thường thường mãi chăng?
Vả trong thềm quế cung giăng,
Chủ-trương đành đã chị Hằng ở trong ! (4)
Bấy lâu khăng-khít dải đồng.
Thêm người, người cũng chia lòng riêng tây.
Vẻ chi chút phận bèo mây,
Làm cho bể ái khi đầy khi vơi !
Trăm điều ngang ngửa vì tôi,
Thân sau ai chịu tội giời ấy cho?
Như chàng có vững tay co,
Mười phần cũng đắp điếm cho một vài.

---

(1) Phải hỏi nguyên ủy cho biết gốc tích Kiều ra làm sao.

(2) Tình cảnh Thúc-Sinh và Kiều lúc bấy giờ thật khó nghĩ. Một đàng muốn lấy vợ lẽ cũng khó, một đàng đang ở vào cảnh giang hồ mà theo một người đã có vợ cả rồi thì lại càng khó hơn.

(3) Bình khang là nhà thanh-lâu.

(4) Ý nói là ở nhà đã có vợ cả rồi.

Thế trong dù nhớn hơn ngoài,
Trước hàm sư-tử (1) gửi người đẳng-la ! (2)
Cúi đầu luồn xuống mái nhà.
Giấm chua lại tội bằng ba lửa nồng! (3)
Ở trên còn có nhà thông,
Lượng trên trông xuống, biết rằng có thương?
Sá chi liễu ngõ hoa tường,
Lầu-xanh lại bỏ ra phường lầu-xanh ! (4)
Lại càng dơ dáng dại hình,
Đành thân phận thiếp ngại danh-giá chàng!
Thương sao cho vẹn thì thương,
Tình sao cho trọn mọi đường thì vâng!
Sinh rằng: Hay nói đè chừng,
Lòng đây, lòng đấy chưa từng hay sao?
Đường xa chớ ngại Ngô Lào!
Trăm điều hãy cứ trông vào một ta.
Đã gần chi có điều xa?
Đá vàng cũng quyết phong ba cũng-liều!
Cùng nhau căn-vặn đến điều,
Chỉ non thề bể nặng gieo đến nhời.

---

(1) **Hàm sư-tử là nói người đàn bà hay ghen như sư-tử đất Hà-đông.**

(2) **Đẳng-la là giây đẳng giây la, ý nói là phận lẽ mọn.**

(3) **Giấm chua là chỉ người đàn bà có tính ghen. Lửa nồng là ý nói nhà thanh-lâu như hang lửa.**

(4) **Phàm người đàn bà nào đã sa vào kiếp giang hồ thì khó lòng mà gỡ ra được.**

Nỉ non đêm ngắn tình dài,
Ngoài hiên thỏ đã non đoài ngậm gương. (1)
Mượn điều trúc viện thừa lương,
Rước về hãy tạm giấu nàng một nơi.
Chiến hòa sắp sẵn hai bài,
Cậy tay thầy thợ mượn người dò la.
Bắn tin đến mặt Tú-Bà,
Thua cơ mụ cũng cầu hòa dám sao?
Rỗ ràng của dẫn tay trao,
Hoàn-lương (2) một thiếp thân vào cửa công.
Công tư hai nhẽ đều xong,
Gót tiên phút đã thoát vòng trần-ai!
Một nhà xum họp trúc-mai,
Càng sâu nghĩa bể, càng dài tình sông.
Hương càng đượm lửa càng nồng,
Càng sôi vẻ ngọc, càng lồng mầu sen!
Nửa năm hơi tiếng vừa quen,
Sân ngô (3) cành bích đã chen lá vàng.
Giậu thu (4) vừa nẩy giò sương,
Xe bồ (5) đã thấy thung đường đến nơi.

---

(1) Giăng lặn.

(2) Hoàn lương là đơn tình nguyện xin đi lấy chồng.

(3) Ngô là cây ngô-đồng, hễ rụng lá nẩy chồi là đã sang mùa thu.

(4) Giậu thu là cái giậu chắn để giồng hoa cúc.

(5) Xe bồ là thứ xe kết bằng cỏ bồ, « tức là xe của Thúc ông về thăm quê nhà đã giở lại ».

Phong lôi nổi trận bời bời,
Nặng lòng e-ấp, tính bài phân-chia.
Quyết ngay biện bạch một bề,
Dạy cho má phấn lại về lầu-xanh!
Thấy nhời nghiêm-huấn rành rành,
Đánh liều Sinh mới lấy tình nài kêu.
Rằng: con biết tội đã nhiều,
Dẫu rằng sấm sét búa dìu cũng cam.
Trót vì tay đã giúng chàm,
Dại rồi còn biết khôn làm sao đây?
Cùng nhau vả tiếng một ngày,
Ôm cầm ai nỡ dứt dây cho đành!
Lượng trên quyết chẳng thương tình,
Bạc đen (1) thôi có tiếc mình làm chi!
Thấy nhời sắt đá tri tri,
Sốt gan ông mới cáo quì cửa công.
Đất bằng nổi sóng đùng đùng,
Phủ đường sai lá phiếu hồng thôi tra.
Cùng nhau theo gót sai nha,
Song song vào trước sân hoa lạy quì.
Trông lên mặt sắt đen xì,
Lập nghiêm trước đã ra uy nặng nhời:
Gã kia dại nết chơi bời!
Mà con người ấy ra người đong đưa!

---

(1) Bạc đen là ý nói nếu lượng trên không thương thì cũng liều mang tiếng bội bạc.

Tưởng gì hoa thải hương thừa,
Mượn mầu son phấn đánh lừa con đen. (1)
Suy trong tình trạng nguyên đơn,
Bề nào thì cũng chưa yên bề nào.
Phép công chiếu án luận vào,
Có hai đường ấy muốn sao mặc mình
Một là cứ phép ra hình,
Một là lại cứ lầu-xanh phó về!
Nàng rằng: Đã quyết một bề,
Dẹn này vương lấy tơ kia mấy lần!
Đục trong thân cũng là thân,
Yếu thơ vâng chịu trước sân lôi-đình!
Dạy rằng: Cứ phép ra hình!
Ba cây chập lại một cành mẫu-đơn!
Phận đành chi dám kêu oan,
Đào nhăn-nhó mặt, liễu tan-tác mày!
Một sân lầm-cát đã đầy,
Gương lờ nước thủy, mai gầy vóc xương!
Nghĩ tình chàng Thúc mà thương,
Nẻo xa trông thấy lòng càng xót xa!
Khóc rằng: Oan khốc vì ta!
Có nghe nhời trước, chẳng đà lụy sau!
Nông lòng chẳng biết nghĩ sâu,
Để ai giăng túi, hoa sầu, vì ai?

---

(1) Con đen là người ngu dại.

Phủ-đường nghe thoảng vào tai,
Động lòng lại gạn đến nhời riêng tây.
Xụt xùi chàng mới thưa ngay,
Đầu đuôi kể lại sự ngày cầu thân:
Nàng đà tính hết xa gần,
Từ xưa nàng đã biết thân có rầy!
Tại tôi hấng lấy một tay,
Để nàng cho đến nỗi này vì tôi!
Nghe nhời nói cũng thương nhời,
Dẹp uy mới dạy cho bài giải vi. (1)
Rằng: Như hẳn có thế thì,
Giăng hoa song cũng thị phi biết điều!
Sinh rằng: Chút phận bọt bèo,
Theo đòi vả cũng ít nhiều bút nghiên.
Cười rằng: Đã thế thì nên!
Mộc già (2) hãy thử một thiên trình nghề!
Nàng vâng cất bút tay đề,
Tiên hoa (3) trình trước án phê xem tường.
Khen rằng: Giá đáng Thịnh-Đường, (4)
Tài này sắc ấy nghìn vàng chưa cân!

---

(1) Giải vi là giàn hòa cho xong việc.

(2) Mộc-già là cái gông. Quan lấy cái gông làm đầu đề mà ra cho Kiều làm thơ.

(3) Tiên hoa là một thứ giấy ngũ sắc, người tầu hay dùng để làm đơn từ.

(4) Thịnh-Đường là thơ về lúc nhà Đường đang thịnh. (Văn thơ bắt đầu có từ đời nhà Đường).

Thực là tài-tử giai-nhân!
Châu-Trần (1), còn có Châu-Trần nào hơn?
Thôi đừng rước dữ, cưu hờn,
Làm chi nhỡ dịp cho đàn ngang cung!
Đã đưa đến trước cửa công,
Ngoài thì là lý, song trong là tình.
Dâu con trong đạo gia-đình,
Thôi thì giẹp nỗi bất bình, là xong!
Kíp truyền sắm sửa lễ công,
Kiệu hoa chen-gió đuốc hồng điểm sao.
Bày hàng cổ-súy (2) xôn xao,
Song song đưa tới trướng đào sánh đôi.
Thương vì nết, trọng vì tài,
Thúc-ông thôi cũng giẹp nhời phong-ba.
Huệ lan sực nức một nhà,
Từng cay đắng lại mặn mà hơn xưa!
Mảng vui rượu sớm cờ trưa,
Đào đà phai thắm, sen vừa nẩy xanh. (3)
Trướng hồ vắng vẻ đêm thanh,
E tình nàng mới giãi tình riêng chung:
Phận bồ (4) từ vẹn chữ tòng, (5)
Đổi thay nhạn yến đã hòng đầy niên.

---

(1) Ngày xưa họ Châu và họ Trần đời đời đều kết thân với nhau.

(2) Cổ súy là những đồ bát-âm.

(3) Bắt đầu sang mùa hè.

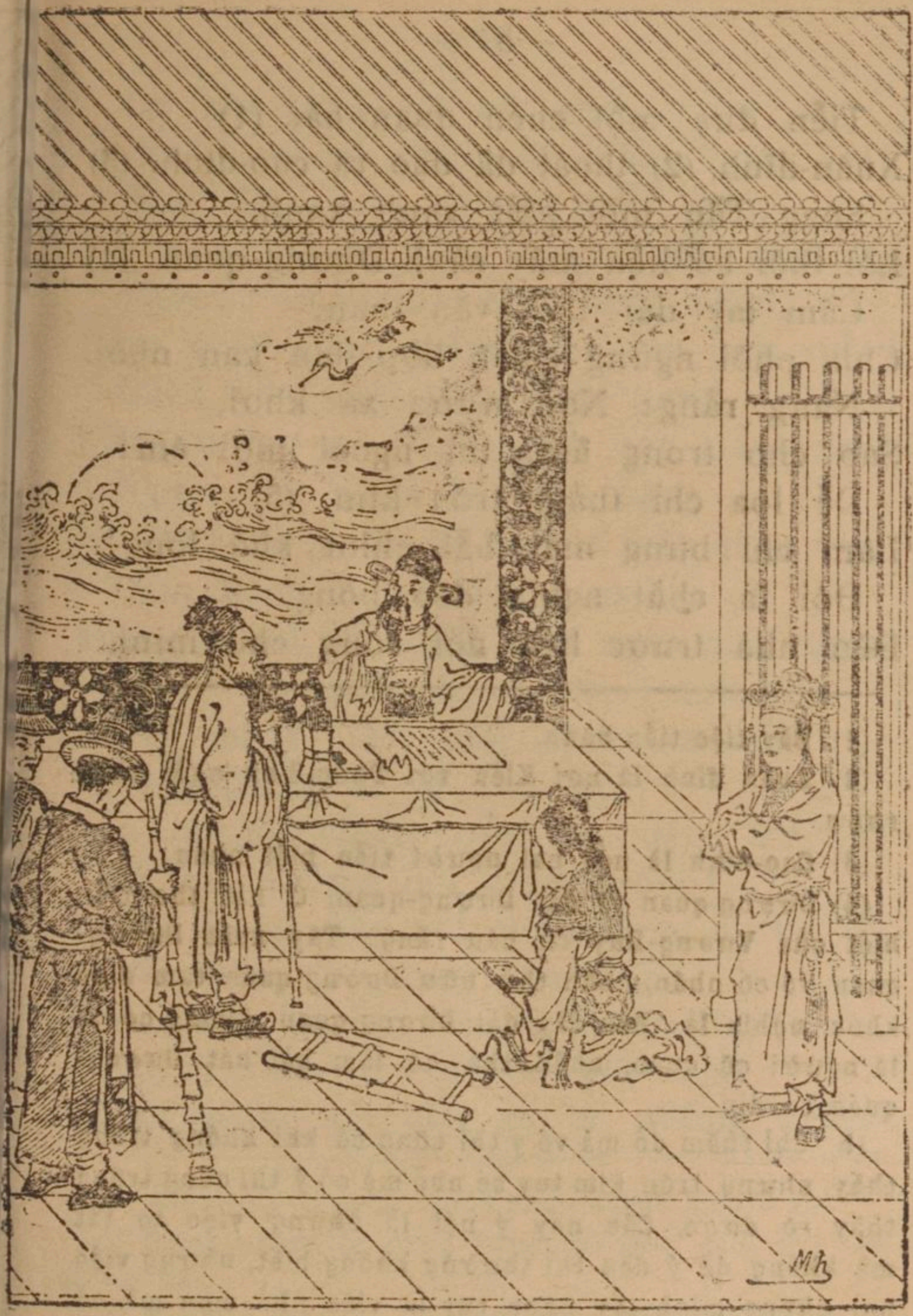
(4) Phận bồ là phận con gái.

(5) Chữ tòng là đạo tam tòng, nghĩa là khi ở nhà thì theo cha, khi lấy chồng thì theo chồng, khi chồng chết rồi thì theo con.

Tin nhà ngày một vắng tin,
Mặn tình cát-lũy (1), nhạt tình tao-khang! (2)
Nghĩ ra, thật cũng nên dường,
Tăm hơi, ai kẻ giữ giàng cho ta?
Trộm nghe kẻ nhớn (3) trong nhà,
Ở trong khuôn phép, nói ra mối giường.
E thay những dạ phi thường,
Dễ rò rốn bể, khôn lường đáy sông! (4)
Mà ta suốt một năm ròng,
Thế nào cũng chẳng giấu xong được nào!
Bấy chầy chưa tỏ tiêu hao,
Hoặc là trong có làm sao chăng là?
Xin chàng kíp liệu lại nhà,
Trước là đẹp ý, sau ta biết tình.
Đêm ngày giữ mực giấu quanh,
Rầy lần mai lữa như hình chưa thông!
Nghe nhời khuyên nhủ thong dong,
Đành tình, Sinh mới quyết lòng hồi trang.
Rạng mai gửi đến xuân-đường,
Thúc-ông cũng vội giục chàng ninh gia.

---

(1) Cát-lũy là vợ lẽ.
(2) Tao-khang là vợ cả.
(3) Kẻ nhớn là ý nói vợ cả.
(4) Nghĩa là sông bể dù sâu đến đâu cũng có thể rò được, nhưng lòng người nham hiểm thì không thể lường được.



Đã đưa đến trước cửa công,
Ngoài thì là lý, song trong là tình.

(Xem trang 80-81)

Tiễn đưa một chén quan hà, (1)
Xuân-đình (2) thoát đã dạo ra cao-đình. (3)
Sông Tần một giải xanh xanh,
Lôi thôi bờ liễu mấy cành Dương-quan. (4)
Cầm tay dài thở, vắn than,
Chia phôi ngừng chén, hợp tan gạn nhời.
Nàng rằng: Non nước xa khơi,
Sao cho trong ấm, thì ngoài mới êm!
Dễ lòa chỉ thắm trôn kim, (5)
Làm chi bưng mắt bắt chim khó lòng!
Đôi ta chút nghĩa đèo bòng,
Đến nhà trước liệu nói sòng cho minh.

---

(1) Bày tiệc tiễn hành.

(2) Xuân đình là nơi Kiều với Thúc-Sinh ngồi uống rượu.

(3) Cao-đình là nơi hai người tiễn biệt nhau.

(4) Dương-quan là đất Dương-quan. Ở bài thơ tiễn biệt của Vương-Duy có câu rằng: Tây xuất Dương-quan vô cố nhân, nhân thử hữu Dương-quan tam điệp khúc, nghĩa là: Bên tây đất Dương-quan không có ai là người cũ quen, nhân thế có làm bài hát Dương-quan ba dịp.

(5) Chỉ thắm đỏ mà vô ý thì cũng có khi không trông thấy, nhưng trôn kim tuy bé nhỏ mà có ý thì cũng trông thấy rõ được. Câu này ý nói là những việc to tát mà không để ý đến thì thường không biết, nhưng việc hai chúng mình lấy nhau tuy là việc nhỏ mọn mà có người lưu tâm thì rồi cũng có ngày rò la ra được

Dù khi sóng gió bất tình,
Nhớn ra phận nhớn, tôi đành phận tôi!
Hơn điều giấu ngược giấu xuôi,
Lại mang những việc tầy giời đến sau! (1)
Thương nhau xin nhớ nhời nhau,
Năm chầy cũng chẳng bao lâu mà chầy!
Chén đưa nhớ bữa hôm nay,
Chén mừng xin đợi ngày này năm sau!
Người lên ngựa kẻ chia bào,
Rừng phong (2) thu đã nhuộm mầu quan san.
Dặm hồng bụi cuốn chinh-an, (3)
Trông người đã khuất mấy ngàn giâu xanh.
Người về chiếc bóng năm canh,
Kẻ đi muôn dặm một mình xa xôi!
Vầng giăng ai sẻ làm đôi?
Nửa in gối chiếc, nửa soi dặm trường!
Kẻ chi những nỗi giọc đường!
Buồng trong, này nỗi chủ-trương ở nhà. (4)
Vốn dòng họ Hoạn danh gia,
Con quan Lại-bộ, tên là Hoan-Thư.
Duyên đằng thuận nẻo gió đưa,
Cùng chàng kết tóc, xe tơ những ngày.

---

(1) Kiều thật là một người khôn ngoan biết lo xa.

(2) Rừng phong là rừng bàng, hễ đến cuối thu thì lá úa hết.

(3) Bụi bay lấm cả yên ngựa của khách đi đường.

(4) Câu này ý nói ở nhà đã có vợ cả.

Ở ăn thì nết cũng hay,
Nói điều giàng buộc thì tay cũng già! (1)
Từ nghe vườn mới thêm hoa,
Miệng người đã lắm, tin nhà thì không.
Lửa tâm càng giập càng nồng, (2)
Giận người đen bạc, ra lòng giăng hoa!
Ví bằng thú thật cùng ta,
Cũng dong kẻ dưới, mấy là lượng trên.
Dại chi chẳng giữ lấy nền,
Tốt chi mà rước tiếng ghen vào mình?
Lại còn bưng bít giấu quanh,
Làm chi những thói trẻ ranh nực cười!
Tính rằng cách mặt khuất nhời,
Giấu ta, ta cũng liệu bài giấu cho!
Lo gì việc ấy mà lo!
Kiến trong miệng chén có bò đi đâu?
Làm cho nhìn chẳng được nhau!
Làm cho đầy đọa cất đầu chẳng lên!
Làm cho trông thấy nhãn tiền,
Cho người thăm ván bán thuyền biết tay! (3)
Nỗi lòng kín chẳng ai hay,
Ngoài tai để mặc gió bay mái ngoài.

---

(1) Là người đáo để.

(2) Lúc máu ghen đã uất lên thì dù có cố nén xuống cũng không được.

(3) Thăm ván bán thuyền là ý nói có mới nới cũ.

Tuần sau bỗng thấy hai người,
Mách tin, ý cũng liệu bài tân công.
Tiểu-thư nổi giận đùng đùng:
Gớm tay thêu dệt ra lòng trêu ngươi!
Chồng tao nào phải như ai?
Điều này hẳn miệng những người thị phi!
Vội vàng làm rữ ra uy,
Đứa thì vả miệng, đứa thì bẻ răng.
Trong ngoài kín mít như bưng,
Nào ai còn dám nói năng một nhời!
Buồng đào khuya sớm thảnh thơi,
Ra vào một mực, nói cười như không. (1)
Đêm ngày lòng những giận lòng,
Sinh đà về đến lầu hồng xuống yên.
Nhời tan hợp, nỗi hàn-huyên.
Chữ tình càng mặn, chữ duyên càng nồng.
Tẩy trần (2) vui chén thong dong,
Nỗi lòng ai ở trong lòng mà ra?
Chàng về xem ý tứ nhà,
Sự mình cũng rắp lân la giãi bày.
Mấy phen cười nói tỉnh say,
Tóc tơ bất động mảy may sự tình.

---

(1) Xem đoạn này thi biết Hoạn-Thư thật là một người khôn khéo đến mực.

(2) Tẩy trần là tiệc giũ bụi (tiệc vui). Tục bên Tầu hễ người nhà đi xa mới về thì đặt tiệc rượu mừng gọi là tẩy trần.

Nghĩ đà bưng kín miệng bình, (1)
Nào ai có khảo mà mình lại xưng? (2)
Những là e ấp dùng dằng,
Rút giây, sợ nữa động rừng, lại thôi!
Có khi vui truyện mua cười,
Tiểu-thư lại giở những nhời đâu đâu.
Rằng: Trong ngọc đá vàng thau,
Mười phần ta đã tin nhau cả mười.
Khen cho những miệng dông dài,
Bướm ong lại đặt những nhời nọ kia!
Thiếp dù vụng chẳng hay suy,
Đã dơ bụng nghĩ, lại bia miệng cười!
Thấy nhời thủng thỉnh như chơi,
Thuận nhời chàng cũng nói xuôi đỡ đòn.
Những là cười phấn, cợt son,
Đèn khuya chung bóng, giăng tròn sánh vai.
Thú quê thuần hức (3) bén mùi,
Giếng vàng đã rụng một vài lá ngô. (4)

(1-2) Thúc-Sinh nghĩ việc mình chắc đã kín đáo như bỏ vào lọ thì việc gì tự nhiên phải xưng ra.

(3) Thuần là rau rút, hức là cá mè. Tích này về đời nhà Tấn, ông Trương-Hàn đi làm quan xa, nhân thấy gió thu thì nghĩ ngay đến thú canh rau rút cá mè nhà quê.

(4) Ở thơ Tịch-nữ có câu rằng: Kim tỉnh ngô đồng từ cố-tri. Nghĩa là: Lá ngô-đồng rụng trên giếng vàng từ bạn cũ. (Ý nói mùa thu).

Trạnh niềm nhớ cảnh giang hồ,
Một mầu quan tái, mấy mùa gió giăng.
Tình riêng chưa dám rỉ răng,
Tiểu-thư trước đã liệu chừng nhủ qua :
Cách năm mây bạc xa xa, (1)
Lâm-tri cũng phải tính mà thần hôn, (2)
Được nhời như cỗi tấc son,
Vó câu thẳng ruổi nước non quê người.
Long lanh đáy nước in giời,
Thành xây khói biếc non phơi bóng vàng. (3)
Vó câu vừa gióng dặm trường,
Xe hương (4), nàng cũng thuận đường qui [ninh (5).
Thưa nhà huyên hết mọi tình,
Nỗi chàng ở bạc, nỗi mình chịu đen.
Nghĩ rằng: ngứa ghẻ hờn ghen,
Xấu chàng mà có ai khen chi mình!
Vậy nên ngảnh mặt làm thinh,
Mưu cao vốn đã rắp ranh những ngày.
Lâm-tri đường bộ tháng chầy,
Mà đường hải đạo sang ngay thì gần.

---

(1) Mây bạc là xa cách cha. Câu này cũng như câu mây hàng đã thích ở trên.

(2) Thần hôn định tỉnh là sớm tối thăm viếng, thờ cha mẹ.

(3) Là giữa mùa thu.

(4) Xe hương là xe đàn bà đi.

(5) Qui ninh là con gái về thăm cha mẹ.

Giọn thuyền, lựa mặt gia-nhân,
Hãy đem giây tói (1) buộc chân nàng về.
Làm cho, cho mệt cho mê,
Làm cho đau đớn ê-chề cho coi!
Trước cho bõ ghét những người,
Sau cho để một trò cười về sau!
Phu-nhân (2) khen chước rất mầu,
Chiều con mới dạy mặc dầu ra tay.
Sửa sang buồm gió lèo mây,
Khuyển, Ưng, (3) lại lựa một bầy côn-
Dặn-dò hết các mọi đường, [quang. (4)
Thuận phong một lá vượt sang biển tề.
Nàng từ chiếc bóng song the, (5)
Đường kia nỗi nọ nhưr chia mối sầu.
Bóng giâu đã xế ngang đầu, (6)
Biết đâu ấm lạnh, biết đâu ngọt bùi?
Tóc thề đã chấm ngang vai,
Nào nhời non nước, nào nhời sắt son?

---

(1) Giây tói là giây lòi-tói (giây xích).

(2) Phu-nhân là tên xưng hô của các bà quan nhất nhị phẩm.

(3) Khuyển, Ưng là hai đứa đầy tớ của Hoạn-Thư.

(4) Côn quang là những phường hoang-toàng dầu trộm đuôi cướp.

(5) Từ lúc cách biệt Thúc-Sinh.

(6) Nghĩa là đã gần hết mùa thu.

Sắn-bìm (1) chút phận con con,
Nhân duyên biết có vuông tròn cho chăng?
Thân sao lắm nỗi bất bằng?
Liều như cung Quảng (2) ả Hằng (3) nghĩ
Đêm thu gió lọt song đào, [nao!
Nửa vành giăng khuyết ba sao giữa giời. (4)
Nén hương đến trước Phật-đài,
Nỗi lòng khấn chửa rứt nhời vân vân.
Dưới hoa dạy lũ ác-nhân,
Ầm ầm khốc quỉ, kinh thần mọc ra!
Đầy sân gươm tuốt sáng lòa,
Thất kinh nàng chửa biết là làm sao?
Thuốc mê đâu đã tưới vào,
Mơ màng như giấc chiêm bao biết gì!
Vực ngay lên ngựa tức thì,
Phòng đào, viện sách, bốn bề lửa dong.
Sẵn thây vô chủ bên sông,
Đem vào để đánh lộn sòng (5), ai hay?
Tôi đòi phách lạc hồn bay,
Xông pha bụi cỏ, gốc cây ẩn mình.

---

(1) Sắn-bìm là giây sắn, giây bìm-bìm. (Phận lẽ mọn).

(2) Cung Quảng là cung Quảng-hàn trên mặt giăng.

(3) Ả Hằng là Hằng-nga ở trên mặt giăng.

(4) Tam tinh tại thiên (ba sao ở giữa giời) (chữ ở Kinh-thi).

(5) Đánh lộn sòng là đánh lận, đánh tráo cái gì không cho người ta biết.

Thúc-ông nhà cũng gần quanh,
Chợt trông ngọn lửa thất-kinh rụng-rời.
Tớ thầy chạy thẳng đến nơi,
Tơi-bời tưới lửa tìm người lao-xao.
Gió cao ngọn lửa càng cao,
Tôi đòi tìm đủ nàng nào thấy đâu!
Hớt-hơ hớt-hải nhìn nhau,
Giếng sâu bụi rậm trước sau tìm quàng.
Chạy vào chốn cũ phòng hương,
Trong gio thấy một đống xương cháy tàn.
Ngay tình ai biết mưu gian,
Hẳn nàng, thôi lại có bàn rằng ai! (1)
Thúc-ông xùi xụt ngắn dài,
Nghĩ con vắng vẻ, thương người nết nai!
Di-hài (2) nhặt lấy về nhà,
Nào là khâm-liệm, nào là tang-trai.
Lễ thường đã vẹn một hai,
Lục-trình chàng cũng đến nơi bấy giờ. (3)
Bước vào chốn cũ lầu thơ,
Gio than một đống nắng mưa bốn tường.

---

(1) Lúc chữa cháy xong lại thấy một đống xương ở đấy thì cho là Kiều đã bị hại rồi chứ có biết đâu là mưu gian chước quỉ.

(2) Di-hài là những xương còn sót lại.

(3) Lục-trình là đi đường bộ. (Thúc-Sinh về thăm quê nhà cũng vừa giờ lại lúc bấy giờ).

Sang nhà cha, tới trung-đường,
Lình-sàng bài vị thờ nàng ở trên.
Hỡi ôi! nói hết sự duyên,
Tơ tình đứt ruột, lửa phiền cháy gan!
Gieo mình vật vã khóc than:
Con người thế ấy, thác oan thế này!
Chắc rằng mai trúc lại vầy,
Ai hay vĩnh-quyết là ngày đưa nhau! (1)
Thương càng nghĩ, nghĩ càng đau,
Dễ ai lấp thảm, quạt sầu cho khuây!
Gần miền nghe có một thầy,
Phi phù trí quỉ, cao tay thông huyền. (2)
Trên tam đảo (3), dưới cửu tuyền, (4)
Tìm đâu thì cũng biết tin rõ ràng.
Sắm sanh lễ vật rước sang,
Xin tìm cho thấy mặt nàng hỏi han.
Đạo-nhân (5) phục trước tĩnh đàn, (6)
Xuất thần giây phút chưa tàn nén hương.

---

(1) Thúc-Sinh than rằng: Ai ngờ ngày hôm tiễn biệt nhau để về thăm quê nhà là ngày sau hết.

(2) Là thầy phù thủy.

(3) Tam đảo là ba núi: Bồng-lai, Phương-trượng và Doanh-châu ở trên cõi tiên.

(4) Cửu-tuyền là chín suối ở dưới âm-phủ.

(5) Đạo-nhân là thầy phù-thủy.

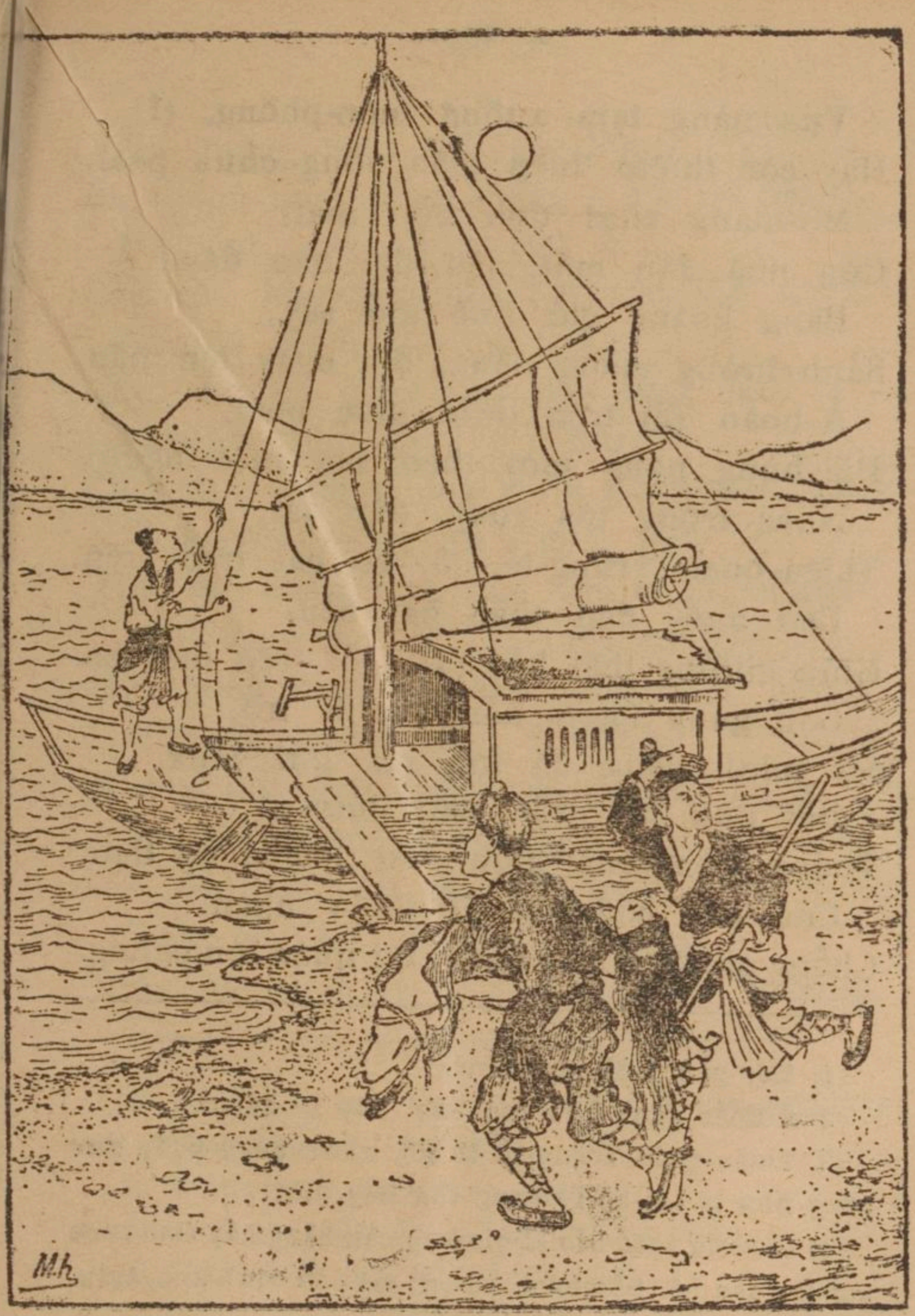
(6) Tĩnh đàn là bàn thờ.

Giở về minh bạch nói tường,
Mặt nàng chẳng thấy, việc nàng đã tra.
Người này nặng kiếp oan gia, (1)
Còn nhiều nợ lắm sao đà thác cho.
Mệnh-cung (2) đang mắc nạn to,
Một năm nữa, mấy thăm dò được tin.
Hai bên giáp mặt nhiều phen,
Muốn nhìn mà chẳng dám nhìn lạ thay!
Nghe nhời nói, lạ dường này,
Sự nàng đã thế nhời thầy dám tin.
Chẳng qua đồng cốt quàng then!
Người đâu mà lại thấy trên cõi trần?
Tiếc hoa, những ngậm ngùi xuân,
Thân này dễ lại mấy lần gặp tiên.
Hoa trôi nước chảy đã yên,
Hay đâu địa-ngục là miền nhân-gian!
Khuyển, Ưng đã đắt mưu gian,
Vực nàng đưa xuống để an dưới thuyền.
Buồm cao lèo thẳng cánh suyền,
Đè chừng huyện Tích băng miền vượt sang.
Giã đò lên trước sảnh-đường,
Khuyển, Ưng hai đứa nộp nàng dâng công.

---

(1) Là số còn phải chịu nhiều sự cực-khổ, đắng cay.

(2) Mệnh-cung là mười hai cung mệnh người ta. Trong số tử-vi có nói: hễ mệnh-cung mà gặp sao Bột chiếu lâm thì có nạn.



Khuyến, Ưng đã dật mưu gian,
Vực nàng đưa xuống để an dưới thuyền. (Trang 93-94

Vực nàng tạm xuống môn-phòng, (1)
Hãy còn thiêm thiếp giấc nồng chưa phai.
Mơ-màng chợt tỉnh hồn mai,
Cửa nhà đâu mất, lâu đài nào đây?
Bàng hoàng giờ tỉnh giờ say,
Sảnh-đường mảng tiếng, đòi ngay lên hầu.
Ả-hoàn (2) trên dưới giục mau,
Hãi-hùng nàng mới theo sau một người.
Nhác trông tòa rộng, dẫy dài,
Thiên-quan Trủng-tể, (3) có bài treo trên.
Ban ngày đèn thắp hai bên,
Giữa giường thất bảo (4) ngồi trên một bà.
Gạn gùng ngọn hỏi, ngành tra,
Sự mình nàng đã lựa mà gửi thưa
Bất tình nổi trận mây mưa:
Tưởng gì những giống bơ thờ quen thân
Con này chẳng phải thiện nhân,
Chẳng phường trốn chúa, thì quân lộn chồng.

---

(1) Môn-phòng là nhà dưới.

(2) Ả-Hoàn cũng như con hầu (đầy tớ gái).

(3) Thiên-quan Trủng-tể là một chức quan ngày xưa cũng như là Lại-bộ Thượng-thư bây giờ.

(4) Giường thất bảo là giường cẩn bằng bảy thứ ngọc quí là: san-hô, hổ-phách, xà-cừ, mã-não, sinh-kim, trân-châu và vân-mẫu

Ra tuồng mèo mả gà đồng, (1)
Ra tuồng lúng túng chẳng xong bề nào!
Đã đem mình bán cửa tao,
Lại còn khủng-khỉnh làm cao thế này!
Nào là gia pháp nọ bay!
Hãy cho ba chục biết tay một lần!
Ả-hoàn trên dưới gia ran,
Dẫu rằng trăm miệng khôn phân nhẽ nào!
Trúc-côn (2) ra sức đập vào,
Thịt nào chẳng nát, gan nào chẳng kinh!
Xót thay đào lý (3) một cành,
Một phen mưa gió tan tành một phen!
Hoa-nô, truyền dạy đổi tên,
Buồng the dạy khép vào phiên thị-tì.
Ra vào theo lũ thanh-y, (4)
Dãi dầu tóc rối da chì, quản bao!
Quản-gia (5) có một mụ nào,
Thấy người, thấy nết, ra vào mà thương.

---

(1) Mèo mả là mèo hoang, gà đồng là con ếch, là ý nói những phường lăng-nhăng.

(2) Trúc-côn là roi tre.

(3) Là ý nói thân phận đàn bà yếu đuối.

(4) Thanh-y là đầy tớ mặc áo xanh.

(5) Quản-gia là người coi sóc tin cẩn, đứng đầu những con-ăn đầy-tớ ở trong nhà.

Khi chè chén, khi thuốc thang,
Đem nhời phương-tiện (1) mở đường hiếu-
Dạy rằng: May rủi đã đành, [sinh. (2)
Liễu-bồ mình giữ lấy mình cho hay.
Cũng là oan-nghiệp chi đây,
Sa cơ mới đến thế này chẳng dưng.
Ở đây tai vách, mạch rừng, (3)
Thấy ai người cũ cũng đừng nhìn chi.
Kẻo khi sóng gió bất kì,
Con ong, cái kiến, kêu gì được oan!
Nàng càng giọt ngọc chứa chan,
Nỗi lòng luống những bàn hoàn niềm tây.
Phong-trần kiếp đã chịu đầy,
Lầm than (4) lại có thứ này bằng hai!
Làm sao bạc chẳng vừa thôi,
Khăng khăng buộc mãi lấy người hồng nhan!
Đã đành túc-trái tiền-oan,
Cũng liều ngọc nát, hoa tàn, mà chi!

---

(1) Nhời phương-tiện là nhời yên-ủi cho đỡ sầu.

(2) Mở đường hiếu-sinh là can-gián đừng nên phiền não quá kẻo nhỡ ra cách nào thì thiệt mình.

(3) Nghĩa là vách có tai, rừng có mạch. Nhà quê thường dùng tre nứa đan thành phên rồi trát đất hai mặt để chắn nhà cho kín, gọi là bức vách; những chỗ khe giáp nhau là mạch. (Tục-ngữ: Bích trung hữu nhĩ,

(4) Lam than là cực khổ.

Những là nương náu qua thì,
Tiểu-thư phải buổi mới về ninh gia. (1)
Mẹ con trò truyện lân la,
Phu-nhân mới gọi nàng ra dạy nhời.
Tiểu-thư dưới trướng thiếu người,
Cho về bên ấy, theo đòi lầu trang.
Lĩnh nhời nàng mới theo sang,
Biết đâu địa-ngục, thiên-đường là đâu!
Sớm khuya khăn mặt, lược dầu,
Phận con hầu, giữ con hầu dám sai
Có khi êm ả chiều giời,
Trúc tơ, hỏi đến nghề chơi mọi ngày.
Lĩnh nhời, nàng mới lựa giây,
Nỉ non, thánh thót dễ say lòng người!
Tiểu-thư xem cũng thương tài,
Khuôn uy dường cũng bớt vài bốn phân.
Cửa người đầy đọa chút thân,
Sớm năn-nỉ bóng đêm ân-hận lòng.
Lâm-tri chút nghĩa đèo bòng,
Nước, bèo (2) để chữ tương-phùng kiếp sau!

---

(1) Ninh gia là về thăm nhà.

(2) Câu này là khi Kiều nghĩ đến Thúc-Sinh thì ví như nước với bèo, khó lòng mà gặp nhau được, vì một đàng thì chảy đi luôn, một đàng thì cứ nổi lênh đênh một chỗ.

Bốn phương mây trắng một mầu,
Trông vời cố-quốc, biết đâu là nhà?
Lần lần, tháng trọn, ngày qua,
Nỗi gần nào biết đường xa thế này?
Lâm-tri từ thủa uyên bay, (1)
Buồng không, thương kẻ tháng ngày chiếc [thân.
Mày ai giăng mới in ngần, (2)
Phấn thừa, hương cũ, bội phần xót xa.
Sen tàn, cúc lại nở hoa. (3)
Sầu dài, ngày ngắn, đông đà sang xuân.
Tìm đâu cho thấy cố-nhân?
Lấy câu vận-mệnh, khuây dần nhớ thương.
Chạnh niềm nhớ cảnh gia-hương,
Nhớ quê, chàng lại tìm đường thăm quê.
Tiểu-thư đón cửa giã giề, (4)
Hàn-huyên vừa cạn mọi bề gần xa.
Nhà hương (5) cao cuốn bức là,
Buồng trong, truyền gọi nàng ra lạy mừng.

---

(1) Chim uyên và chim ương đi đâu cũng có đôi, không hề lìa nhau bao giờ. Ý nói là hai người phải phân rẽ nhau.

(2) Là giăng mọc về quãng đầu tháng thì giống như lông mày. Thúc-Sinh trông thấy giăng thì động lòng nhớ ngay đến Kiều

(3) Sen tàn là qua mùa hạ, cúc lại nở hoa là bắt đầu sang mùa thu.

(4) Giã giề là tay bắt mặt mừng.

(5) Nhà hương tức là mẹ Hoạn-thư

Bước ra một bước một giừng,
Trông xa nàng đã tỏ chừng nẻo xa
Phải rằng nắng quáng đèn lòa, (1)
Rõ ràng ngồi đó chẳng là Thúc-Sinh?
Bây giờ tình mới rõ tình,
Thôi thôi đã mắc vào vành chẳng sai.
Chước đâu có chước lạ đời!
Người đâu mà lại có người tinh ma!
Rõ ràng thật lứa đôi ta,
Làm ra con ở chúa nhà đôi nơi!
Bề ngoài thơn thớt nói cười,
Mà trong nham hiểm giết người không dao!
Bây giờ đất thấp, giời cao!
Ăn làm sao, nói làm sao bây giờ?
Càng trông mặt, càng ngẩn ngơ,
Ruột tầm đòi đoạn như tơ rối bời.
Sợ uy, dám chẳng vâng nhời,
Cúi đầu nép xuống sân mai một chiều.
Sinh đà phách lạc hồn xiêu,
Thương ôi! chẳng phải nàng Kiều ở đây!
Nhân làm sao đến thế này?
Thôi thôi ta đã mắc tay ai rồi!
Sợ quen, dám hở ra nhời,
Khôn ngăn giọt ngọc, xụt xùi rỏ sa.

---

(1) Nắng quáng đèn lòa là ví như người đau mắt, hễ trông thấy ánh sáng mặt giời hay ngọn đèn thì hình như có ý thọn thò mà không trông kỹ được.

Tiểu-Thư trông mặt hỏi tra:
Mới về có việc chi mà động dong? (1)
Sinh rằng: Hiếu phục vừa xong,
Suy lòng trắc-rĩ (2), đau lòng chung-thiên. (3)
Khen rằng: Hiếu tử đã nên!
Tẩy trần (4), mượn chén giải phiền đêm thu.
Vợ chồng chén tạc chén thù, (5)
Bắt nàng đứng chực trì hồ (6) đôi nơi.
Bắt khoan, bắt nhặt đến điều,
Bắt quì tận mặt, bắt mời tận tay.
Sinh càng như dại, như ngây,
Giọt dài, giọt ngắn, chén đầy, chén vơi.
Ngảnh đi, chợt nói, chợt cười,
Cáo say, chàng đã tính bài lảng ra.
Tiểu-Thư vội thét con Hoa! (7)
Khuyên chàng chẳng cạn thì ta có đòn!

---

(1) Động dong là âu sầu buồn bực.

(2) Ở Kinh-thi có câu rằng: « Trắc bỉ rĩ hề, chiêm vọng mẫu hề ». Nghĩa là lên núi Rĩ kia để trông mẹ. (Mẹ mới chết).

(3) Chung-thiên nghĩa là suốt đời.

(4) Chữ tẩy trần đã thích ở câu: Tẩy trần vui chén thong dong, về đoạn trên.

(5) Nghĩa là người mời đi, kẻ giả lại luân chuyển nhau.

(6) Trì hồ là cầm be rót rượu.

(7) Con Hoa tức là Hoa-nô là tên thứ hai của Thúy-Kiều mà bà mẹ Hoạn-Thư mới đặt cho.

Sinh càng nát ruột tan hồn,
Chén mời phải ngậm bồ-hòn ráo ngay. (1)
Tiểu-Thư cười nói, tỉnh say,
Chửa xong cuộc rượu, đã bày trò chơi.
Rằng: Hoa-nô đủ mọi tài,
Bản đàn thử giạo một bài chàng nghe!
Nàng đà choáng váng tê mê,
Vâng nhời, ra trước bình the vặn đàn.
Bốn giây như khóc, như than,
Khiến người trên tiệc cũng tan nát lòng!
Cùng trong một tiếng tơ đồng,
Người ngoài cười nụ, người trong khóc thầm! (2)
Giọt châu lã chã khôn cầm,
Cúi đầu chàng những gạt thầm giọt tương.
Tiểu-Thư quay lại thét nàng:
Cuộc vui, gẩy khúc đoạn-tràng ấy chi?
Sao chẳng biết ý tứ gì?
Cho chàng buồn bã, tội thì tại ngươi!
Sinh càng thảm thiết bồi hồi,
Vội vàng gượng nói, gượng cười cho qua.

---

(1) Nghĩa là cay đắng như quả bồ-hòn cũng phải cố nén tâm mà nuốt đi cho yên việc.

(2) Người ngoài là Hoạn-Thư, người trong là Thúc-Sinh.

Giọt đồng (1) canh đã điểm ba,
Tiểu-Thư nhìn mặt, dường đà cam tâm.
Lòng riêng tấp tểnh mừng thầm,
Vui này đã bõ đau ngầm xưa nay! (2)

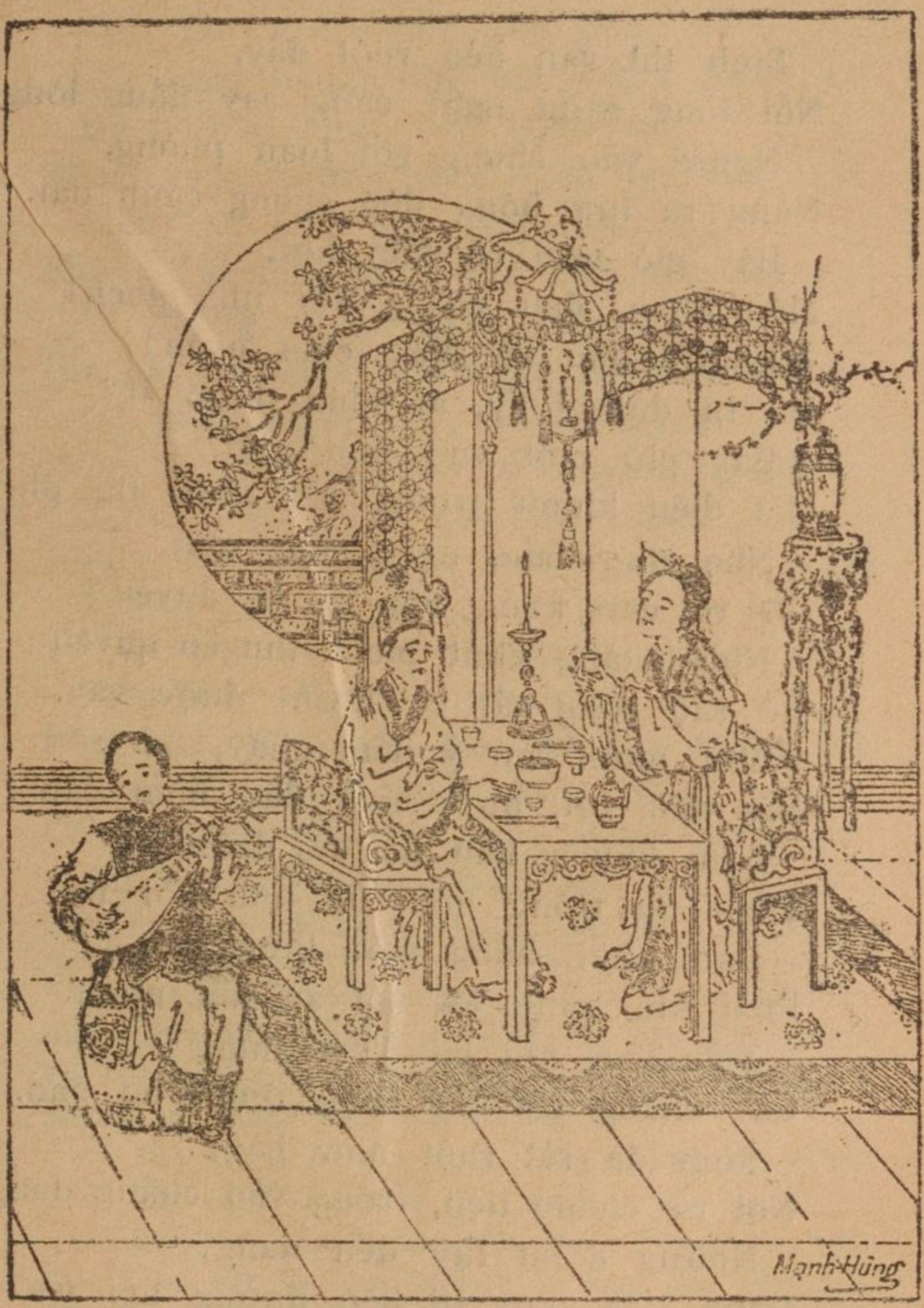
(1 Đời Hậu Hán người Ấn-Quỷ chế ra cái đồng bồ hình con rồng để đựng nước cho rỏ từng giọt, gọi là giọt đồng, để chia ra làm 12 giờ là:

1. — Giờ tý, đối với thời bây giờ thì là từ 11 giờ đêm đến 1 giờ sáng.
2. — Giờ sửu từ 1 giờ đến 3 giờ.
3 — Giờ dần từ 3 giờ đến 5 giờ.
4. — Giờ mão từ 5 giờ đến 7 giờ.
5. — Giờ thìn từ 7 giờ đến 9 giờ.
6. — Giờ tỵ từ 9 giờ đến 11 giờ.
7. — Giờ ngọ từ 11 giờ sáng đến 1 giờ chiều
8. — Giờ mùi từ 1 giờ đến 3 giờ.
9. — Giờ thân từ 3 giờ đến 5 giờ.
10. — Giờ dậu từ 5 giờ đến 7 giờ.
11. — Giờ tuất từ 7 giờ đến 9 giờ.
12. — Giờ hợi từ 9 giờ đến 11 giờ đêm.

Một giờ ngày xưa là 2 giờ đồng hồ bây giờ.

(2 Đọc đến đoạn này thì nghĩ mà căm tức Hoạn-Thư mà lại ái ngại thay cho nàng Kiều. Ả Hoạn ngược đãi Kiều như thế thì thật là quá ư dã-man.

Ở trước mặt chồng mà ngang-nhiên bành-hạ người ta một cách quá đáng như thế chẳng thỏa cái ghen của mình mà để khổ tâm cho chồng, thì tội ấy để đâu cho hết. Hoạn-Thư đã là một người khôn-ngoan; nhưng tiếc thay, lại không có cái lòng từ-thiện thì cái khôn ngoan ấy cũng là vất đi vậy



Cùng trong một tiếng tơ đồng,

Người ngoài cười nụ, người trong khóc thầm.

(Xem trang 102-103)

Sinh thì gan héo ruột đầy,
Nỗi lòng càng nghĩ càng cay đắng lòng.
Người vào chung gối loan phòng,
Nàng ra tựa bóng đèn chong canh dài.
Bây giờ mới rõ tăm hơi,
Máu ghen, đâu có lạ đời nhà ghen!
Chước đâu rẽ thúy chia uyên!
Đã ra dường ấy, ai nhìn được ai?
Bây giờ một vực một giời,
Hết điều khinh trọng, hết nhời thị phi!
Nhẹ như bấc, nặng như chì,
Gỡ ra cho khỏi, còn gì là duyên?
Nhỡ nhàng chút phận thuyền-quyên,
Bể sâu sóng cả, có tuyền được vay.
Một mình âm ỷ đêm chầy,
Đĩa dầu vơi, nước mắt đầy năm canh.
Sớm khuya hầu hạ đài doanh,
Tiểu-Thư trông mặt, đè tình hỏi tra.
Lựa nhời, nàng mới thưa qua,
Phải khi mình lại xót xa nỗi mình.
Tiểu-Thư hỏi lại Thúc-Sinh,
Cậy chàng tra lấy thực tình cho nao.
Sinh đà rát ruột như bào,
Nói ra chẳng tiện, trông vào chẳng đang!
Những e lại lụy đến nàng,
Đánh liều mới sẽ liệu đường hỏi tra.

Cúi đầu quì trước sân hoa,
Thân cung nàng mới dâng qua một tờ.
Diện tiền trình với Tiểu-Thư,
Thoát xem, dường cũng ngẩn ngơ chút tình.
Liền tay trao lại Thúc-Sinh,
Rằng: Tài nên trọng, mà tình nên thương!
Ví chăng có số giầu sang,
Giá này dẫu đúc nhà vàng (1) cũng nên!
Bể trần, chìm nổi thuyền-quyên,
Hữu tài, thương nỗi vô duyên lạ đời!
Sinh rằng: Thật có như nhời,
Hồng-nhan bạc-mệnh, một người nào vay!
Nghìn xưa âu cũng thế này,
Từ bi âu liệu bớt tay mới vừa!
Tiểu-Thư rằng: Ý trong tờ,
Rắp đem mệnh bạc, xin nhờ cửa không. (2)
Thôi thì thôi cũng chiều lòng,
Cũng cho khỏi lụy trong vòng bước ra.
Sẵn Quan-âm-các vườn ta,
Có cây trăm thước (3), có hoa bốn mùa. (4)

---

(1) Vua Hán Vũ-đế khi còn bé ước ao hễ lấy được Đậu-A-Kiều thì làm nhà vàng cho ở. Đến khi lên làm vua thì quả lấy được nàng thật, và làm nhà vàng cho ở, nên có câu rằng: Kim ốc trữ Kiều.

(2) Cửa không là cửa Phật (Kiều ngỏ ý muốn đi tu).

(3) Cây trăm thước là khói hương bốc lên.

(4) Hoa bốn mùa là hoa đèn. Ngày xưa ta hay thắp đèn bằng dầu ta thường hay có hoa, cho nên gọi là hoa đèn.

Có cổ-thụ, có san-hồ,
Cho nàng ra đó, giữ chùa tụng kinh.
Tàng tàng giời mới bình minh,
Hương-hoa ngũ cúng, sắm sanh lễ thường.
Đưa nàng đến trước Phật-đường,
Tam-qui (1), ngũ-giới (2) cho nàng xuất gia.
Áo xanh đổi lấy cà-sa,
Pháp-danh lại đổi tên ra Trạc-tuyền. (3)
Sớm khuya tinh đủ dầu đèn,
Xuân, Thu (4) cắt sẵn hai tên hương trà.
Nàng từ lánh gót vườn hoa,
Dường gần rừng tía, đường xa bụi hồng.
Nhân-duyên đâu lại còn mong?
Khỏi điều thẹn phấn, tủi hồng thì thôi.
Phật tiền thảm lấp sầu vùi,
Ngày pho thủ-tự, đêm nhồi tâm-hương. (5)
Cho hay giọt nước cành dương,
Lửa lòng tưới tắt mọi đường trần-duyên.
Nâu sồng từ giở mầu thuyền,
Sân thu giăng đã vài phen đứng đầu.

---

(1) Tam qui: « Qui phật, qui pháp, qui tăng, » nghĩa là theo phật, pháp, tăng.

(2 Ngũ giới: « Giới dâm, giới tửu, giới vọng, giới đạo, giới sát », nghĩa là răn điều dâm bôn, rượu chè, nói càn, ăn trộm, sát sinh.

(3) Trạc-tuyền lã tên thứ ba của Thúy-Kiều mà Thúc-Sinh đã theo ý Hoạn-Thư đặt cho nàng.

(4) Là tên hai con hầu Xuân-hoa, Thu-nguyệt.

(5) Thủ-tự là tay viết ra, tâm hương là thành tâm cầu phật.

Cửa thuyền then nhặt lưới mau,
Nói cười trước mặt, rơi châu vắng người. (1)
Gác kinh, viện sách đôi nơi,
Trong gang tấc lại gấp mười quan-san. (2)
Những là ngậm thở, ngùi than,
Tiểu-Thư phải buổi vấn-an về nhà.
Thừa cơ, Sinh mới lẻn ra,
Xăm xăm đến mé vườn hoa với nàng.
Xụt xùi kể nỗi đoạn-tràng,
Giọt châu tầm tã, đượm tràng áo xanh.
Đã cam chịu bạc với tình,
Chúa xuân để tội một mình cho hoa!
Thấp cơ thua trí đàn bà,
Trông vào đau ruột, nói ra ngại nhời!
Vì ta nên lụy đến người,
Cát lầm ngọc trắng, thiệt đời xuân xanh!
Quản chi lên thác xuống ghềnh,
Cũng toan sống thác với tình cho xong!
Tông-đường chút chửa cam lòng,
Cắn răng bẻ một chữ đồng làm hai!
Thịn minh đá nát vàng phai!
Trăm thân dễ chuộc một nhời được sao?

---

(1) Là vui gượng.

(2) Nghĩa là hai người (Kiều với Thúc-Sinh) tuy rằng ở gần kề nhau, nhưng tưởng chừng như cách xa mấy lần núi non.

Nàng rằng: Chiếc bách (1) sóng đào,
Nổi chìm cũng mặc lúc nào rủi may!
Chút thân quẳn quẹo vũng lầy,
Sống thừa còn tưởng đến rầy nữa sao?
Cũng liều một hạt mưa rào,
Mà cho thiên-hạ trông vào cũng hay!
Xót vì cầm đã bén giây,
Chẳng trăm năm cũng một ngày duyên ta!
Liệu bài mở cửa cho ra,
Ấy là tình nặng, ấy là ơn sâu!
Sinh rằng: Riêng tưởng bấy lâu,
Lòng người nham hiểm biết đâu mà lường,
Sợ khi giông tố (2) phũ phàng,
Thiệt riêng đấy, cũng lại càng cực đây!
Liệu mà xa chạy cao bay, (3)
Ái ân ta có ngần này mà thôi!

---

(1) Chiếc bách sóng đào là chiếc thuyền gỗ bách lênh đênh giữa bể. (Ý nói là mình bây giờ bơ vơ không người nương tựa).

(2) Giông tố là cơn giông, cơn gió.

(3) Kiều những ngong ngóng chờ đợi Thúc-Sinh, đến lúc được giáp mặt nhau, thì tưởng thế nào chàng cũng bày mưu kế gì để cứu vớt mình cho khỏi cái cơn cực khổ này. Ai ngờ chàng đã chẳng nghĩ gì tới việc ấy, mà chỉ tặng cho được một câu sau cùng là: « Liệu mà xa chạy cao bay » thì đã đáng chán chưa. Thôi thế là tuyệt hi vọng. Xem đó thì đủ biết cái chung tình của Thúc-Sinh hãy còn kém Kim-Trọng nhiều lắm.

Bây giờ kẻ ngược người xuôi,
Biết bao giờ lại nối nhời nước non?
Dẫu rằng sông cạn đá mòn,
Con tằm đến thác hãy còn vương tơ.
Cùng nhau kể lể sau xưa,
Nói rồi lại nói, nhời chưa hết nhời.
Mặt trông tay chẳng nỡ rời,
Hoa-tì (1) đã động tiếng người nẻo xa.
Ngập ngừng nuốt tủi lảng ra,
Tiểu-Thư đâu đã rẽ hoa bước vào.
Cười cười nói nói ngọt ngào,
Hỏi chàng mới ở chốn nào lại chơi?
Dối quanh Sinh mới liệu nhời,
Tìm hoa quá bước xem người viết kinh.
Khen rằng: Bút pháp đã tinh,
So vào mấy thiếp Lan-đình (2) nào thua!
Tiếc thay lưu lạc giang hồ,
Nghìn vàng thật cũng nên mua lấy tài!
Thuyền-trà (3) cạn nước hồng-mai,
Thong-dong nối gót thư-trai (4) cùng về.

---

(1) Hoa-tì là đầy tớ gái.

(2) Thiếp Lan-đình là thiếp của ngươi Vương-hi-Chi về đời nhà Tấn chữ viết tốt nhất thời bấy giờ.

(3) Thuyền-trà là một thứ nước nấu bằng vỏ cây mai mà nhà chùa thường dùng.

(4) Thư trai là thư phòng,

Nàng càng e-lệ ủ-ê, (1)
Rỉ tai hỏi lại hoa-ti trước sau.
Hoa rằng: Bà đến đã lâu,
Giừng chân đứng nấp độ đâu nửa giờ.
Rành rành kẽ tóc chân tơ,
Mấy nhời nghe hết đã dư tỏ tường.
Bao nhiêu đoạn khổ, tình thương,
Nỗi ông vật vã, nỗi nàng thở than.
Ngăn tôi đứng lại một bên,
Chán tai rồi mới bước lên trên lầu.
Nghe thôi kinh hãi xiết đâu:
Đàn-bà thế ấy, thấy âu một người!
Ấy mới gan, ấy mới tài,
Nghĩ càng thêm nỗi sởn gai, rụng rời!
Người đâu sâu sắc nước đời,
Mà chàng Thúc phải ra người bó tay!
Thực tang bắt được dường này,
Máu ghen ai cũng chau mày nghiến răng.
Thế mà im chẳng đãi đằng,
Chào mời vui vẻ, nói năng dịu dàng!
Giận dầu ra dạ thế thường,
Cười này mới thực khôn lường hiểm sâu. (2)

---

(1) Kiều lúc bấy giờ thật là hú vía.

(2) Những người tuy ở trong bụng tức đến chết đi được mà ngoài mặt vẫn tươi cười như thế mấy khó độ la được. Thật là thâm hiểm.



Thực tang bất được dường này,
Máu ghen ai cũng chau mày nghiến răng, (Trang 111-112)

Thân ta, ta phải lo âu,
Miệng hùm, nọc rắn (1) ở đâu chốn này!
Ví chăng chắp cánh cao bay,
Rào cây lâu cũng có ngày bẻ hoa!
Phận bèo bao quản nước xa,
Lênh-đênh đâu nữa cũng là lênh đênh! (2)
Chỉn e quê khách một mình,
Tay không chưa dễ tìm vành ấm no!
Nghĩ đi nghĩ lại quanh co,
Phật-tiền sẵn có mọi đồ kim-ngân.
Bên mình giắt để độ thân,
Lặng nghe canh đã một phần điểm ba.
Cất mình qua ngọn tường hoa,
Lần đường theo bóng giăng tà về tây.
Mịt mù dặm cát đồi cây,
Tiếng gà điểm nguyệt, dấu giầy cầu sương. (3)
Canh khuya, thân gái, dặm trường,
Phần e đường xá, phần thương dãi-dầu!
Giời đông vừa rạng ngàn giâu,
Bơ-vơ nào đã biết đâu là nhà!

---

(1) Phương-ngôn thường nói rằng miệng hùm nọc rắn cũng không đến nỗi độc địa bằng bụng những người đàn bà ác nghiệp.

(2) Thôi thì cũng liều cho nó muốn lênh đênh đâu thì lênh đênh cho qua cái kiếp giang-hồ.

(3) Câu này tả cảnh đi vào lúc đầu canh năm chưa sáng rõ, hãy còn nghe thấy tiếng gà gáy và tuyết sương đầy đường.

Chùa đâu trông thấy nẻo xa,
Rành rành « Chiêu-ẩn-Am » ba chữ bài.
Xăm-xăm gõ cửa mái ngoài,
Trụ-trì (1) nghe tiếng vội mời vào trong.
Thấy mầu ăn mặc nâu sồng,
Giác-duyên sư-trưởng lành lòng liền thương !
Gạn gùng ngành ngọn cho tường,
Lạ lùng nàng hãy tìm đường nói quanh :
Tiểu-thuyền quê ở Bắc-kinh,
Qui sư, qui phật, tu hành bấy lâu.
Bản sư rồi cũng đến sau,
Day đưa pháp-bảo (2) sang hầu sư huynh.
Rầy vâng diện hiến rành rành,
Chuông vàng, khánh bạc, bên mình rở ra.
Xem qua sư mới dạy qua :
Phải nơi Hằng-thủy (3) là ta hậu tình.
Chỉn e đường xá một mình,
Ở đây chờ đợi sư huynh ít ngày.
Gửi thân được chốn am-mây,
Muối dưa đắp đổi tháng ngày thong dong.
Kệ kinh câu cũ thuộc lòng,
Hương đèn việc cũ, trai phòng quen tay.

---

(1) Trụ-trì là tiểu tu ở chùa ấy.

(2) Pháp-bảo là đồ thờ.

(3) Hằng-thủy là tên chùa Hằng-thủy.

Sớm khuya lá bối (1) phướn mây,
Ngọn đèn khêu nguyệt, tiếng chầy nện sương. (2)
Thấy nàng thông tuệ khác thường,
Sư càng nể mặt, nàng càng vững chân.
Cửa thuyền vừa tiết cuối xuân,
Bóng hoa rợp đất, vẻ ngân ngang giời. (3)
Gió quang mây tạnh thảnh thơi,
Có người đàn-việt (4) lên chơi cửa già. (5)
Rở đồ chuông khánh xem qua,
Khen rằng: khéo giống của nhà Hoạn-nương.
Giác-duyên thật ý lo lường,
Đêm thanh mới hỏi lại nàng trước sau.
Nghĩ rằng khôn nỗi giấu màu,
Sự mình nàng mới gót đầu bày ngay.
Bây giờ sự đã dường này,
Phận hèn dù rủi, dù may tại người!
Giác-duyên nghe nói rụng rời,
Nửa thương, nửa sợ, bồi hồi chẳng xong.
Rỉ tai mới giãi thực lòng,
Ở đây cửa Phật, là không hẹp gì.

---

(1) Những nguyên bản kinh nhà chùa ngày xưa đều viết vào lá bối-đa-diệp

(2) Nghĩa là thắp đèn hương, đánh chuông, tụng kinh buổi sáng lúc tan sương.

(3 Tả cảnh mùa xuân.

(4) Đàn-việt là khách hay đến lễ chùa.

(5) Cửa già là già-lam (cửa nhà chùa).

E chăng những sự bất kỳ,
Đề nàng cho đến thế thì cũng thương!
Lánh xa, trước liệu tìm đường,
Ngồi chờ nước đến, nên dường còn quê! (1)
Có nhà họ Bạc bên kia,
Am mây quen lối đi về dầu hương.
Nhắn sang dặn hết mọi đường,
Giọn nhà hãy tạm cho nàng trú chân.
Những mừng được chốn an thân,
Vội vàng nào kịp tính gần, tính xa.
Nào ngờ cũng tổ bợm già,
Bạc-bà học với Tú-bà đồng môn!
Thấy nàng mặn phấn tươi son,
Mừng thầm được món bán buôn có lời.
Hư không đặt để nên nhời,
Nàng đã nhớn nhác rụng rời lắm phen.
Mụ càng xua đuổi cho liền,
Lấy nhời hung hiểm, ép duyên Châu-Trần.
Rằng: Nàng muôn dặm một thân,
Lại mang lấy tiếng dữ gần, lành xa!
Khéo oan gia, của phá gia,
Còn ai dám chứa vào nhà nữa đây!
Kíp toan kiếm chốn xe giây,
Không dưng chưa dễ mà bay đường giời!

---

(1) Nghĩa là để nước đến chân mới nhảy thì không kịp.

Nơi gần thì chẳng tiện nơi,
Nơi xa thì chẳng có người nào xa.
Có chàng Bạc-Hạnh cháu nhà,
Cũng trong thân thích ruột già chẳng ai.
Cửa hàng buôn bán châu Thai,
Thực thà có một, đơn sai chẳng hề!
Thế nào nàng cũng phải nghe,
Thành thân rồi sẽ liệu về châu Thai.
Bấy giờ ai lại biết ai?
Dầu lòng bể rộng sông dài thênh thênh.
Nàng dù quyết chẳng thuận tình,
Trái nhời nẻo trước, lụy mình đến sau!
Nàng càng mặt ủ mày chau,
Càng nghe mụ nói, càng đau như dần.
Nghĩ mình túng đất, sẩy chân,
Thế cùng, nàng mới xa gần thở than:
Thiếp như con én lạc đàn,
Phải cung, rầy đã sợ làn cây cong. (1)
Cùng đường dù tính chữ tòng,
Biết người, biết mặt, biết lòng làm sao?
Nữa khi muôn một thế nào,
Bán hùm, buôn sói chắc vào lưng đâu? (2)

---

(1) Ở sách Thuyết-uyển có câu rằng: « Thương cung chi điểu kiến khúc mộc nhi cao phi ». Nghĩa là chim đã phải cung thì thấy cây cong cũng phải sợ mà bay cao.

(2) Nghĩa là mua hùm vẽ bóng thì chắc bằng vào đâu



Được nhời mụ mơi ra đi,
Mách tin họ Bạc tức thì sắm-sanh. (Xem trang 118-120)

Dù ai lòng có sở cầu,
Tâm minh (1) xin quyết với nhau một nhời!
Chứng minh có đất, có giời,
Bấy giờ vượt bể ra khơi quản gì?
Được nhời mụ mới ra đi,
Mách tin họ Bạc tức thì sắm sanh.
Một nhà dọn dẹp linh đình,
Quét sân, đặt trác (2), rửa bình, thắp nhang.
Bạc-Sinh quì xuống vội vàng,
Quá nhời nguyện hết Thành-hoàng, Thổ-công.
Trước sân lòng đã giãi lòng,
Trong màn làm lễ tơ hồng kết duyên.
Thành thân mới rước xuống thuyền,
Thuận buồm một lá, xuôi miền châu Thai.
Thuyền vừa đỗ bến thảnh thơi,
Bạc-Sinh lên trước tìm nơi mọi ngày.
Cũng nhà hàng viện (3) xưa nay,
Cũng phường bán thịt, cũng tay buôn người.
Xem người định giá vừa rồi,
Mối hàng một, đã ra mười thì buông.
Mượn người thuê kiệu rước nàng,
Bạc đem mặt bạc, kiếm đường cho xa. (4)

---

(1) Tâm minh là thề bồi.
(2) Trác là cái đẳng.
(3) Hàng-viện là lầu-xanh.
(4) Nghĩa là mua bán xong là đi ngay.

Kiệu hoa đặt trước thềm hoa,
Bên trong thấy một mụ ra vội vàng.
Đưa nàng vào lạy gia-đường,
Cũng thần mày trắng, cũng phường lầu-xanh.
Thoát trông nàng đã biết tình,
Chim lồng (1) khôn nhẽ cất mình bay cao!
Chém cha cái số hoa đào,
Gỡ ra, rồi lại buộc vào như chơi!
Nghĩ đời mà ngán cho đời,
Tài tình chi lắm, cho giời đất ghen!
Tiếc thay nước đã đánh phèn,
Mà cho bùn lại vẩn lên mấy lần!
Hồng-quân (2) với khách hồng-quần, (3)
Đã xoay đến thế, còn vần chưa tha!
Nhỡ từ lạc bước, bước ra,
Cái thân liệu những từ nhà liệu đi!
Đầu xanh đã tội tình gì?
Má hồng đến quá nửa thì chưa thôi!
Biết thân tránh chẳng khỏi giời,
Cũng liều mặt phấn, cho rồi ngày xanh!
Lần thâu gió mát giăng thanh,
Bỗng đâu có khách biên-đình sang chơi.

---

(1) Nghĩa là đã sa vào đây thì cũng như chim trong lồng, khó lòng mà thoát được.

(2) Hồng-quân là ông giời.

(3) Hồng-quần là con gái (hay mặc quần đỏ).

Râu hầm, hàm én, mày ngài,
Vai năm tấc rộng, thân mười thước cao.
Đường đường một đứng anh-hào,
Côn-quyền (1) hơn sức, lược thao (2) gồm tài.
Đội giời đạp đất ở đời,
Họ Từ tên Hải vốn người Việt-Đông.
Giang-hồ quen thói vẫy vùng,
Gươm đàn nửa gánh, non sông một chèo. (3)
Qua chơi nghe tiếng nàng Kiều,
Tấm lòng nhi-nữ cũng xiêu anh-hùng.
Thiếp-danh đưa đến lầu hồng,
Hai bên cũng liếc, hai lòng cũng ưa.
Từ rằng: Tâm phúc tương cờ,
Phải người giăng gió, vật vờ hay sao?
Bấy lâu nghe tiếng má đào,
Mắt xanh (4) chẳng để ai vào có không?

---

(1) Côn-quyền là người giỏi nghề vũ.

(2) Lược thao là lắm mưu chước.

(3) Câu này ý nói là chỉ một thanh gươm, một mái chèo thì dù ở trên bộ hay dưới nước, muốn sông pha đến đâu cũng được.

(4) Ông Nguyễn-Tịch về bọn thất hiền đời nhà Tấn hễ gặp ai là người phàm phu thì con mắt ông hóa trắng, mà gặp ai là người nho nhã thì con mắt ông hóa xanh. Câu này Từ-Hải có ý lấy lòng và chữa thẹn cho Kiều mà nói rằng: Tuy nàng phải sa vào đây nhưng chắc là không chịu tiếp những hạng tầm thường có phải không?

Một đời được mấy anh-hùng,
Bỡ chi cá chậu, chim lồng (1) mà chơi!
Nàng rằng: Người dạy quá nhời!
Thân này còn dám coi ai làm thường!
Chút riêng chọn đá thử vàng,
Biết đâu mà gửi can tràng vào đâu?
Còn như vào trước ra sau,
Ai cho kén chọn vàng thau tại mình.
Từ rằng: Nhời nói hữu tình!
Khiến người lại nhớ câu Bình-nguyên-quân.
Lại đây xem lại cho gần,
Phỏng tin được một vài phần hay không?
Thưa rằng: Lượng cả bao dong,
Tấn-dương (2) được thấy mây rồng có phen.
Rộng thương cỏ nội hoa hèn,
Chút thân bèo bọt dám phiền mai sau.
Nghe nhời vừa ý gật đầu,
Cười rằng: Tri-kỷ trước sau mấy người?
Khen cho con mắt tinh đời,
Anh-hùng đoán giữa trần-ai mới già! (3)

---

(1) Cá chậu chim lồng là ý nói những người hèn mạt tầm thường không làm gì được.

(2) Vua Đường-cao-Tổ làm vua ở đất Tấn-Dương.

(3) Kiều thật là một người cao kiến. Bấy giờ Từ-Hải hãy còn là một người tầm thường thế mà Kiều đã biết là người anh-hùng.

Một nhời đã biết đến ta
Muôn chung (1), nghìn tứ (2) cũng là có nhau !
Hai bên ý hợp tâm đầu,
Khi thân, chẳng lựa là cầu mới thân.
Ngỏ nhời nói với băng-nhân,
Tiền trăm, lại cứ nguyên ngân phát hoàn.
Buồng riêng sửa chốn thanh-nhàn,
Đặt giường thất-bảo (3), vây màn bát-tiên. (4)
Giai anh-hùng, gái thuyền-quyên,
Phỉ nguyền sánh phượng, đẹp duyên cưỡi [rồng.
Nửa năm hương lửa đương nồng,
Trượng-phu thoát đã động lòng bốn phương.
Trông vời giời bể mênh mang,
Thanh gươm yên ngựa, lên đường thẳng rong.
Nàng rằng: Phận gái chữ tòng, (5)
Chàng đi, thiếp cũng quyết lòng xin đi.
Từ rằng: Tâm phúc tương-tri,
Sao cho thoát khỏi nữ-nhi thường-tình?

---

(1) Muôn chung là muôn phương thóc.

(2) Nghìn tứ là có nghìn con ngựa. Hai câu này ý nói sự giầu sang.

(3) Câu giường thất bảo đã chú thích ở trên.

(4) Màn bát tiên là màn thêu tám vị tiên :

1. Chung-li-quyền. — 2. Lã-đồng-tân. — 3. Trương-quả.
4. Tào-quốc-cữu. — 5. Hà-tiên-cô. — 6. Lý-thiết-lãnh.
7. Hàn-tương. — 8. Lam-thái-hòa.

Màn bát tiên bắt đầu có từ đời nhà Hán.

(5) Phận con gái đã xuất giá thì phải theo chồng.

Bao giờ mười vạn tinh-binh,
Tiếng loa dậy đất, bóng tinh rợp đường.
Làm cho rõ mặt phi-thường,
Bấy giờ ta sẽ rước nàng nghi-gia.
Bằng nay bốn bể không nhà,
Theo càng thêm bận, biết là đi đâu?
Đành lòng chờ đó ít lâu,
Chầy ra là một năm sau vội gì?
Quyết nhời dứt áo ra đi,
Cánh bằng (1) tiện gió, cất lìa dặm khơi.
Nàng thì chiếc bóng song mai,
Đêm thu đằng đẵng, nhặt cài then mây. (2)
Sân dêu chẳng vẽ dấu giầy,
Cỏ cao hơn thước, liễu gầy vài phân.
Đoái thương muôn dặm tử-phần, (3)
Hồn quê theo ngọn mây tần xa xa. (4)
Xót thay, thung (5) cỗi huyên (6) già,
Tấm lòng thương nhớ biết là có nguôi!

---

(1) Bằng là chim bằng, bay được xa lắm.

(2) Nghĩa là suốt đêm chỉ một mình vò võ ở trong phòng.

(3-4) Hai câu này là tả cảnh thương nhớ cửa nhà cha mẹ.

(5) Thung là cha.

(6) Huyên là mẹ.

Chốc là mười mấy năm giời,
Còn ra khi đã da mồi tóc sương! (1)
Tiếc thay chút nghĩa cũ càng, (2)
Dẫu lìa tơ ý còn vương tơ lòng. (3)
Duyên em dù nối chỉ hồng!
Mắn ra khi đã tay bồng tay mang!
Tấc lòng cố-quốc tha-hương, (4)
Đường kia nỗi nọ ngổn ngang bời bời.
Cánh hồng bay bổng tuyệt vời,
Đã mòn con mắt phương giời đăm đăm.
Đêm ngày luống những âm-thầm,
Lửa binh đâu đã ầm ầm một phương!
Ngất giời sát khí mơ màng,
Đầy sông kình-ngạc, chật đường giáp-binh. (5)
Người quen thuộc, kẻ chung quanh,
Nhủ nàng hãy tạm lánh mình một nơi.
Nàng rằng: Trước đã hẹn nhời,
Dẫu trong nguy hiểm, dám rời ước xưa!
Còn đang dùng dắng ngẩn ngơ,
Mái ngoài đã thấy bóng cờ tiếng loa.

---

(1) Người ta đến lúc già thì tóc trắng như tuyết sương, da xăn như da đồi-mồi.

(2-3) Hai câu này tả cảnh nhớ thương Kim-Trọng.

(4) Là phải lưu lạc đi xa.

(5) Là những binh lính dữ tợn ví như cá kình cá ngạc.



Kéo cờ lũy, phát súng thành,
Từ-công ra ngựa, hân nghênh cửa ngoài. (Trang 126-128)

Giáp binh kéo đến quanh nhà,
Đồng thanh cùng hỏi: Nào là phu-nhân?
Hai bên mười vị tướng-quân,
Đặt gươm, cỗi giáp, trước sân khấu đầu.
Cung-nga thể-nữ theo hầu,
Rằng: Vâng lệnh-chỉ, rước chầu vu-qui.
Sẵn sàng phượng-liễn (1) loan-nghi, (2)
Hoa-quan (3) phấp-phới, hà-y (4) rỡ-ràng.
Dựng cờ nổi trống lên đường,
Trúc-tơ nổi trước, kiệu vàng kéo sau.
Hỏa-bài (5) tiền lộ ruổi mau,
Nam-đình nghe động trống chầu đại-doanh.
Kéo cờ lũy, phát súng thành,
Từ-Công ra ngựa, thân nghênh cửa ngoài.
Rỡ mình là vẻ cân đai,
Hãy còn hàm én, mày ngài như xưa.
Cười rằng: Cá nước duyên ưa!
Nhớ nhời nói những bao giờ hay không?
Anh-hùng mới biết anh-hùng,
Rầy xem phỏng đã cam lòng ấy chưa?

---

(1) Phượng-liễn là kiệu chạm rồng phượng.
(2) Loan-nghi là song loan.
(3) Hoa-quan là mũ.
(4) Hà-y là áo mùi da giời.
(5) Là đem hỏa bài về báo tin trước.

Nàng rằng: Chút phận ngây thơ,
Cũng may dây cát được nhờ bóng cây!
Đến bây giờ mới thấy đây,
Mà lòng đã chắc những ngày một hai! (1)
Cùng nhau trông mặt cả cười,
Ran tay về chốn trướng-mai tự-tình.
Tiệc bày thưởng tướng, khao binh, (2)
Ầm ầm trống trận, rập-rình nhạc quân.
Vinh-hoa bỗ lúc phong-trần,
Chữ tình, ngày lại thêm xuân một ngày.
Trong quân có lúc vui vầy,
Thong-dong mới kể sự ngày hàn-vi:
Khi Vô-tích (3), khi Lâm-tri, (4)
Nơi thì lừa đảo, nơi thì xót thương.
Tấm thân rầy đã nhẹ-nhàng,
Chút còn ân-oán đôi đường chưa xong.
Từ-công nghe nói thủy-chung,
Bất-bình nổi trận dùng đùng sấm vang.
Nghiêm quân, tuyển tướng sẵn sàng,
Dưới cờ một lệnh, vội vàng ruổi sao. (5)

---

(1) Đã chắc có ngày nay từ lúc mới biết nhau, đúng với câu: « Tấn-dương được thấy mây rồng có phen » vậy.

(2) Khao binh là đặt tiệc đãi binh.

(3) Vô-tích là huyện Vô-tích, nơi Tú-bà mở lầu-xanh.

(4) Lâm-tri là thành Lâm-tri, nơi Thúy-Kiều và Thúc-Sinh gặp gỡ nhau.

(5) Ruổi sao là đi nhanh như sao bay.

Ba quân chỉ ngọn cờ đào,
Đạo ra Vô-tích, đạo vào Lâm-tri.
Mấy người phụ bạc xưa kia,
Chiếu danh tầm-nã, bắt về hỏi tra.
Lại sai lệnh-tiến (1) truyền qua,
Giữ gìn họ Thúc một nhà cho yên.
Mụ Quản-gia, vãi Giác-duyên,
Cũng sai lệnh-tiến đem tin rước mời.
Thệ-sư (2) kể hết mọi nhời,
Lòng lòng cũng giận, người người giúp uy!
Đạo giời, báo phục chỉn ghê,
Sai đi mọi ngả tóm về đầy nơi.
Quân-trung gươm nhớn, giáo dài,
Vệ trong thị lập, (3) cơ ngoài song-phi. (4)
Sẵn sàng tề-chỉnh uy-nghi,
Vác-đồng (5) chật đất, tinh-kỳ (6) rợp sân.
Trướng hùm (7) mở giữa trung-quân,
Từ-công sánh với phu-nhân cùng ngồi.

---

(1) Lệnh-tiến là cờ lệnh-tiến dùng về việc quân.
(2) Thệ-sư là thề với quân.
(3) Thị-lập là đứng hầu.
(4) Song-phi là đứng sắp ra hai bên.
(5) Vác-đồng là khí giới.
(6) Tinh-kỳ là cờ quạt.
(7) Trướng-hùm là màn trướng bằng da hổ.

Tiên-nghiêm (1), trống chửa dứt hồi,
Điểm danh, trước dẫn chực ngoài cửa viên.
Từ rằng: Ân oán hai bên,
Mặc nàng xử quyết báo đền cho minh.
Nàng rằng: Nhờ cậy uy-linh,
Hãy xin báo đáp ân-tình cho phu.
Báo ân rồi sẽ giả thù,
Từ rằng: Việc ấy phó cho mặc nàng.
Cho gươm truy đến Thúc-lang,
Mặt như chàm đổ, mình dường giẽ giun.
Nàng rằng: Nghĩa trọng nghìn non,
Lâm-tri người cũ, chàng còn nhớ không?
Sâm-thương (2) chẳng vẹn chữ tòng,
Tại ai há dám phụ lòng cố-nhân?
Gấm trăm cuốn bạc nghìn cân,
Tạ lòng dễ xứng, báo ân gọi là!
Vợ chàng quỉ-quái tinh-ma,
Phen này kẻ cắp bà già (3) gặp nhau!
Kiến bò miệng chén chưa lâu, (4)
Mưu sâu cũng giả nghĩa sâu cho vừa!

---

(1) Tiên-nghiêm là hồi trống lúc ra quân.

(2) Sâm là sao mai, thương là sao hôm. Ý nói duyên hai người không được hợp nhau thì phải xa cách nhau như sao hôm với sao mai vậy.

(3) Nghĩa là bà già bắt được kẻ cắp. Kẻ cắp là chỉ Hoạn-Thư, bà già là chỉ Thúy-Kiều.

(4) Nghĩa là kiến bò miệng chén quanh đi quẩn lại rồi cũng gặp nhau.

Thúc-Sinh trông mặt bấy giờ,
Mồ-hôi chàng đã như mưa ướt đầm.
Lòng riêng mừng sợ khôn cầm,
Sợ thay mà lại mừng thầm cho ai! (1)
Mụ-già (2) sư-trưởng (3) thứ hai,
Thoát đưa đến trước vội mời lên trên.
Dắt tay, mở mặt cho nhìn:
Hoa-nô kia với Trạc-tuyền cũng tôi!
Nhớ khi nhỡ bước sẩy vời,
Non vàng chưa dễ đền bồi tấm thương!
Nghìn vàng gọi chút lễ thường!
Mà lòng Siếu-mẫu (4), mấy vàng cho cân!
Hai người trông mặt tần-ngần,
Nửa phần khiếp sợ, nửa phần mừng vui
Nàng rằng: Xin hãy rốn ngồi,
Xem cho rõ mặt, biết tôi báo thù!
Kịp truyền chư-tướng hiến-phù, (5)
Lại đem các tích phạm-tù hậu tra.
Dưới cờ, gươm tuốt nắp ra,
Chính danh thủ-phạm tên là Hoạn-Thư.

---

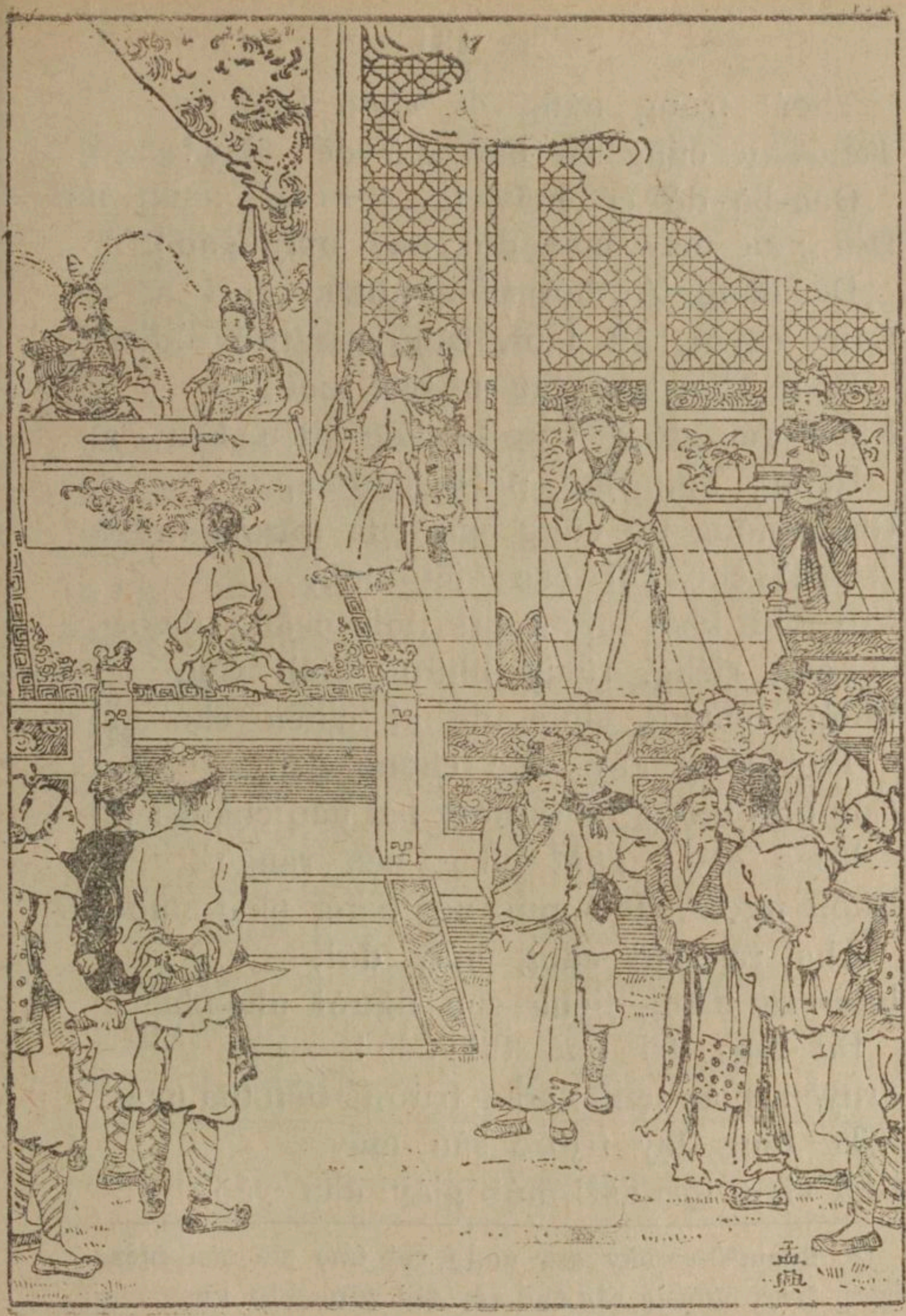
(1) Sợ cho Hoạn-Thư mà lại mừng thầm cho Kiều.

(2) Mụ-già là vãi Quản gia.

(3) Sư-trưởng là bà Giác-duyên.

(4) Tích này ở Tây-Hán-Chí. Hàn Tín lúc còn hèn hạ được bà Siếu-Mẫu cho ăn một bữa, đến khi phú quí giả ơn nghìn vàng.

(5) Hiến-phù là nộp tội nhâu.



Thoát trông nàng đã chào thưa,
Tiểu-thư cũng có bây giờ đến đây.

(Xem trang 132-134)

Thoát trông nàng đã chào thưa:
Tiểu-Thư cũng có bây giờ đến đây!
Đàn-bà dễ có mấy tay,
Đời xưa mấy mặt đời này mấy gan!
Dễ dàng là thói hồng-nhan,
Càng cay-nghiệt lắm, càng oan-trái nhiều!
Hoạn-Thư hồn lạc phách xiêu,
Khấu đầu dưới trướng liệu điều kêu a.
Rằng: Tôi chút phận đàn-bà,
Ghen tuông thì cũng người ta thường-tình!
Nghĩ cho khi các viết kinh,
Với khi khởi cửa, rứt tình chẳng theo.
Lòng riêng, riêng những kính yêu,
Chồng chung, chưa dễ ai chiều cho ai!
Trót lòng gây việc chông gai,
Còn nhờ lượng bể thương bài nào chăng! (1)
Khen cho: Thật cũng nên rằng:
Khôn ngoan đến mực nói năng phải nhời!
Tha ra thời cũng may đời,
Làm ra mang tiếng con người nhỏ-nhen!
Đã lòng tri quá thì nên!
Truyền quân-lệnh xuống trướng-tiền tha ngay.
Tạ lòng lạy trước sân mây,
Cửa-viên lại dắt một giây dẫn vào.

---

(1) Hoạn-Thư bấy giờ đang rối tâm mà còn biện-bạch được những câu thế này thì cũng khá khen cho là một người nhanh trí vậy.

Nàng rằng: Lồng lộng giời cao!
Hại nhân, nhân hại sự nào tại ta?
Trước là Bạc-hạnh, Bạc-bà,
Bên là Ưng, Khuyển, bên là Sở-Khanh.
Tú-bà với Mã-giám-Sinh,
Các tên tội ấy đáng tình còn sao?
Lệnh-quân truyền xuống nội-đao, (1)
Thề sao, thì lại cứ sao gia hình.
Máu rơi thịt nát tan tành,
Ai ai trông thấy hồn kinh phách rời! (2)
Cho hay muôn sự tại giời,
Phụ người, chẳng bỗ khi người phụ ta!
Mấy người bạc ác tinh ma,
Mình làm, mình chịu, kêu mà ai thương!
Ba quân đông mặt pháp-trường,
Thanh-thiên, bạch-nhật rõ ràng cho coi.
Việc nàng báo phục vừa rồi,
Giác-duyên vội đã gửi nhời từ qui.
Nàng rằng: Thiên tải nhất thì, (3)
Cố-nhân đã dễ mấy khi bàn-hoàn!

---

(1) Nội-đao là những quân-lính chuyên-trị về việc chém người.

(2) Xem đoạn này thì Kiều cũng có khí ác nghiệp quá.

(3) Nghĩa là hàng nghìn năm mới gặp nhau một lần.

Rồi đây bèo hợp mây tan!
Biết đâu hạc nội mây ngàn là đâu? (1)
Sư rằng: Cũng chẳng bao lâu,
Trong năm năm lại gặp nhau đó mà.
Nhớ ngày hành cước (2) phương xa,
Gặp sư Tam hợp, vốn là tiên-tri.
Bảo cho hội hợp chi kì,
Năm nay là một, nữa thì năm năm.
Mới hay tiền-định chẳng nhầm,
Đã tin điều trước, ắt nhằm điều sau.
Còn nhiều ân ái với nhau,
Cơ duyên nào đã hết đâu vội gì?
Nàng rằng: Tiền-định tiên-tri,
Nhời sư đã dạy, ắt thì chẳng sai!
Họa bao giờ có gặp người,
Vì tôi cậy hỏi một nhời chung thân.
Giác-duyên vâng dặn ân cần,
Tạ-từ, thoắt đã rời chân cõi ngoài.
Nàng từ ân-oán rạch-ròi,
Bể oan dường đã vơi vơi cạn lòng. (3)
Tạ ân lạy trước Từ-công:
Chút thân bồ-liễu, nào mong có rầy?

---

(1) Nghĩa là rồi đây mỗi người mỗi ngả biết đâu mà tìm.

(2) Hành cước là đi truyền giáo.

(3) Nghĩa là đã thỏa lòng vì đã đền được ơn báo được oán rồi.

Trộm nhờ sấm sét ra tay,
Tấc riêng như cất gánh đầy đổ đi!
Khắc xương ghi dạ xiết chi,
Dễ đem gan óc, đền nghì giời mây! (1)
Từ rằng: Quốc-sĩ xưa nay,
Chọn người tri-kỷ một ngày được chăng?
Anh-hùng tiếng đã gọi rằng:
Giữa đường dẫu thấy bất bằng mà tha!
Huống chi việc cũng việc nhà,
Lựa là thâm-tạ mới là tri-ân!
Xót nàng còn chút song thân,
Bấy nay kẻ Việt người Tần cách xa.
Sao cho muôn dặm một nhà,
Cho người thấy mặt, là ta cam lòng.
Vội truyền sửa tiệc quân-trung,
Muôn binh nghìn tướng hội đồng tẩy oan. (2)
Thừa cơ trúc chẻ ngói tan, (3)
Binh-uy từ ấy sấm ran trong ngoài.
Triều-đình riêng một góc giời,
Gồm hai văn-võ, rạch đôi sơn-hà.

---

(1) Nghĩa là dẫu đem cả gan óc cũng chưa đủ đền được ơn sâu của Từ-Hải.

(2) Tẩy oan là tiệc mừng sau khi đã đền ơn báo oán xong.

(3) Nghĩa là đánh đâu cũng được dễ như chẻ tre dập ngói.

Đòi cơn gió quét mưa sa,
Huyện thành đạp đổ năm tòa cõi nam.
Phong-trần, mài một lưỡi gươm,
Những loài giá áo túi cơm (1) sá gì!
Nghênh-ngang, một cõi biên thùy,
Thiếu gì cô-quả, thiếu gì bá-vương! (2)
Trước cờ ai dám tranh cường,
Năm năm hùng cứ một phương hải tần.
Có quan tổng-đốc trọng-thần,
Là Hồ-tôn-Hiến, kinh luân gồm tài.
Giẩy xe, vâng chỉ đặc-sai,
Tiện-nghi bát-tiễu, việc ngoài đồng-nhung.
Biết Từ là đứng anh-hùng,
Biết nàng cũng dự quân-trung luận-bàn.
Đóng quân, làm chước chiêu-an,
Ngọc, vàng, gấm, vóc, sai quan thuyết hàng.
Lại riêng một lễ với nàng,
Hai tên thể-nữ, ngọc vàng nghìn cân.
Tin vào gửi trước trung-quân,
Từ-công riêng hãy mười phân hồ đồ. (3)

---

(1) Giá áo túi cơm là những người hèn mạt không có tài cán gì.

(2) Cô là tiếng xưng hô của các ông chủ-bá, quả là tiếng xưng hô của các ông thiên-vương.

(3 Hồ đồ là còn nghi ngại.



Khóc rằng : trí-dũng có thừa,
Bởi nghe nhời thiếp nên cơ hội này.

(Xem trang 142-143)

Một tay gây dựng cơ đồ,
Bấy nay bể Sở sông Ngô tung hoành!
Bó thân về với triều-đình,
Hàng-thần lơ-láo, phận mình ra đâu?
Áo xiêm đùm bọc lấy nhau,
Vào luồn ra cúi, công hầu mà chi?
Sao bằng riêng một biên-thùy,
Sức này đã dễ làm gì được nhau?
Đục giời, quấy nước, mặc dầu,
Dọc ngang nào biết trên đầu có ai?
Nàng thì thật dạ tin người,
Của nhiều nói ngọt, nghe nhời dễ xiêu.
Nghĩ mình mặt nước cánh bèo,
Đã nhiều lưu lạc, lại nhiều gian-chuân.
Bằng nay chịu tiếng vương thần,
Thênh-thênh đường cái thanh-vân hẹp gì?
Công tư vẹn cả hai bề,
Dần dà rồi sẽ liệu về cố-hương.
Cũng ngôi mệnh-phụ (1) đường đường,
Nở nang mày mặt, rỡ ràng mẹ cha!
Trên vì nước, dưới vì nhà,
Một là đắc hiếu, hai là đắc trung.
Chẳng hơn chiếc bách giữa dòng,
E dè sóng gió, hãi hùng nước sa.

---

(1) Nghĩa là về với Triều-đình thì cũng được vinh-hạnh tử-tế.

Nhân khi bàn bạc gần xa,
Thừa cơ nàng mới bàn ra nói vào.
Rằng: Trong Thánh-đế dồi dào,
Tưới ra đã khắp, thấm vào đã sâu!
Bình-thành (1) công-đức bấy lâu,
Ai ai cũng đội trên đầu, xiết bao!
Ngẫm từ gây việc binh-đao,
Đống xương vô-định đã cao bằng đầu. (2)
Làm chi để tiếng về sau,
Nghìn năm ai có khen đâu Hoàng-Sào? (3)
Sao bằng lộc trọng, quyền cao,
Công-danh ai dứt lối nào cho qua?
Nghe nhời nàng nói mặn mà,
Thế công, Từ mới giở ra thế hàng.
Chỉnh nghi tiếp sứ vội vàng,
Hẹn kỳ thúc giáp (4) quyết đường giải binh.
Tin nhời thành hạ yêu minh, (5)
Ngọn cờ ngơ-ngác, trống canh trễ-tràng.

---

1) Bình-thành là công-đức của vua. Câu này là kể từ vua Minh-thái-Tổ khai sáng, công-đức như giời bể.

(2) Câu này ý nói là đã bao nhiêu người chết oan từ khi khởi ra việc binh đao.

(3) Hoàng-Sào về cuối đời nhà Đường đi thi không đỗ, đi làm giặc, rồi sau chết về tay ông Lý-khắc-Dụng.

(4) Thúc giáp nghĩa là thu giáo mác mà đầu hàng.

(5) Là nhời thề với nhau ở dưới thành.

Việc binh bổ chẳng giữ giàng,
Vương-sư dò đã tỏ tường thực hư.
Hồ-công quyết kế thừa cơ,
Lễ tiên, binh hậu, khắc cờ tập công.
Kéo cờ chiêu-phủ tiên-phong,
Lễ-nghi giản trước, vác-đồng phục sau.
Từ-công hờ hững biết đâu?
Đại quan lễ-phục ra đầu cửa viên.
Hồ-công ám hiệu (1) trận tiền,
Ba bề phát súng, bốn bên kéo cờ.
Đang khi bất ý chẳng ngờ,
Hùm thiêng khi đã sa cơ cũng hèn!
Tử sinh liều giữa trận tiền,
Dạn dầy cho biết gan liền tướng-quân!
Khi thiêng khi đã về thần, (2)
Nhơn nhơn còn đứng chôn chân giữa vòng.
Trơ như đá, vững như đồng,
Ai lay chẳng chuyển, ai rung chẳng rời!
Quan quân thừa thế đuổi dài,
Ầm ầm sát khí, ngất giời ai đang!
Trong hào ngoài lũy tan hoang,
Loạn quân vừa dắt tay nàng đến nơi.
Trong vòng tên đạn bời bời,
Thấy Từ còn đứng giữa giời trơ trơ.

---

(1) Ám hiệu là ra hiệu ngầm cho quân.
(2) Là lúc Từ-Hải đã chết rồi.

Khóc rằng: Tri-dũng có thừa,
Bởi nghe nhời thiếp, nên cơ hội này!
Mặt nào trông thấy nhau đây?
Thà liều sống thác một ngày với nhau!
Dòng thu như giội cơn sầu,
Dứt nhời nàng cũng gieo đầu một bên.
Lạ thay oan-khí tương-triền! (1)
Nàng vừa phục xuống, Từ liền ngã ra!
Quan quân kẻ lại người qua,
Xót nàng, sẽ lại vực ra dần dần.
Đem vào đến trước trung-quân,
Hồ-công thấy mặt, ân cần hỏi han.
Rằng: Nàng chút phận hồng-nhan,
Gặp cơn binh cách, nhiều nàn cũng thương!
Đã hay thành-toán miếu-đường, (2)
Giúp công cũng có nhời nàng mới nên!
Bây giờ sự đã vẹn tuyền,
Mặc lòng nghĩ lấy, muốn xin bề nào?
Nàng càng giọt ngọc tuôn dào,
Ngập ngừng mới gửi thấp cao sự lòng.
Rằng: Từ là đứng anh-hùng,
Dọc ngang giời rộng, vẫy vùng bể khơi!

---

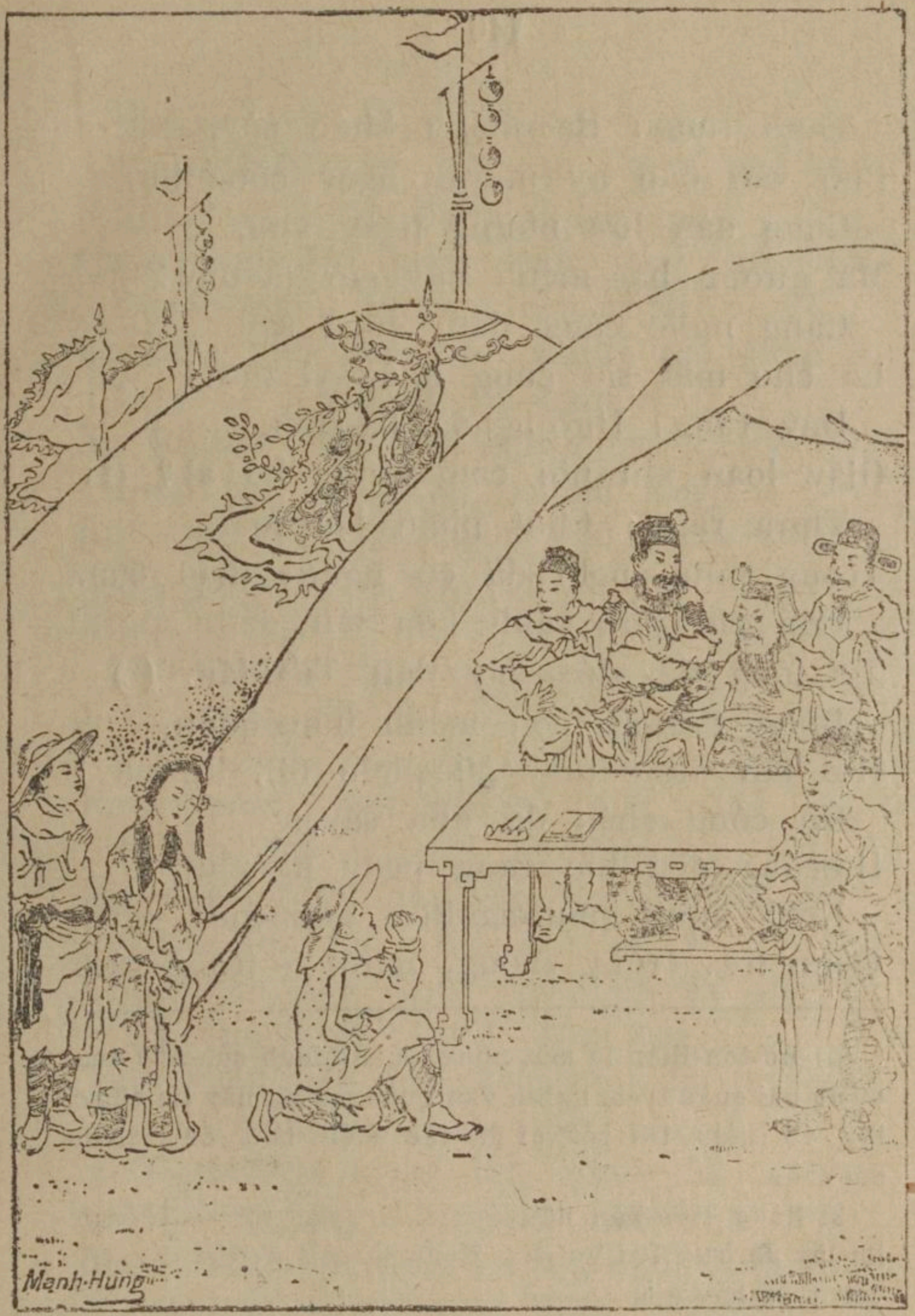
(1) Nghĩa là cái tình thiêng liêng hai vợ chồng hợp với nhau.

(2) Nghĩa là đã đành rằng nhờ được hồng phúc của vua mà lập nên được công này.

Tin tôi nên quá nghe nhời,
Đem thân bách-chiến làm tôi triều-đình.
Ngỡ là phu quí phụ vinh,
Ai ngờ một phút tan tành thịt xương!
Năm năm giời bể ngang tàng,
Đem mình đi bỏ chiến-tràng như không.
Khéo khuyên kể lấy làm công,
Kể bao nhiêu, lại đau lòng bấy nhiêu!
Xét mình công ít tội nhiều,
Sống thừa, tôi đã nên liều mình tôi!
Xin cho thiển-thổ một đôi, (1)
Gọi là đắp điếm lấy người tử-sinh!
Hồ-công nghe nói thương tình,
Truyền cho cảo táng ri hình bên sông.
Trong quân mở tiệc hạ công,
Xôn-xao tơ trúc, hội-đồng quân quan.
Bắt nàng thị yến dưới màn,
Giở say lại ép cung đàn nhập-tâu.
Một cung gió thảm, mưa sầu,
Bốn giây rỏ máu năm đầu ngón tay!
Ve kêu, vượn hót nào tầy,
Lọt tai, Hồ cũng chau mày rơi châu!
Hỏi rằng: Này khúc ở đâu?
Nghe ra muôn thảm, nghìn sầu lắm thay!

---

(1) Thiển-thổ là miếng đất nông. Một đôi là một đôi thước.



Nghĩ mình phương-diện quốc-gia,
Quan trên trông xuống người ta trông vào. (Trang 144-146)

Thưa rằng: Bạc-mệnh khúc này,
Phổ vào đàn ấy những ngày còn thơ.
Cung đàn lựa những ngày xưa,
Mà gương bạc-mệnh bây giờ là đây!
Càng nghe càng đắm càng say,
Lạ cho mặt sắt cũng ngây vì tình!
Dạy rằng: Hương-hỏa ba-sinh,
Giây loan xin nối cầm lành cho ai? (1)
Thưa rằng: Chút phận lạc loài,
Trong mình nghĩ đã có người thác oan.
Còn chi nữa cánh hoa tàn,
Tơ lòng đã dứt dây đàn Tiểu-lân. (2)
Rộng thương còn mảnh hồng-quần,
Hơi tàn được thấy gốc-phần (3), là may!
Hạ công chén đã quá say,
Hồ-công đến lúc rạng ngày nhớ ra.
Nghĩ mình phương-diện quốc-gia,
Quan trên trông xuống, người ta trông vào.

---

(1) Hồ-tôn-Hiến là một người mệnh-lệnh của nhà vua đứng cai quản trăm nghìn vạn quân mà lúc này lại chực lấy vợ giặc thì còn gì là thể diện một ông quan đại-thần.

(2) Nàng Tiểu-Lân nguyên là vợ vua nước Tề sau lại lấy Đường Đại-Vương. Nàng là một người rất hay đàn thời bấy giờ.

(3) Gốc phần là nhà quê.

Phải tuồng giăng gió hay sao,
Sự này biết tính thế nào được đây?
Công nha vừa buổi rạng ngày,
Quyết tình Hồ mới đoán ngay một bài.
Lệnh quan, ai dám cải nhời,
Ép tình mới gạn cho người thổ-quan.
Ông tơ sao khéo đa-đoan,
Xe tơ sao khéo vơ quàng vơ xiên?
Kiệu hoa áp thẳng xuống thuyền,
Lá màn rủ thấp, ngọn đèn khêu cao.
Nàng càng ủ liễu, phai đào,
Trăm phần, nào có phần nào phần tươi?
Đành thân cát dập sóng vùi,
Cướp công cha mẹ thiệt đời thông minh!
Chân giời, mặt bể lênh-đênh,
Nắm xương biết gửi tử sinh chốn nào?
Duyên đâu ai dứt tơ đào,
Nợ đâu ai đã dắt vào tận tay?
Thân sao thân đến thế này?
Còn ngày nào cũng dư ngày ấy thôi!
Đã không biết sống làm vui,
Tấm thân nào biết thiệt-thòi là thương!
Một mình cay đắng trăm đường,
Thôi thì nát ngọc, tan vàng thì thôi!
Mảnh gương đã ngậm non đoài, (1)
Một mình luống những đứng ngồi chờ ưa xong.

(1 Mặt giời gần lặn.

Triều (1) đâu nổi tiếng đùng đùng,
Hỏi ra mới biết rằng sông Tiền-đường.
Nhớ nhời thần mộng rõ ràng,
Này thôi hết kiếp đoạn-tràng từ đây.
Đạm-tiên, nàng hỡi! có hay?
Hẹn ta thì đợi dưới này rước ta!
Dưới đèn sẵn bức tiên-hoa,
Một thiên tuyệt bút gọi là để sau.
Cửa bồng (2) vội mở rèm châu,
Giời cao, sông rộng một mầu bao la!

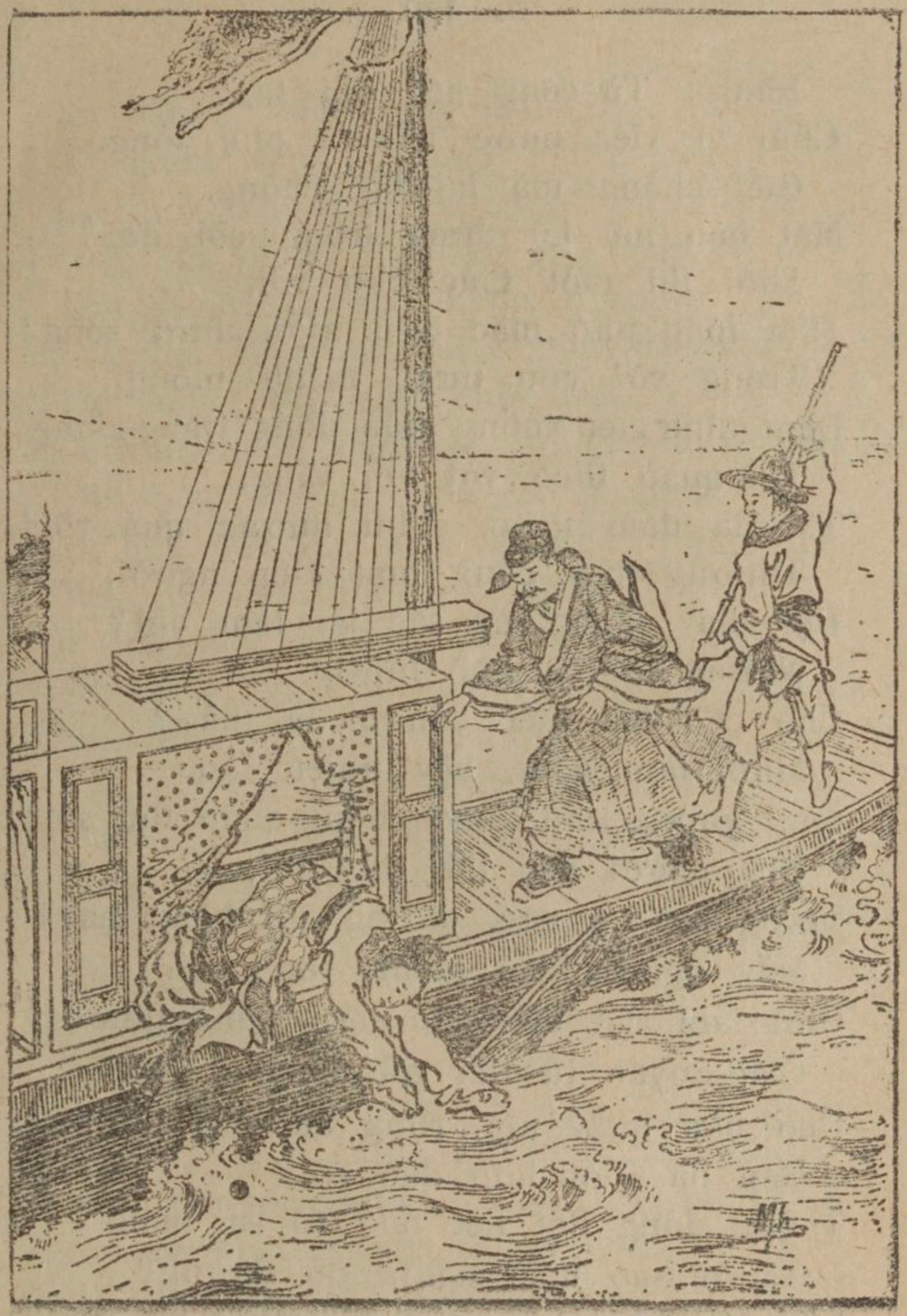
---

(1) Triều là nước thủy-triều. Ở gần mạn bể thì có những ngày con nước như sau này:

Tháng giêng và tháng bảy					ngày	mồng	5 và	19.
»	hai	»	»	tám	»	»	3,	17 và 29.
»	ba	»	»	chín	»		13	» 27.
»	tư	»	»	mười	»		11	» 25.
»	năm	»	»	mười một	»	9		» 23.
»	sáu	»	»	chạp	»	7		» 21.

Bắt đầu từ mùa xuân và mùa hạ thì nước lên về buổi chiều, rồi cứ thế xoay vần dần dần cho đến mùa thu và mùa đông thì nước lại lên về buổi sáng. Khi nước lên to thì ngập hết cả đồng điền rồi dần dần một lúc thì nước lại xuống hết. Nước lên xuống như thế là vì trái đất xoay vần, lúc nghiêng về phương đông thì nước chảy sang phương tây, lúc nghiêng về phương tây thì nước lại chảy sang phương đông, cho nên mới thành ra có những ngày con nước lên xuống như thế gọi là nước thủy-triều. Lúc nước lên thì hay có gió, cho nên sóng lại càng to tiếng kêu rầm rầm.

(2) Bồng là thuyền bồng.



Nhớ phơi thân mộng rõ ràng,
Ấy thôi hết kiếp đoạn-trường từ đây. (Xem trang 147-148)

Rằng : Từ-công hậu đãi ta,
Chút vì việc nước mà ra phụ lòng.
Giết chồng mà lại lấy chồng,
Mặt nào mà lại đứng trong cõi đời ?
Thôi thì một thác cho rồi,
Tấm lòng phó mặc trên giời, dưới sông !
Trông vời con nước mênh mông,
Đem mình gieo xuống giữa dòng tràng-giang.
Thổ-quan theo vớt vội vàng,
Thì đà đắm ngọc, chìm hương quá rồi !
Thương thay cũng một kiếp người,
Hại thay mang lấy sắc tài làm chi ?
Những là oan-khổ lưu-ly,
Chờ cho hết kiếp còn gì là thân ?
Mười lăm năm, bấy nhiêu lần,
Làm gương cho khách hồng-quần thử soi !
Đời người đến thế thì thôi,
Trong cơ âm cực, dương hồi khôn hay !
Mấy người hiếu nghĩa xưa nay,
Giời làm chi đến lâu ngày càng thương !
Giác-duyên từ tiết giã nàng,
Đeo bầu quẩy nịp, rộng đường vân-du.
Gặp bà Tam-hợp đạo cô,
Thong dong hỏi hết nhỏ to sự nàng :
Người sao hiếu nghĩa đủ đường ?
Kiếp sao chịu những đoạn-trường thế thôi ?

Sư rằng: Phúc họa đạo giời,
Cỗi nguồn cũng ở lòng người mà ra.
Có giời mà cũng tại ta,
Tu là cỗi phúc, tình là giây oan.
Thúy-Kiều sắc sảo khôn ngoan,
Vô duyên là phận hồng-nhan đã đành!
Lại mang lấy một chữ tình,
Khư khư mình buộc lấy mình vào trong.
Vậy nên những chốn thong dong,
Ở không yên ổn, ngồi không vững vàng.
Ma đưa lối, quỉ đem đường,
Lại tìm những chốn đoạn-trường mà đi.
Hết nạn ấy, đến nạn kia,
Thanh-lâu hai lượt, thanh-y hai lần. (1)
Trong vòng giáo dựng, gươm trần,
Kề lưng hùm sói, gửi thân tôi đòi.
Giữa dòng nước chảy sóng giồi,
Trước hàm rồng-cá gieo mồi vắng tanh.
Oan kia theo mãi với tình,
Một mình mình biết, một mình mình hay.
Làm cho sống đọa, thác đầy,
Đoạn-trường cho hết kiếp này mới thôi!

---

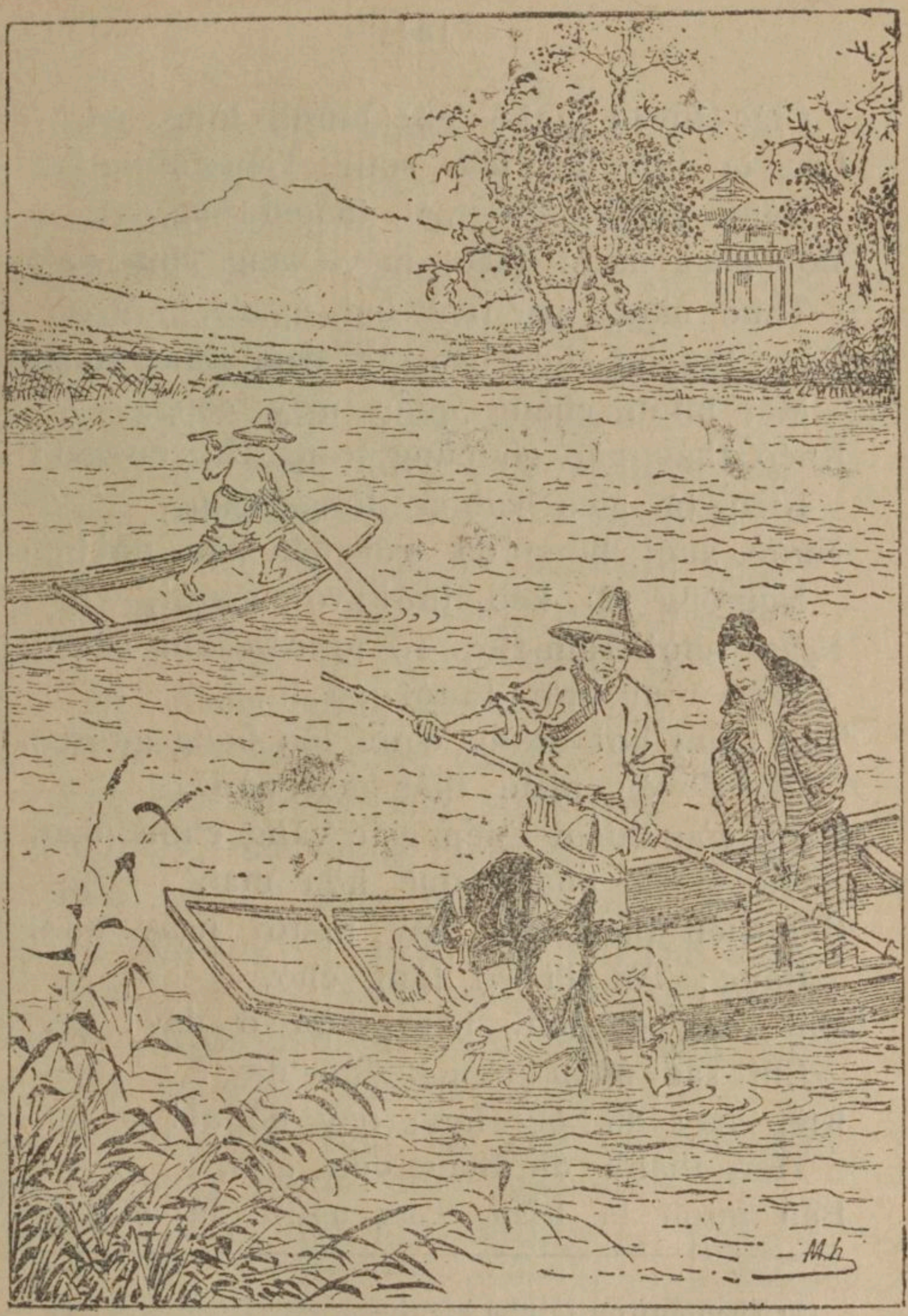
(1) Một đời Thúy-Kiều phải ở thanh-lâu hai lần, lần thứ nhất ở với Tú-bà, lần thứ hai với Bạc-bà, lại hai lần phải đi làm tôi tớ người ta, một lần ở với bà phu-nhận là mẹ Hoạn-Thư và một lần ở với Hoạn-Thư.

Giác-duyên nghe nói rụng rời:
Một đời nàng hỡi! thương ôi còn gì?
Sư rằng: Song chẳng hề chi,
Nghiệp duyên cân lại, nhắc đi còn nhiều.
Xét trong tội nghiệp Thúy-Kiều,
Mắc điều tình-ái, khỏi điều tà-dâm. (1)
Lấy tình thâm, giả nghĩa thâm,
Bán mình đã động hiếu tâm đến giời!
Hại một người, cứu muôn người, (2)
Biết đường khinh trọng, biết nhời phải chăng!
Thửa công đức ấy ai bằng?
Túc khiên đã rửa lưng lưng sạch rồi.
Khi nên giời cũng chiều người,
Nhẹ nhàng nợ trước, đền bồi duyên sau.
Giác-duyên, dù nhớ nghĩa nhau,
Tiền đường, thả một bè lau rước người.
Trước sau cho vẹn một nhời,
Duyên ta, mà cũng phúc giời chi không!

---

(1) Một đời nàng thật là có nhiều ái-tình, nhưng không có lòng tà-dâm.

2) Hại một người đây chắc là có ý nói hại Từ-Hải. Cứ lấy tình mà xét thì nàng thật không có lòng nào hại Từ-Hải cả. Suốt một đời nàng từ lúc đầu mới gặp Kim-Trọng cho đến đây, với ai nàng cũng vẫn một lòng thủy chung Bởi quá tin người ta mà bị mắc lừa để đến nỗi cơ-sự xoay ra như thế thì thật là một sự đau đớn và không ngờ cho nàng chứ bản tâm nàng thật không bao giờ có cái lòng độc-ác ấy.



Trên mui lươi-thươi áo là,
Tuy giâm hơi nước chưa lòa bóng gương. (Trang 152-154)

Giác-duyên nghe nói mừng lòng,
Lân la tìm thú bên sông Tiền-đường.
Đánh gianh, lợp mái thảo-đường, (1)
Một gian nước biếc, mây vàng chia đôi.
Thuê năm, ngư-phủ hai người,
Đóng thuyền chực bến, kết chài giăng sông.
Một mình chẳng quản mấy công,
Khéo thay gặp gỡ cũng trong chuyển-vần!
Kiều từ gieo xuống dòng ngân,
Nước xuôi bỗng đã trôi dần tận nơi!
Ngư-ông (2) kéo lưới vớt người,
Ngẫm nhời Tam-Hợp rõ mười chẳng ngoa!
Trên mui lướt thướt áo là,
Tuy giầm hơi nước, chưa lòa bóng gương.
Giác-duyên nhận thật mặt nàng,
Nàng còn thiêm thiếp giấc vàng chưa phai.
Mơ màng phách quế hồn mai,
Đạm-tiên thoát đã thấy người ngày xưa.
Rằng: Tôi đã có lòng chờ,
Mất công đã mấy năm thừa ở đây!
Chị sao phận mỏng đức dầy?
Kiếp này đã vậy lòng này dễ ai!
Tâm thành đã thấu đến giời,
Bản mình là hiếu, cứu người là nhân.

---

(1) Thảo-đường là nhà gianh.
(2) Ngư-ông là người đánh cá.

Một mình vì nước vì dân,
Âm-công nhắc một đồng cân đã già!
Đoạn-trường sổ, rút tên ra,
Đoạn-trường thơ phải đến mà giã nhau!
Còn nhiều hưởng thụ về sau,
Duyên xưa tròn trặn, phúc sau dồi dào!
Nàng còn ngơ ngẩn biết sao,
Trạc-tuyền nghe tiếng gọi vào bên tai.
Giật mình chợt tỉnh giấc mai,
Bâng-khuâng nào đã biết ai mà nhìn?
Trong thuyền nào thấy Đạm-Tiên?
Bên mình chỉ thấy Giác duyên ngồi kề.
Thấy nhau mừng rỡ trăm bề,
Giọn thuyền mới rước nàng về thảo-lư. (1)
Một nhà chung chạ sớm trưa,
Gió giăng mát mặt, muối dưa chay lòng.
Bốn bề bát ngát mênh mông,
Triều (2) dâng hôm sớm, mây lồng trước sau.
Nạn xưa trút sạch lầu lầu,
Duyên xưa chưa dễ biết đâu chốn này!
Nỗi nàng tai nạn đã đầy,
Nỗi chàng Kim-trọng bấy chầy mới thương!
Từ ngày muôn dặm phù tang,
Nửa năm ở đất Liêu-dương lại nhà.

---

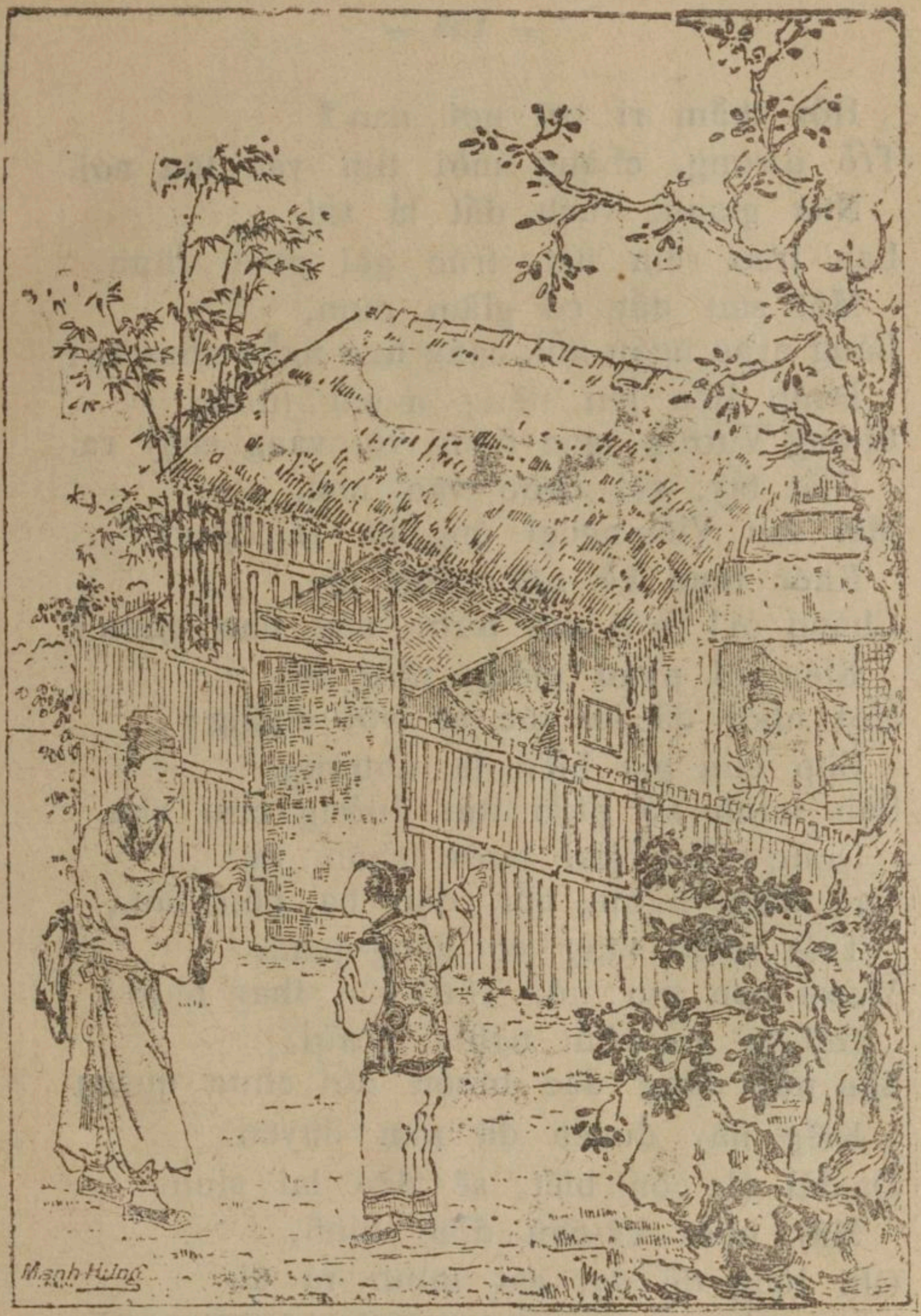
(1) Thảo lư là lều gianh.
(2) Đã thích ở trên.

Vội sang vườn Thúy dò la,
Nhìn xem phong cảnh nay đà khác xưa.
Đầy vườn cỏ mọc lau thưa,
Song giăng quạnh quẽ, vách mưa rã rời.
Trước sau nào thấy bóng người,
Hoa đào năm ngoái còn cười gió đông. (1)
Xập-xòe én lạnh (2), dường không,
Cỏ lan mặt đất, rêu phong dấu giầy.
Cuối tường, gai góc mọc đầy,
Đi về này những lối này năm xưa.
Chung quanh lặng ngắt như tờ,
Nỗi niềm tâm sự bây giờ hỏi ai?
Láng riềng có kẻ sang chơi,
Lân la sẽ hỏi một hai sự tình.
Hỏi ông, ông mắc tụng đình.
Hỏi nàng, nàng đã bán mình chuộc cha.
Hỏi nhà, nhà đã rời xa,
Hỏi chàng Vương với cùng là Thúy-vân.
Đều là sa sút khó khăn,
May thuê, viết mướn, kiếm ăn lần hồi.
Điều đâu sét đánh lưng giời,
Thoát nghe, chàng đã rụng rời xiết bao!

---

(1) Người yêu thì chẳng thấy đâu, chỉ thấy hoa đào vẫn cười gió đông như cũ.

(2) Nghĩa là nhà không có chim én. Ý nói là nhà vắng tanh không có người ở.



Nhà gianh vách đất tả tơi,

Lau treo rèm nát, trúc gài phên thưa. Trang 156.158

Hỏi thăm ri trú nơi nao ?
Trỏ đường, chàng mới tìm vào tận nơi.
Nhà gianh, vách đất tả tơi,
Lau treo rèm nát, trúc gài phên thưa.
Một sân đất cỏ giầm mưa,
Càng ngao ngán nỗi, càng ngơ ngẩn nhường!
Đánh liều lên tiếng ngoài tường,
Chàng Vương nghe tiếng vội vàng chạy ra.
Giắt tay, vội rước vào nhà,
Mái sau Viên-ngoại ông bà ra ngay.
Khóc than kể hết niềm tây,
Chàng ôi! biết nỗi nước này cho chưa ?
Kiều-nhi phận mỏng như tờ,
Một nhời đã lỗi tóc tơ với chàng!
Gặp cơn gia biến lạ nhường,
Bán mình nó phải tìm đường cứu cha.
Dùng dằng khi bước chân ra,
Cực trăm nghìn nỗi, dặn ba bốn lần :
Trót nhời nặng với lang-quân,
Mượn con em nó, Thúy-vân thay nhời !
Gọi là giả chút nghĩa người,
Sầu này dằng dặc muôn đời chưa quên!
Kiếp này duyên đã phụ duyên,
Dạ-đài (1) còn biết, sẽ đền lai sinh.
Mấy nhời ký-chú đinh ninh,
Ghi lòng để dạ, cất mình ra đi.

---

(1) Dạ-đài là âm-phủ.

Phận sao bạc mấy Kiều-nhi!
Chàng Kim về đó, con thì đi đâu?
Ông bà càng nói càng đau!
Chàng càng nghe nói càng rầu như giưa!
Vật mình rẽ gió, tuôn mưa,
Đầm đìa giọt ngọc, thẫn thờ hồn mai.
Đau đòi đoạn, ngất đòi hồi,
Tỉnh ra lại khóc, khóc rồi lại mê.
Thấy chàng đau nỗi biệt-ly,
Ngập ngừng, ông mới vỗ về giải khuyên.
Bây giờ ván đã đóng thuyền, (1)
Đã đành phận bạc, khôn đền tinh chung!
Quá thương chút nghĩa đèo bòng,
Nghìn vàng thân ấy dễ hòng bỏ sao?
Dỗ dành khuyên giải trăm chiều,
Lửa phiền càng dập, càng khêu mối phiền!
Thề xưa, rở đến kim-hoàn,
Của xưa, lại rở đến đàn với hương.
Sinh càng trông thấy càng thương,
Gan càng tức tối, ruột càng xót xa.
Rằng: Tôi trót quá chân ra,
Để cho đến nỗi trôi hoa, giạt bèo!
Cùng nhau thề thốt đã nhiều,
Những điều vàng đá, phải điều nói không?

---

(1) Ý nói là người đã đi mất thì không còn hi vọng gì nữa.

Chưa chăn gối, cũng vợ chồng!
Lòng nào mà nỡ dứt lòng cho đang?
Bao nhiêu của, mấy ngày đường,
Còn tôi, tôi một gặp nàng mới thôi.
Nỗi thương nói chẳng hết nhời,
Tạ từ Sinh mới xụt xùi bước ra.
Vội về sửa chốn vườn hoa,
Rước mời Viên-ngoại ông bà cùng sang.
Thần hôn (1) chăm chút lễ thường,
Dưỡng thân thay tấm lòng nàng ngày xưa.
Đinh-ninh mài lệ chép thơ,
Cắt người tìm tõi, đưa tờ nhắn nhe.
Biết bao công mướn, của thuê,
Lâm-thanh mấy độ đi về dặm khơi!
Người một nơi, hỏi một nơi,
Mênh mông nào biết bể giời nơi nao?
Sinh càng thẩm thiết khát khao,
Như nung gan sắt, như bào lòng son.
Ruột tằm, ngày một héo hon,
Tuyết sương ngày một hao mòn mình ve.
Thẩn thơ lúc tỉnh, lúc mê,
Máu theo nước mắt, hồn lìa chiêm bao!
Thông huyên lo sợ xiết bao,
Quá ra khi đến thế nào mà hay!

---

(1) Kim-Trọng thờ ông bà Viên-ngoại cũng như của mẹ đẻ vậy.

Vội vàng sắm sửa chọn ngày,
Duyên Vân sớm đã xe giây cho chàng.
Người yểu-điệu, kẻ văn-chương,
Giai tài gái sắc, xuân đương vừa thì.
Tuy rằng vui chữ vu qui,
Vui này dễ cất sầu kia được nào?
Khi ăn ở lúc ra vào,
Càng âu duyên mới càng rào tình xưa.
Nỗi nàng nhớ đến bao giờ,
Tuôn châu đòi trận, vò tơ trăm vòng.
Có khi vắng vẻ thư phòng,
Đốt lò hương, rở phim đồng ngày xưa.
Bẻ bai rủ rỉ tiếng tơ,
Trầm bay nhạt khói, gió đưa lay rèm.
Dường như trên nóc bên thềm,
Tiếng Kiều đồng vọng, bóng xiêm mơ màng.
Bởi lòng tạc đá, ghi vàng,
Tưởng nàng, nên lại thấy nàng về đây.
Những là phiền muộn đêm ngày,
Xuân thu biết đã đổi thay mấy lần?
Chế-khoa (1) gặp hội tràng văn,
Vương, Kim cùng chiếm bảng xuân một ngày.
Cửa giời rộng mở đường mây,
Hoa chào ngõ hạnh, hương bay dặm phần.

---

(1) Chế-khoa là một khoa thi riêng để kén những người có tài xuất chúng.

Chàng Vương nhớ đến xa gần,
Sang nhà Chung-lão, tạ ân chu-tuyền.
Tình xưa, ân giả nghĩa đền,
Gia thân lại mới kết duyên Châu-Trần.
Kim từ nhẹ bước thanh-vân,
Nỗi nàng, càng nghĩ xa gần, càng thương.
Ấy ai dặn ngọc thề vàng,
Bây giờ kim-mã ngọc-đường (1) với ai?
Ngọn bèo chân sóng lạc loài,
Nghĩ mình vinh hiển, thương người lưu ly.
Vâng ra ngoại nhậm Lâm-tri,
Quan san nghìn dặm, thê nhi một đoàn.
Cầm đường (2) ngày tháng thanh nhàn,
Sớm khuya tiếng hạc, tiếng đàn, tiêu-dao. (3)
Đêm xuân trướng rủ hoa đào,
Nàng Vân nằm bỗng chiêm bao thấy nàng.
Tỉnh ra mới rỉ cùng chàng,
Nghe nhời, chàng cũng hai đường tin nghi.

---

(1) Chữ kim-mã, ngọc-đường đã thích ở trên.

(2) Cầm-đường (nhà gảy đàn) là nhà quan huyện. Ông Tử-Tiện về đời Xuân-thu làm quan huyện ở nước Lỗ hay gảy đàn ở công-đường cho nên mới gọi như thế.

(3) Ông Triệu-thanh-Hiến đời nhà Tống đi làm quan ở đất Thục chỉ đem có một con hạc và một cái đàn đến quận.

Kim-Trọng tuy được làm quan nhưng cũng chẳng vui thú gì vì thương nhớ Kiều cho nên chỉ lấy cái đàu làm thú tiêu dao cho qua ngày tháng.

Nọ Lâm-thanh với Lâm-trí,
Khác nhau một chữ, hoặc khi có nhầm.
Trong cơ thanh-khí tương-tầm,
Ở đây hoặc có giai âm chăng là?
Thăng đường chàng mới hỏi tra,
Họ Đô có kẻ lại già thưa lên:
Sự này đã ngoại mười niên,
Tôi đà biết mặt, biết tên rành rành.
Tú-bà cùng Mã-giám-Sinh,
Đi mua người ở Bắc-kinh đưa về.
Thúy-Kiều tài sắc, ai bì?
Có nghề đàn, lại đủ nghề văn thơ!
Kiên trinh (1), chẳng phải gan vừa,
Liều mình thế ấy, phải lừa thế kia!
Phong-trần (2) chịu đã ê-chề,
Giây duyên, sau lại xe về Thúc-lang.
Phải tay vợ cả phũ phàng,
Bắt về Vô-tích, toan đường bẻ hoa.
Bực mình, nàng phải trốn ra,
Chẳng may lại gặp một nhà Bạc kia!
Thoát buôn về, thoát bán đi,
Mây trôi bèo nổi thiếu gì là nơi?

---

(1) Khi Thúy-Kiều bị vào tay Tú-bà mà chưa mắc lừa Sở-Khanh thì nàng thật là một người can đảm, trinh bạch.

(2) Phong-trần là khổ sở.

Bỗng đâu lại gặp một người,
Hơn đời trí dũng, nghiêng giời uy-linh!
Trong tay muôn vạn tinh binh,
Kéo về đóng chật một thành Lâm-tri.
Tóc tơ các tích mọi khi,
Oán thì giả oán, ân thì giả ân.
Đã nên có nghĩa có nhân,
Trước sau trọn vẹn, xa gần ngượi khen.
Chưa tường được họ được tên,
Sự này hỏi Thúc-sinh viên mới tường.
Nghe nhời Đô nói rõ ràng,
Tức thì viết thiếp mời chàng Thúc-sinh.
Nỗi nàng hỏi hết phân minh,
Chồng con đâu tá, tính danh là gì?
Thúc rằng: Gặp bước lưu-ly,
Trong quân, tôi hỏi thiếu gì tóc tơ.
Đại-Vương tên Hải, họ Từ,
Đánh quen trăm trận, sức dư muôn người!
Gặp nàng khi ở châu Thai,
Lạ gì quốc sắc, thiên tài phải duyên!
Vẫy vùng trong bấy nhiêu niên,
Làm nên động địa kinh thiên đùng đùng.
Đại-quân đồn đóng cõi đông,
Về sau, chẳng biết, vân-mồng (1) làm sao?

---

(1) Vân-mồng là tiếng đường trong cũng như là tiếng mông-nỗi ngoài bắc ta.



Cửa giời rộng mở đường mây,
Hoa chào ngõ hạnh hương bay dậm phấn. (Trang 160-161)

Nghe tường ngành ngọn tiêu hao,
Lòng riêng chàng luống lao đao tuẫn thờ.
Xót thay chiếc lá bơ vơ!
Kiếp trần biết giũ bao giờ cho xong? (1)
Hoa trôi nước chảy xuôi dòng,
Xót thân chìm nổi, đau lòng hợp tan!
Nhời xưa đã lỗi muôn vàn,
Mảnh gương còn đó, phím đàn còn dây.
Đàn cầm khéo ngẩn ngơ giây,
Lửa hương biết có kiếp này nữa thôi?
Bình bồng (2) còn chút xa xôi,
Đỉnh-chung (3) sao nỡ ăn ngồi cho an!
Rắp mong treo ấn từ quan,
Mấy sông cũng lội, mấy ngàn cũng pha.
Giấn mình trong đám can qua,
Vào sinh ra tử họa là thấy nhau?
Nghĩ điều giời thẳm vực sâu,
Bóng chim, tăm cá, biết đâu mà nhìn!
Những là nấn ná đợi tin,
Nắng mưa đã biết mấy phen đổi rời!

---

(1) Người ta ở trên đời thường thường gặp nhiều nỗi đắng cay không ai được như ý cả. Sách nho có câu rằng: Thiên-hạ chi bất đắc như ý giả, thập thường hữu bát cửu).

(2) Bình bồng là bèo trôi nổi. Bình bồng đây là trỏ Kiều.

(3) Đỉnh chung là giầu sang phú quí.

Năm mây bỗng thấy chiếu giời, (1)
Khâm-ban sắc-chỉ đến nơi rành rành.
Xim thì cải nhậm Nam-bình,
Chàng Vương cũng cải nhậm thành Hoài-dương.
Sắm sanh xe ngựa vội vàng,
Hai nhà cũng thuận một đường phó quan.
Xảy nghe thế giặc đã tan,
Sóng êm Phúc-kiến, gio tàn Tích-giang.
Được tin, Kim mới bảo Vương,
Tiện đường cùng lại tìm nàng sau xưa.
Hàng-châu đến đó bấy giờ,
Thật tin hỏi được tóc tơ rành rành.
Rằng: Ngày hôm nọ giao binh,
Thất cơ, Từ đã thu linh (2) trận tiền.
Nàng Kiều công cả chẳng đền,
Lệnh quan lại bắt ép duyên thổ-tù.
Nàng đà gieo ngọc trầm chu, (3)
Sông Tiền-đường đó, ấy mồ hồng-nhan!
Thương ôi! Không hợp mà tan,
Một nhà vinh hiển, riêng oan một nàng!
Chiêu hồn, thiết vị lễ thường,
Giải oan lập một đàn-tràng bên sông.

---

(1) Chiếu giời là chiếu của vua.
(2) Thu linh là chết rồi.
(3) Nghĩa là Kiều cũng chết rồi.

Ngọn triều non bạc trùng trùng,
Với trông còn tưởng cánh hồng lúc gieo.
Tình thâm, bể thảm lạ điều,
Nào hồn tinh-vệ (1), biết theo chốn nào?
Cơ duyên đâu bỗng lạ sao?
Giác-duyên đâu bỗng tìm vào tận nơi.
Trông lên linh-vị (2) chữ bài,
Thất kinh mới hỏi rằng: Người đâu ta?
Với nàng thân-thích gần xa?
Người còn, sao bỗng làm ma khóc người?
Nghe tin, nhơ nhác rụng rời,
Xúm quanh kể-lể, dộn nhời hỏi tra.
Này chồng, này mẹ, này cha,
Này là em ruột, này là em dâu.
Thật tin nghe đã bấy lâu,
Pháp-sư dạy thế, sự đâu lạ nhường!
Sư rằng: Nhân quả với nàng,
Lâm-tri buổi trước, Tiền-đường buổi sau.
Khi nàng gieo ngọc trầm châu,
Đón nhau, tôi đã gặp nhau rước về.
Cùng nhau nương cửa Bồ-đề, (3)
Thảo-am đó cũng gần kề chẳng xa.

---

(1) Con gái vua Viêm-đế chết đuối, rồi hóa ra con chim tinh-vệ tha đá lấp bể đông.

(2) Linh-vị là cái bài viết tên người chết để thờ.

(3) Cửa Bồ-đề là cửa Phật.

Phật-tiền ngày bạc lân la,
Đăm đăm, nàng cũng nhớ nhà không khuây!
Nghe tin, nở mặt, nở mày,
Mừng nào lại quá mừng này nữa chăng?
Từ phen chiếc lá lìa rừng, (1)
Thăm tin luống những liệu chừng nước mây.
Rõ ràng hoa rụng, hương bay,
Kiếp sau họa thấy, kiếp này hẳn thôi!
Âm dương đôi ngả chắc rồi,
Cõi trần mà lại thấy người cửu-nguyên!
Cùng nhau lạy tạ Giác-duyên,
Bộ hành một lũ theo liền một khi.
Bẻ lau, vạch cỏ tìm đi,
Tình thâm luống những hồ nghi nửa phần.
Quanh co theo giải giang-tân,
Khỏi rừng lau đã tới sân Phật-đường.
Giác-duyên lên tiếng gọi nàng,
Buồng trong, vội giạo sen vàng bước ra.
Trông xem đủ mặt một nhà,
Thung già còn khỏe, huyên già còn tươi.
Hai em phương-trưởng (2) hòa hai,
Nọ chàng Kim đó, là người ngày xưa!
Tưởng bây giờ là bao giờ,
Rõ ràng mở mắt, còn ngờ chiêm bao.

---

(1) Từ khi Kiều bước chân ra đi.
(2) Phương-trưởng là đã khôn nhớn nên người.

Giọt châu thánh thót quyền bào,
Mừng mừng, tủi tủi biết bao là tình!
Gieo mình dưới gối huyên-đình,
Khóc than kể lại sự mình đầu đuôi:
Từ con lưu lạc quê người,
Bèo trôi sóng vỗ, chốc mười lăm năm!
Tính rằng sông nước cát lầm, (1)
Kiếp này ai lại còn cầm gặp đây?
Ông bà nhìn mặt, cầm tay,
Dung quang chẳng khác chi ngày bước ra.
Bấy chầy giãi nguyệt dầu hoa,
Mười phần xuân, có gầy ba bốn phần.
Nỗi mừng biết lấy chi cân?
Nhời tan hợp, truyện xa gần thiếu đâu?
Hai em hỏi trước han sau,
Đứng trông, nàng cũng giở sầu làm tươi.
Sắp nhau lạy trước Phật-đài,
Tái sinh trần tạ lòng người từ-bi.
Kiệu hoa giục giã tức thì,
Vương-ông dạy rước cùng về một nơi.
Nàng rằng: Chút phận hoa rơi,
Nửa đời nếm trải mọi mùi đắng cay.
Tính rằng mặt nước chân mây,
Lòng nào còn tưởng có rầy nữa không?

---

(1) Cái thân đã bị vùi giập ở bãi cát, đáy sông thì còn mong đâu còn có ngày nay nữa.

Được rầy tái thế tương phùng,
Khát khao đã thỏa tấm lòng bấy nay!
Đã đem mình bỏ am mây,
Tuổi này gửi mấy cỏ cây cũng vừa.
Mùi thuyền đã bén muối giưa,
Mầu thuyền ăn mặc đã ưa nâu sòng.
Sự đời đã tắt lửa lòng,
Còn chen vào chốn bụi hồng làm chi!
Giở giang nào có hay gì?
Đã tu, tu trót qua thì, thì thôi!
Trùng sinh ân nặng bề giời,
Lòng nào nỡ dứt nghĩa người ra đi!
Ông rằng: Bỉ thử nhất thì, (1)
Tu-hành thì cũng phải khi tòng quyền!
Phải điều cầu phật, cầu tiên,
Tình kia, hiếu nọ, ai đền cho đây?
Độ-sinh (2) nhờ đức cao dầy,
Lập am, rồi sẽ rước thầy ở chung.
Nghe nhời nàng phải chiều lòng,
Giã sư, giã cảnh dều cùng bước ra.
Một đoàn về đến quan nha,
Đoàn-viên vội mở tiệc hoa vui vầy.
Tàng tàng chén cúc giở say,
Đứng lên Vân mới giãi bày một hai.

---

(1) Mỗi lúc một khác.
(2) Độ-sinh là đã cứu kẻ sống.

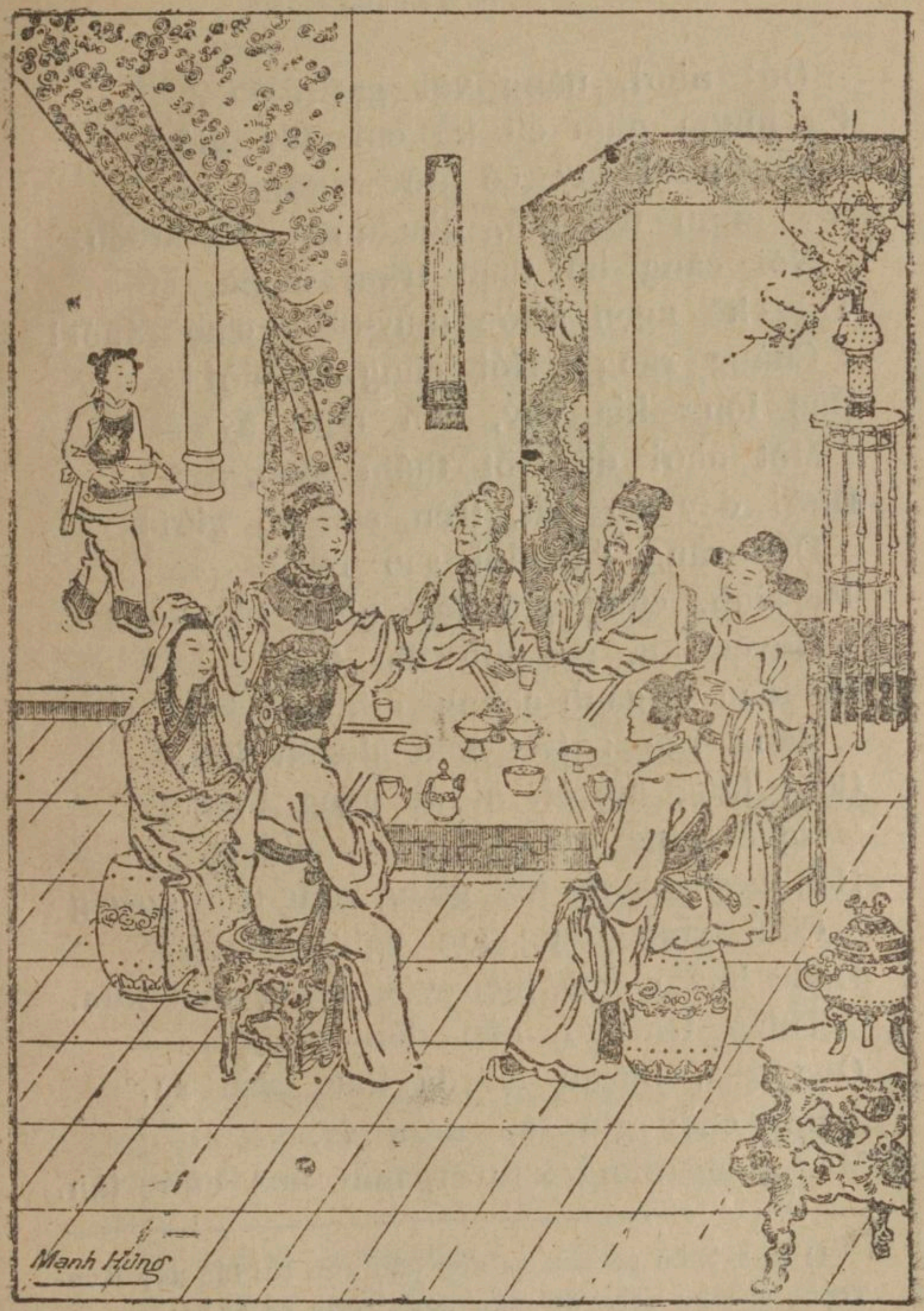
Rằng: Trong tác hợp cơ giời,
Hai bên gặp gỡ, một nhời kết giao.
Gặp cơn bình địa ba đào,
Vậy đem duyên chị buộc vào cho em.
Cũng là phận cải duyên kim,
Cũng là máu chảy, ruột mềm, chớ sao?
Những là rầy ước mai ao,
Mười lăm năm ấy, biết bao nhiêu tình?
Bây giờ gương vỡ lại lành,
Khuôn thiêng (1) lừa lọc, đã đành có nơi!
Còn duyên may lại còn người,
Còn vầng giăng bạc, còn nhời nguyền xưa!
Quả mai ba bảy đương vừa, (2)
Đào non sớm liệu xe tơ kịp thì. (3)

---

(1) Khuôn-thiêng là ông giời.

(2) Chữ Kinh-Thi: Phiếu hữu mai kỳ thực tam hề, phiếu hữu mai kỳ thực thất hề, nghĩa là quả mai rụng đã ba phần, quả mai rụng đã bảy phần. Câu này ý nói con gái đã quá thì vì Kiều bấy giờ đã 30 tuổi.

(3) Có người đọc truyện, cho Thúy-Vân là có ý ghen, nhưng thật nàng không có bụng như thế. Cả nhà từ ông bà Viên-Ngoại, người nào cũng có lòng thủy chung, lúc tìm thấy Kiều mà nàng lại thoái thác không muốn kết duyên với Kim-Trọng nữa, thì ai ai cũng khuyên giải cho nàng phải bằng lòng. Thúy-Vân lúc bấy giờ mà biết đứng lên làm chủ-hôn việc ấy, là chính bổn phận nàng phải như thế, thì thật là một người biết điều phải trái chứ không có ý gì ghen cả.



Một đoàn về đến quan-nha.

Đoàn-viên vội mở tiệc hoa vui vầy. (Xem trang 170-171)

Dứt nhời, nàng vội gạt đi,
Sự muôn năm cũ kể chi bây giờ?
Một nhời tuy có ước xưa,
Xét mình dãi gió, dầu mưa đã nhiều.
Nói càng hổ thẹn trăm chiều,
Thì cho ngọn nước thủy-triều chảy xuôi!
Chàng rằng: Nói cũng lạ đời!
Dẫu lòng kia vậy, còn nhời ấy sao?
Một nhời đã trót thâm giao,
Dưới dầy có đất, trên cao có giời!
Dẫu rằng vật đổi sao rời,
Tử sinh, cũng giữ lấy nhời tử sinh!
Duyên kia có phụ chi tình,
Mà toan sẻ gánh chung-tình làm hai? (1)
Nàng rằng: Gia thất duyên hài,
Chút lòng ân ái, ai ai cũng lòng.
Nghĩ rằng trong đạo vợ chồng,
Hoa thơm phong nhị, giăng vòng tròn gương
Chữ trinh đáng giá nghìn vàng,
Đuốc hoa chẳng thẹn với chàng mai xưa.
Thiếp từ ngộ biến đến giờ,
Ong qua, bướm lại đã thừa xấu xa.
Bấy chầy gió táp mưa sa,
Mấy giăng cũng khuyết, mấy hoa cũng tàn.

---

(1) Cho Kiều có xấu xa đến đâu nữa thì lúc này Kim-Trọng vì lòng quá yêu mến nàng cũng bỏ đi hết.

Còn chi là cái hồng-nhan ?
Đã xong thân thế, còn toan nỗi nào ?
Nghĩ mình chẳng hổ mình sao ?
Dám đem trần-cấu dự vào bố-kinh ! (1)
Đã hay chàng nặng vì tình,
Trông hoa đèn chẳng thẹn mình lắm ru !
Từ rầy khép cửa phòng thu,
Chẳng tu, thì cũng như tu mới là !
Chàng dù nghĩ đến tình xa,
Đem tình cầm-sắt (2) đổi ra cầm-cờ. (3)
Nói chi kết tóc se tơ,
Đã buồn cả ruột, lại rơ cả đời !
Chàng rằng : Khéo nói nên nhời,
Mà trong nhễ phải có người có ta !
Xưa nay trong đạo đàn bà,
Chữ trinh kia cũng có ba bảy đường.
Có khi biến, có khi thường,
Có quyền nào phải một đường chấp kinh ?
Như nàng lấy hiếu làm trinh,
Bụi nào cho đục được mình ấy vay ?

---

(1) Trần-cấu là bụi rơ. Bố-kinh là nghĩa vợ chồng Hai câu này Kiều có ý nói rằng : cái thân tôi đã bị nhơ nhuốc cho nên không dám mong gì đến sự vợ chồng nữa

(2) Cầm-sắt là vợ chồng.

(3) Cầm-cờ (cầm-kì) là bè bạn.

Giời còn để có hôm nay,
Tan sương đầu ngõ, vén mây giữa giời.
Hoa tàn mà lại thêm tươi,
Giăng tàn mà lại hơn mười rằm xưa.
Có điều chi nữa mà ngờ ?
Khách qua đường dễ hững hờ chàng Tiêu ! (1)
Nghe chàng nói đã hết điều,
Hai thân thì cũng quyết theo một bài.
Hết nhời, khôn nhẽ chối nhời,
Gót đầu, nàng những ngắn dài thở than.
Đoàn-viên mở tiệc nhà lan,
Hoa soi ngọn đuốc, hồng chen bức là.
Cùng nhau giao bái một nhà,
Lễ đà đủ lễ, đôi đà xứng đôi !
Động phòng dìu dặt chén mồi,
Bâng khuâng duyên mới, ngậm ngùi tình xưa.
Những từ sen ngó, đào tơ,
Mười lăm năm mới bây giờ là đây !
Tình duyên ấy, hợp tan này,
Bi hoan mấy nỗi, đêm chầy giăng cao.
Canh khuya bức gấm rủ thao,
Dưới đèn tỏ rạng má đào thêm xuân.

---

(1) Tình-sử : Vợ Tiêu-Lang là nàng Lục-Châu bị người ta bắt dâng ông Quách-tử-Nghi cho nên từ bấy giờ Tiêu-Lang trông thấy vợ lúc nào thì cũng như người đi đường thôi.

Tình nhân lại gặp tình nhân,
Hoa xưa ong cũ, mười phân chung tình!
Nàng rằng: Phận thiếp đã đành,
Có làm chi nữa cái mình bỏ đi!
Nghĩ chàng nghĩa cũ tình ghi,
Chiều lòng gọi chút xướng tùy mảy may. (1)
Riêng lòng đã thẹn lắm thay,
Cũng đà mặt dạn, mày dầy, khó coi.
Những như âu yếm vành ngoài,
Còn toan mở mặt với người cho qua.
Lại như những thói người ta,
Nhặt hương dưới đất, bẻ hoa cuối mùa.
Khéo là rơ ruốc bày trò,
Còn tình đâu nữa, là thù đấy thôi!
Người yêu, ta xấu với người,
Yêu nhau thì lại bằng mười phụ nhau!
Cửa nhà dù tính về sau,
Thì đà em đó, lọ cầu chị đây?
Chữ trinh còn một chút này,
Chẳng cầm cho vững, lại giầy cho tan!
Còn nhiều ân ái chan chan,
Hay gì một mảnh hoa tàn mà chơi?
Chàng rằng: Gắn bó một nhời,
Bỗng không cá nước, chim giời nhỡ nhau.

---

(1) Phu xướng phụ tòng nghĩa là chồng xướng vợ theo.

Xót người lưu lạc bấy lâu,
Tưởng thề thốt nặng, nên đau đớn nhiều!
Cùng nhau sinh tử đã liều,
Gặp nhau còn thiếu bấy nhiêu là tình.
Chừng xuân tơ liễu còn xanh,
Nghĩ sao cho thoát khỏi vành ái ân.
Gương trong chẳng chút bụi trần,
Một nhời quyết hẳn muôn phần kính thêm!
Bấy lâu đáy bể mò kim,
Đã nhiều vàng đá, phải tìm giăng hoa.
Ai ngờ lại hợp một nhà.
Lọ là chăn gối, mới ra sắt cầm.
Nghe nhời sửa áo cài trâm,
Khấu đầu lạy tạ cao thâm nghìn trùng.
Thàn tàn gạn đục khơi trong, (1)
Là nhờ quân-tử khác lòng người ta.
Mấy nhời tâm phúc ruột già,
Tương-tri dường ấy, mới là tương-tri!
Chở che đùm bọc thiếu gì?
Trăm năm danh-tiết cũng vì đêm nay!

---

(1) Trong mười mấy năm giời tuy Kiều đã bị xấu-xa ê-chề đủ mọi nỗi từ lúc đầu ở nhà bước chân ra đi cho đến lúc gieo mình xuống sông Tiền-Đường, thì toàn là những sự bó buộc bắt nàng phải chịu như thế, chẳng qua là số mệnh người ta chứ nàng thật là một người chẳng những có tài, có sắc mà thôi, mà lại có đủ cả nhân, nghĩa, lễ, trí, tín và đủ mọi nết hay.

Thoát thôi tay lại cầm tay,
Càng yêu vì nết, càng say vì tình!
Thêm nến giá, nối hương bình,
Cùng nhau lại chúc chén quỳnh giao hoan.
Tình xưa lai láng khôn hàn,
Thong dong lại hỏi ngón đàn ngày xưa.
Nàng rằng: Vì mấy đường tơ,
Nhầm người cho đến bây giờ mới thôi!
Ăn năn thì sự đã rồi.
Nể lòng người cũ vâng nhời một phen.
Phím đàn dìu dặt tay tiên,
Khói trầm cao thấp, tiếng huyền gần xa.
Khúc đâu đầm ấm dương hòa,
Ấy là Hồ-điệp, hay là Trang-sinh, (1)
Khúc đâu êm ái xuân tình,
Ấy hồn Thục-đế, hay mình Đỗ-quyên? (2)
Trong sao châu rỏ ghềnh quyên,
Ấm sao hạt ngọc Lam-điền mới đông?
Lọt tai nghe suốt năm cung,
Tiếng nào là chẳng não nùng xôn xao?
Chàng rằng: Phổ ấy tay nào?
Xưa sao sầu thảm, nay sao vui vầy?

---

(1) Trang-Sinh ngày xưa nằm mơ hóa ra con bươm bướm (hồ-điệp).

(2) Vua Thục-Đế ngày xưa mất nước về tay Tử-Chi rồi hóa ra con quốc kêu suốt đêm ngày.

Thương, vui bởi tại lòng này,
Hay là khổ tận đến ngày cam lai?
Nàng rằng: Vì chút nghề chơi,
Đoạn-trường tiếng ấy hại người bấy lâu!
Một phen tri-kỷ cùng nhau,
Cuốn giây từ đấy, về sau xin chừa.
Truyện trò chưa cạn tóc tơ,
Gà đà gáy sáng, giời vừa rạng đông.
Tình riêng chàng lại nói sòng,
Một nhà ai cũng lạ lùng khen lao!
Cho hay thục nữ chí cao,
Phải người sớm mận tối đào như ai?
Hai tình vẹn cả hòa hai,
Chăng trong chăn gối, cũng ngoài cầm thơ.
Khi chén rượu, khi cuộc cờ,
Khi xem hoa nở, khi chờ giăng lên.
Ba sinh đã phỉ mười nguyền,
Duyên đôi lứa cũng là duyên bạn bầy.
Nhớ nhời lập một am mây,
Khiến người thân tín, rước thầy Giác-duyên.
Đến nơi đóng cửa cài then,
Rêu trùm kẽ ngạch, cỏ lên mái nhà.
Sư đà hái thuốc phương xa,
Mây bay hạc lánh, biết là tìm đâu? (1)
Nặng vì chút nghĩa bấy lâu,
Trên am cứ giữ hương dầu hôm mai.

---

(1) Chắc có nhẽ bà là tiên.

Một nhà phúc lộc gồm hai,
Nghìn năm rằng rặc, quan giai lần lần.
Thừa gia chẳng hết, nàng Vân,
Một cây cù mộc, một sân quế hòe.
Phong lưu phú quí ai bì,
Vườn xuân một cửa để bia muôn đời.
Ngẫm hay muôn sự tại giời,
Giời kia đã bắt làm người có thân!
Bắt phong-trần phải phong-trần,
Cho thanh-cao mới được phần thanh-cao.
Có đâu thiên-vị người nào?
Chữ tài chữ mạnh dồi dào cả hai!
Có tài mà cậy chi tài?
Chữ tài liền với chữ tai một vần.
Đã mang lấy nghiệp vào thân,
Cũng đừng trách lẫn giời gần giời xa.
Thiện căn ở tại lòng ta,
Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài!
Nhời quê chắp nhặt dông dài,
Mua vui cũng được một vài trống canh.

CHUNG

Người làm sách giữ bản-quyền

Quán Ven Đường, Góp Nhặt Sách Xưa (người góp nhặt Huỳnh Chiếu Đẳng)